

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Tài chính - Ngân hàng
Mã số: 52 34 02 01

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2016

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Tài chính - Ngân hàng
Mã số: 52 34 02 01

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-ĐHSG-ĐT
ngày tháng năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2016

MỤC LỤC

PHẦN 1 MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA.....	3
1.1. Mục tiêu chung.....	3
1.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra	3
1.2.1. Yêu cầu về kiến thức	3
1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng	3
1.2.3. Yêu cầu về thái độ	4
1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp	4
1.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	4
1.5. Các chương trình đã tham khảo	5
1.5.1. Các chương trình trong nước	5
1.5.2. Các chương trình nước ngoài.....	5
PHẦN 2 NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	6
2.1. Khái quát chương trình đào tạo.....	6
2.1.1. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo.....	6
2.1.2. Cấu trúc chung của chương trình đào tạo.....	6
2.1.3. Điều kiện tốt nghiệp.....	6
2.1.4. Các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo	6
2.2. Khung chương trình đào tạo	7
2.3. Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành (không có).....	9
2.4. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ	9
2.5. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ của khối kiến thức chuyên ngành (không có)	11
PHẦN 3 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN.....	12
MARKETING CĂN BẢN.....	13
KINH TẾ LƯỢNG.....	17
QUẢN TRỊ HỌC CĂN BẢN.....	21
KINH TẾ VI MÔ	25
KINH TẾ VĨ MÔ	29
LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH TIỀN TỆ.....	35
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 1	39
THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH.....	42
TÀI CHÍNH QUỐC TẾ	46
PHÂN TÍCH & ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH.....	50
THANH TOÁN QUỐC TẾ	53
PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP.....	57
QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH.....	60

KINH DOANH NGOẠI HỐI	64
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 2	68
NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	72
THIẾT LẬP VÀ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ	76
TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG	80
KẾ TOÁN TÀI CHÍNH.....	92
TÀI CHÍNH CÔNG	96
THUẾ	99
THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG.....	104
HỆ THỐNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH	108
HỆ THỐNG THÔNG TIN NGÂN HÀNG	111
QUẢN TRỊ DANH MỤC ĐẦU TƯ	114
QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.....	118
KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU.....	121
MARKETING NGÂN HÀNG.....	125
TÀI CHÍNH HÀNH VI.....	129
TÀI CHÍNH VI MÔ.....	133
PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH LƯỢNG TRONG TÀI CHÍNH	137
KẾ TOÁN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	141
KẾ TOÁN QUẢN TRỊ	146
THỰC TẬP TỐT NGHIỆP.....	151
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP.....	154
NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG	157
KHAI BÁO THUẾ.....	160
ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN	163

PHẦN 1

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có kiến thức chuyên môn vững vàng, nắm vững những kiến thức cơ bản về Kinh tế - Xã hội, Tài chính và Kế toán; có năng lực nghiên cứu, tổ chức và giải quyết vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế nói chung và Tài chính - Ngân hàng nói riêng. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận tốt công việc ở các bộ phận trong các loại hình doanh nghiệp, đặc biệt tại công ty cổ phần, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư, ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

1.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra

1.2.1. Yêu cầu về kiến thức

- Kiến thức chuyên ngành

CTĐT cung cấp cho sinh viên kiến thức rộng về hoạt động của nền kinh tế nói chung và sâu về hoạt động của thị trường tài chính và tài chính của một công ty và ngân hàng nói riêng. Sinh viên học xong chương trình này có kiến thức và am hiểu vĩ mô về hoạt động của nền kinh tế, đồng thời cũng có kiến thức và am hiểu vi mô về hoạt động của thị trường tài chính và tài chính của doanh nghiệp. Trên nền tảng kiến thức đó, sinh viên có thể vận dụng vào việc xử lý và hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn được giao và học tập lên các bậc học cao hơn sau này. Cụ thể, sinh viên được trang bị những kiến thức nền tảng sau đây:

- Kiến thức về nghiệp vụ chuyên môn tài chính doanh nghiệp, đầu tư tài chính, kế toán, phân tích tài chính, tài chính công.
- Kiến thức về nghiệp vụ chuyên môn ngân hàng: nghiệp vụ ngân hàng, kế toán ngân hàng, thanh toán quốc tế, kinh doanh chứng khoán và các nghiệp vụ về quản lý Tài chính - Ngân hàng trong các tổ chức khác (tổ chức tín dụng phi ngân hàng, cơ quan quản lý nhà nước...).

- Kiến thức bổ trợ

Kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp và kiến thức về các nghiệp vụ bổ trợ như: Kế toán doanh nghiệp, luật doanh nghiệp, luật ngân hàng, luật chứng khoán; giúp cho người học có khả năng chuyển đổi linh hoạt ngành nghề khi cần thiết.

1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng

- Có khả năng hoạch định, phân tích, đánh giá và ra quyết định trong quản trị tài chính các doanh nghiệp, thẩm định dự án, kinh doanh chứng khoán và đầu tư tài chính ở các tổ chức tài chính (quỹ đầu tư, công ty bảo hiểm...).

- Có khả năng thực hiện các nghiệp vụ tín dụng, kế toán, thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại tệ trong các ngân hàng.

- Có khả năng thực hiện các nghiệp vụ trong các tổ chức tài chính khác như: thuế, kho bạc, hải quan và các nghiệp vụ kế toán doanh nghiệp.

- Có khả năng sử dụng phần mềm tin học để xử lý các bài toán tài chính phục vụ cho việc quản lý tài chính.

- Có kỹ năng tự học, tư duy sáng tạo, phân tích, tổng hợp và vận dụng sáng tạo kiến thức được học để giải quyết vấn đề gặp phải;

- Có kỹ năng làm việc hợp tác theo nhóm và kỹ năng làm việc độc lập để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1.2.3. Yêu cầu về thái độ

- Có ý thức chấp hành pháp luật của Nhà nước

- Có ý thức tổ chức kỷ luật lao động cao

- Có đạo đức nghề nghiệp

- Yêu ngành, yêu nghề

- Có tinh thần cầu tiến, luôn học tập nâng cao kiến thức

- Có ý thức làm việc nhóm

- Có ý thức phục vụ xã hội, phục vụ cộng đồng.

1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Với kiến thức, năng lực chuyên môn đã được trang bị trong suốt 4 năm học, sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể làm việc cho các ngân hàng, các loại hình doanh nghiệp hoặc các tổ chức tài chính phi ngân hàng ở những vị trí làm việc sau:

- Chuyên viên tài chính, phân tích tài chính trong các doanh nghiệp, các tổ chức tài chính (quỹ đầu tư, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm).

- Nhân viên tín dụng, kế toán, kế toán viên phòng thanh toán quốc tế, chuyên viên kinh doanh ngoại hối trong các ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, các cơ quan quản lý Nhà nước về Tài chính - Ngân hàng.

- Có khả năng chuyển đổi để làm các công việc khác trong các doanh nghiệp và tổ chức khác.

1.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Mục tiêu của CTĐT không chỉ cung cấp kiến thức và kỹ năng làm việc cho sinh viên sau khi tốt nghiệp mà còn cung cấp nền tảng kiến thức để sinh viên có thể học tập lên các bậc học cao hơn hoặc tự học suốt đời để cập nhật kiến thức và nâng cao trình độ. Sau khi hoàn tất chương trình này, sinh viên có thể tiếp tục học lên cao học và tiến sĩ ở các trường đại học trong và ngoài nước thuộc ngành đào tạo, hoặc các ngành khác có liên quan đến kinh tế tài chính.

1.5. Các chương trình đã tham khảo

1.5.1. Các chương trình trong nước

- Chương trình trường Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Chương trình trường Đại học Kinh tế TP HCM.
- Chương trình trường Đại học Kinh tế - Luật.
- Chương trình trường Đại học Ngân hàng.
- Chương trình trường Đại học Mở.

1.5.2. Các chương trình nước ngoài

- Chương trình trường Northwood University.
- Chương trình trường Texas A&M University.
- Chương trình trường Michigan Tech.
- Chương trình trường California State University, Long Beach.
- Chương trình trường California State University, Fullerton.
- Chương trình trường Texas Tech University.

**DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA/NGÀNH

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

TS. My Giang Sơn

TS. Trần Đình Phụng

PHẦN 2

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Khái quát chương trình đào tạo

2.1.1. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo

- Đối tượng tuyển sinh: tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương
- Thời gian đào tạo: 04 năm

2.1.2. Cấu trúc chung của chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ trong chương trình: **150** tín chỉ. Sinh viên phải tích lũy tối thiểu **132** tín chỉ (không kể 03 tín chỉ của môn học Giáo dục thể chất và 08 tín chỉ của môn học Giáo dục quốc phòng - An ninh), trong đó:

- Khối kiến thức chung: **19** tín chỉ (bắt buộc: 19 tín chỉ; tự chọn: 00 tín chỉ);
- Khối kiến thức cơ sở: **34** tín chỉ (bắt buộc: 34 tín chỉ; tự chọn: 00 tín chỉ);
- Khối kiến thức ngành: **66** tín chỉ (bắt buộc: 51 tín chỉ; tự chọn: 15 tín chỉ);
- Thực tập nghề nghiệp: **5** tín chỉ.
- Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: **8** tín chỉ

2.1.3. Điều kiện tốt nghiệp

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo theo quy định;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học do Hiệu trưởng quy định;
- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Hiệu trưởng quy định;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh và chứng chỉ Giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục - thể thao;
- Có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

2.1.4. Các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

Không có.

2.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
I	Khối kiến thức chung: 19/132 tín chỉ									
	Bắt buộc: 19/19 tín chỉ									
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	861001	5	75				75	1	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	861002	2	30				30	1	861001
3	Đường lối cách mạng ĐCSVN	861003	3	45				45	1	861002
4	Giáo dục thể chất (I)	862101	1				30	30	0.5	
5	Giáo dục thể chất (II)	862102	1				30	30	0.5	862101
6	Giáo dục thể chất (III)	862103	1				30	30	0.5	862101
7	GD quốc phòng – AN (I)	862106	3	45				45	1	861003
8	GD quốc phòng – AN (II)	862107	2	30				30	1	
9	GD quốc phòng – AN (III)	862108	3				45	45	1	
10	Tiếng Anh (I)	866101	2	30				30	1	Điểm KS >=50
11	Tiếng Anh (II)	866102	2	30				30	1	866101
12	Tiếng Anh (III)	866103	3	45				45	1	866102
13	Pháp luật đại cương	865006	2	30				30	1	
	Tự chọn: 00/19 tín chỉ									
II	Khối kiến thức cơ sở khối ngành: 34/132 tín chỉ									
	Bắt buộc: 34/34 tín chỉ									
14	Phương pháp nghiên cứu khoa học	868001	2	30				30	1	
15	Xác suất thống kê A	864001	3	45				45	1	
16	Nguyên lý thống kê kinh tế	867001	3	45				45	1	864001
17	Nguyên lý kế toán	867002	3	45				45	1	
18	Luật kinh tế	867003	3	45				45	1	865006
19	Quy hoạch tuyến tính	867006	2	30				30	1	
20	Toán cao cấp C1	867007	3	45				45	1	
21	Toán cao cấp C2	867008	2	30				30	1	
22	Marketing căn bản	832301	2	30				30	1	832105
23	Kinh tế lượng	832006	3	30	10	5		45	1	864001
24	Quản trị học căn bản	832024	2	30				30	1	
25	Kinh tế vi mô	832105	3	30	10	5		45	1	
26	Kinh tế vĩ mô	832106	3	45				45	1	832105
	Tự chọn: 00/34 tín chỉ									
III	Khối kiến thức ngành: 66/132 tín chỉ									
	Bắt buộc: 51/66 tín chỉ									
27	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	832107	3	45				45	1	832105
28	Tài chính doanh nghiệp 1	832058	3	45				45	1	832107
29	Thị trường tài chính	832033	3	45				45	1	832107

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
30	Tài chính quốc tế	842056	3	45				45	1	832033
31	Phân tích và đầu tư tài chính	842054	3	45				45	1	832033 832058
32	Thanh toán quốc tế	832065	3	45				45	1	832061
33	Phân tích báo cáo tài chính DN	832060	3	45				45	1	842301
34	Quản trị rủi ro tài chính	842059	3	45				45	1	832058
35	Kinh doanh ngoại hối	842112	3	45				45	1	832061
36	Tài chính doanh nghiệp 2	832059	3	45				45	1	832058
37	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	832061	3	45				45	1	832107
38	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	842111	3	45				45	1	832058
39	Tiếng Anh chuyên ngành TC - NH	842025	3	45				45	1	866102
40	Kế toán tài chính	842301	3	45				45	1	867002
41	Tài chính công	832113	3	45				45	1	832107
42	Thuế	832026	3	45				45	1	
43	Thẩm định tín dụng	842055	3	45				45	1	832061 832058
Tự chọn: 15/66 tín chỉ										
Nhóm 1			3/6							
44	Hệ thống thông tin tài chính	842008	3	45				45	1	832058
45	Hệ thống thông tin ngân hàng	842009	3	45				45	1	832061
Nhóm 2			3/6							
46	Quản trị danh mục đầu tư	842109	3	45				45	1	842054
47	Quản trị ngân hàng thương mại	842061	3	45				45	1	832061
Nhóm 3			3/6							
48	Kinh doanh xuất nhập khẩu	842113	3	45				45	1	832065 842025
49	Marketing ngân hàng	842051	3	45				45	1	832301
Nhóm 4			3/9							
50	Tài chính hành vi	842302	3	45				45	1	832033
51	Tài chính vi mô	842303	3	45				45	1	832107
52	Phương pháp định lượng trong TC-NH	842304	3	45				45	1	864001 832107
Nhóm 5			3/6							
53	Kế toán ngân hàng thương mại	832112	3	45				45	1	867002 832061
54	Kế toán quản trị	842110	3	45				45	1	867002
IV	Khối kiến thức chuyên ngành: 00/132 tín chỉ									
	Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành được ghi trong mục 2.3									

18	Luật kinh tế	867003	3			X							
19	Quy hoạch tuyến tính	867006	2		X								
20	Toán cao cấp C1	867007	3	X									
21	Toán cao cấp C2	867008	2		X								
22	Marketing căn bản	832301	2		X								
23	Kinh tế lượng	832006	3			X							
24	Quản trị học căn bản	832024	2		X								
25	Kinh tế vi mô	832105	3	X									
26	Kinh tế vĩ mô	832106	3		X								
Tự chọn: 00/34 tín chỉ													
III Khối kiến thức ngành: 48/132 tín chỉ													
Bắt buộc: 39/48 tín chỉ													
27	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	832107	3		X								
28	Tài chính doanh nghiệp 1	832058	3				X						
29	Thị trường tài chính	832033	3			X							
30	Tài chính quốc tế	842056	3						X				
31	Phân tích và đầu tư tài chính	842054	3						X				
32	Thanh toán quốc tế	832065	3						X				
33	Phân tích báo cáo tài chính DN	842062	3							X			
34	Quản trị rủi ro tài chính	842059	3							X			
35	Kinh doanh ngoại hối	842112	3						X				
36	Tài chính doanh nghiệp 2	832059	3				X						
37	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	832061	3				X						
38	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	842111	3					X					
39	Tiếng Anh chuyên ngành TC – NH	842025	3					X					
40	Kế toán tài chính	842301	3				X						
41	Tài chính công	832113	3					X					
42	Thuế	832026	3				X						
43	Thẩm định tín dụng	842055	3					X					
Tự chọn: 15/48 tín chỉ													
Nhóm 1 (3/48 tín chỉ)			3/6										
44	Hệ thống thông tin tài chính	842008	3					X					
45	Hệ thống thông tin ngân hàng	842009	3					X					
Nhóm 2 (3/48 tín chỉ)			3/6										
46	Quản trị danh mục đầu tư	842109	3							X			
47	Quản trị ngân hàng thương mại	842061	3							X			
Nhóm 3 (3/48 tín chỉ)			3/6										
48	Kinh doanh xuất nhập khẩu	842113	3							X			
49	Marketing ngân hàng	842051	3							X			
Nhóm 4 (3/48 tín chỉ)			3/9										
50	Tài chính hành vi	842302	3				X						

51	Tài chính vi mô	842303	3				X					
52	Phương pháp định lượng trong TC-NH	842304	3				X					
	Nhóm 5 (3/48 tín chỉ)		3/6									
53	Kế toán NHTM	832112	3					X				
54	Kế toán quản trị	842110	3					X				
IV	Thực tập: 5/132 tín chỉ											
55	Thực tập tốt nghiệp		5									X
V	Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: 8/132 tín chỉ											
56	Khóa luận tốt nghiệp		8									X
	Các học phần thay thế khóa luận											
	• Bắt buộc: 8/8 tín chỉ											
57	Nghiệp vụ Ngân hàng trung ương	842305	3									X
58	Khai báo thuế	842117	2									X
59	Định giá tài sản	842118	3									X
	• Tự chọn: 0/8 tín chỉ											
			Tổng cộng số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy: 132 tín chỉ/ 132 tín chỉ									

2.5. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ của khối kiến thức chuyên ngành (không có)

**DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA/NGÀNH

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

TS. My Giang Sơn

TS. Trần Đình Phụng

PHẦN 3
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

HỌC PHẦN
MARKETING CĂN BẢN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Marketing căn bản
- Mã học phần: 832301
- Số tín chỉ: 02
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Kinh tế vi mô (832105)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
- + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Marketing

3. Mô tả học phần

Học phần này giúp sinh viên hiểu được khái niệm marketing, nắm bắt quy trình nghiên cứu thị trường và cách thức tìm hiểu nhu cầu của thị trường. Từ đó đề ra chiến lược 4P (sản phẩm, giá, phân phối và xúc tiến) phù hợp giúp doanh nghiệp tiếp cận thị trường mục tiêu thành công.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

- Nêu khái niệm marketing, và các thuật ngữ liên quan
- Giải thích quy trình marketing
- Trình bày và giải thích môi trường marketing
- Mô tả quy trình nghiên cứu và thu thập dữ liệu từ thị trường
- Mô tả và giải thích mô hình hành vi khách hàng
- Trình bày các quyết định về sản phẩm và vòng đời sản phẩm
- Trình bày các quyết định về giá và chiến lược định giá
- Trình bày các quyết định trong kênh phân phối và cách thức tổ chức và quản trị kênh phân phối
- Trình bày các quyết định về chiêu thị và truyền thông tích hợp

4.2. Về kĩ năng

Học phần này giúp học viên nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng phản biện, kỹ năng viết báo cáo

4.3. Về thái độ

- Nhận thức và hiểu được tầm quan trọng của marketing đối doanh nghiệp và các tổ chức
- Nhận thức được vai trò của marketing là việc kết hợp của toàn bộ tổ chức để đạt được các mục tiêu.
- Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của khách hàng
- Quan tâm đến đạo đức trong kinh doanh và lợi ích xã hội

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: Tổng quan về marketing	3	Thuyết giảng và thảo luận
1.1 . Marketing là gì?		
1.1.1. Marketing theo nghĩa rộng		
1.1.2. Marketing theo nghĩa hẹp		
1.1.3. Marketing làm gì?		
1.2. Lịch sử phát triển và các triết lý marketing		
1.2.1. Triết lý sản xuất		
1.2.2. Triết lý sản phẩm		
1.2.3. Triết lý bán hàng		
1.2.4. Triết lý marketing		
1.2.5. Triết lý marketing đạo đức xã hội		
1.3. Các khái niệm cốt lõi của marketing		
1.4. Quy trình marketing		
1.4.1. Thấu hiểu thị trường và nhu cầu khách hàng		
1.4.2. Thiết kế chiến lược hướng đến khách hàng		
1.4.3. Chuẩn bị chương trình và kế hoạch marketing		
1.4.4. Xây dựng mối quan hệ dài hạn với khách hàng		
1.4.5. Giành lấy giá trị từ khách hàng		
Chương 2: Thị trường và nghiên cứu thị trường	6	Thuyết giảng và thảo luận
2.1. Thị trường		
2.1.1. Môi trường vĩ mô		
2.1.2. Môi trường vi mô		
2.2. Nghiên cứu thị trường		
2.2.1. Khái niệm		
2.2.2. Quy trình nghiên cứu		
2.3. Hành vi người tiêu dùng & tổ chức		
2.3.1. Mô hình hành vi của người tiêu dùng		
2.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng		
2.3.3. Quy trình ra quyết định mua của người tiêu dùng		

2.3.4. Hành vi mua của khách hàng tổ chức		
Chương 4: Phân khúc, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị	3	Thuyết giảng và thảo luận
4.1. Phân khúc		
4.1.1. Khái niệm		
4.1.2. Các tiêu thức		
4.1.3. Yêu cầu của việc phân khúc		
4.2. Lựa chọn thị trường mục tiêu		
4.2.1. Khái niệm		
4.2.2. Đánh giá các khúc thị trường		
4.2.3. Chiến lược chọn thị trường mục tiêu		
4.3. Định vị		
4.3.1. Khái niệm		
4.3.2. Quá trình định vị		
Chương 5: Các quyết định về sản phẩm	6	
5.1. Phân loại sản phẩm/dịch vụ		
5.2. Các quyết định về sản phẩm và dịch vụ		
5.2.1. Sản phẩm đơn lẻ		
5.2.2. Dòng sản phẩm		
5.2.3. Tổ hợp sản phẩm		
5.3. Vòng đời sản phẩm		
5.4. Phát triển sản phẩm mới		
Chương 6: Các quyết định về giá	6	Thuyết giảng và thảo luận
6.1. Khái niệm về giá		
6.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định về giá		
6.2.1. Các yếu tố bên trong công ty		
6.2.2. Các yếu tố bên ngoài công ty		
6.3. Các phương pháp định giá		
6.3.1. Định giá dựa vào chi phí		
6.3.2. Định giá dựa vào giá trị khách hàng		
6.3.3. Định giá theo đối thủ cạnh tranh		
6.4. Các chiến lược định giá điển hình		
6.4.1. Định giá cho sản phẩm mới		
6.4.2. Định giá cho tổ hợp sản phẩm		
6.4.3. Điều chỉnh giá		
6.4.4. Thay đổi giá		
6.4.5. Định giá cho sản phẩm mới		
Chương 7: Quyết định về kênh phân phối	3	Thuyết giảng và thảo luận
7.1. Kênh phân phối và vai trò của kênh phân phối		
7.2. Các kiểu kênh phân phối		
7.3. Lựa chọn kênh phân phối		
7.3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn kênh phân phối		
7.3.2. Các phương thức phân phối		
7.4. Tổ chức kênh phân phối		
7.4.1. Hệ thống kênh phân phối truyền thống		
7.4.2. Hệ thống kênh phân phối dọc		

7.4.3. Hệ thống kênh phân phối ngang		
7.4.4. Hệ thống kênh phân phối đa kênh		
7.5. Quản trị kênh phân phối		
Chương 8: Các quyết định về xúc tiến	3	Thuyết giảng và thảo luận
8.1. Khái niệm xúc tiến		
8.2. Tổ hợp xúc tiến và các công cụ xúc tiến		
8.2.1. Quảng cáo		
8.2.2. Khuyến mãi		
8.2.3. Bán hàng cá nhân		
8.2.4. Tuyên truyền và quan hệ công chúng		
8.2.5. Marketing trực tiếp		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Lưu Đan Thọ (2015), *Marketing Hiện Đại*, NXB Tài Chính, Thành phố Hồ Chí Minh.

6.2. Tài liệu khác

2. Nguyễn Thị Mai Trang & Nguyễn Đình Thọ (2009), *Nguyên Lý Marketing*, NXB Lao động.
3. Philip Kotler & Gary Armstrong (2012), *Nguyên Lý Tiếp Thị*, NXB Lao động-Xã hội.
4. Lê Thế Giới & các tác giả (2014), *Quản trị Marketing định hướng giá trị*, NXB Lao động-Xã hội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 1 bài kiểm tra giữa kỳ

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6.

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

ThS. Nguyễn Thị Túy Lan

ThS. Lê Nguyễn Bình Minh

HỌC PHẦN
KINH TẾ LƯỢNG

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Kinh tế lượng
- Mã học phần: 832006
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm): 45 (30; 10; 5; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Xác suất thống kê A (864001)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành:
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Toán ứng dụng – Khoa Toán - Ứng dụng

3. Mô tả học phần

Học phần cung cấp các nội dung cơ bản về ứng dụng phân tích hồi quy trong kinh tế. Các kiến thức thu được từ học phần giúp người học bước đầu biết vận dụng phương pháp kinh tế lượng để phân tích, dự báo kinh tế. Học phần được cấu trúc thành 5 chương. Chương 1 trình bày tổng quan về kinh tế lượng. Hai chương 2 và 3 trình bày hồi quy hai biến và hồi quy nhiều biến. Chương 4 được dành để trình bày bài toán phân tích hồi quy có sử dụng biến giả. Chương 5 đề cập về hiện tượng đa cộng tuyến.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Sinh viên hiểu được các vấn đề:

- Vai trò của phân tích hồi quy;
- Các dạng bài toán ước lượng, kiểm định giả thiết, dự báo đối với hồi quy hai biến và hồi quy nhiều biến;
- Hồi quy với biến giả, kỹ thuật sử dụng biến giả;
- Đa cộng tuyến: Khái niệm, nguyên nhân, ảnh hưởng, cách phát hiện, biện pháp khắc phục và các ước lượng liên quan;
- Các chức năng quan trọng của phần mềm Eviews (phiên bản cập nhật).

4.2. Về kỹ năng: Sinh viên đạt được các kỹ năng:

- Nhận dạng được các mô hình hồi quy, các dạng bài toán và thực hiện được các tính toán liên quan;

- Sử dụng được phần mềm Eviews ở mức độ cơ bản.

4.3. Về thái độ: Tham gia học tập đầy đủ, có ý thức tự học, chuẩn bị bài theo yêu cầu của giáo viên.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. GIỚI THIỆU VỀ KINH TẾ LƯỢNG	3	Diễn giảng, thảo luận và làm bài tập
1.1. Giới thiệu về kinh tế lượng		
1.1.1. Kinh tế học và kinh tế lượng		
1.1.2. Vai trò của kinh tế lượng		
1.2. Phương pháp kinh tế lượng		
1.2.1. Lược đồ về phương pháp kinh tế lượng		
1.2.2. Ví dụ		
1.3. Số liệu trong kinh tế lượng		
1.3.1. Số liệu theo cấu trúc		
1.3.2. Số liệu theo nguồn gốc		
1.3.3. Các chú ý khi lấy số liệu		
Chương 2. HỒI QUY HAI BIẾN	18	
2.1. Phân tích hồi quy		
2.1.1. Phân tích hồi quy		
2.1.2. Các ví dụ		
2.1.3. Vai trò của phân tích hồi quy		
2.2. Hồi quy hai biến		
2.2.1. Hàm hồi quy và mô hình hồi quy tổng thể		
2.2.2. Hàm hồi quy và mô hình hồi quy mẫu		
2.2.3. Mối liên hệ		
2.3. Các bài toán ước lượng		
2.3.1. Lý thuyết mẫu và thực hành tính toán		
2.3.2. Ước lượng điểm cho các hệ số hồi quy		
2.3.3. Ước lượng khoảng cho các hệ số hồi quy		
2.3.4. Ước lượng cho phương sai của nhiễu		
2.4. Các bài toán kiểm định		
2.4.1. Bài toán kiểm định giải thiết		
2.4.2. Kiểm định về các hệ số hồi quy		
2.4.3. Kiểm định tính ảnh hưởng		
2.4.4. Kiểm định cho phương sai của nhiễu		
2.5. Ứng dụng dự báo của phân tích hồi quy		
2.5.1. Dự báo giá trị trung bình		
2.5.2. Dự báo giá trị riêng biệt		
2.6. Mở rộng của hồi quy hai biến		
2.6.1. Biên tế và hệ số co giãn		
2.6.2. Mô hình hồi quy qua góc tọa độ		
2.6.3. Mô hình hồi quy Logarit		
2.6.4. Mô hình hồi quy bán Logarit		

2.6.5. Mô hình hồi quy nghịch đảo		
2.6.6. So sánh hệ số xác định giữa các mô hình		
Chương 3. HỒI QUY NHIỀU BIẾN	12	
3.1. Hồi quy nhiều biến		
3.1.1. Phân tích hồi quy nhiều biến		
3.1.2. Vai trò và số liệu của hồi quy nhiều biến		
3.1.3. Mô hình hồi quy nhiều biến		
3.1.4. Dạng ma trận của hồi quy nhiều biến		
3.2. Các bài toán ước lượng		
3.2.1. Ước lượng điểm cho các hệ số hồi quy		
3.2.2. Ước lượng khoảng cho các hệ số hồi quy		
3.3. Các bài toán kiểm định		
3.3.1. Kiểm định về các hệ số hồi quy		
3.3.2. Kiểm định tính ảnh hưởng		
3.3.3. Kiểm định tính phù hợp		
3.4. Một số dạng hàm		
3.4.1. Hàm sản xuất Cobb-Douglas		
3.4.2. Hàm đa thức		
Chương 4. HỒI QUY VỚI BIẾN GIÁ	6	
4.1. Hồi quy với biến giả		
4.1.1. Khái niệm về biến giả		
4.1.2. Mô hình hồi quy với biến giả		
4.2. Kỹ thuật sử dụng biến giả		
4.2.1. Mô hình với biến định tính		
4.2.2. So sánh cấu trúc của mô hình hồi quy		
4.2.3. Hồi quy tuyến tính từng khúc		
4.2.4. Phân tích mùa		
Chương 5. ĐA CỘNG TUYẾN	6	
5.1. Đa cộng tuyến		
5.1.1. Khái niệm về đa cộng tuyến		
5.1.2. Nguyên nhân của đa cộng tuyến		
5.1.3. Hậu quả của đa cộng tuyến		
5.2. Ước lượng khi có đa cộng tuyến		
5.2.1. Trường hợp đa cộng tuyến hoàn hảo		
5.2.2. Trường hợp đa cộng tuyến không hoàn hảo		
5.3. Các cách phát hiện đa cộng tuyến		
5.3.1. Dựa vào hệ số xác định R^2 và tỉ số t		
5.3.2. Dựa vào hệ số tương quan		
5.3.3. Sử dụng hồi quy phụ		
5.3.4. Nhân tử phóng đại phương sai VIF		
5.4. Các cách khắc phục đa cộng tuyến		
5.4.1. Sử dụng thông tin tiên nghiệm		
5.4.2. Thay đổi cách lấy mẫu		
5.4.3. Giảm số biến độc lập		
5.4.4. Một số cách khắc phục khác		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Thị Ngọc Thanh (chủ biên) (2011), *Bài tập Kinh tế lượng*, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
2. Bùi Phúc Trung (2001), *Giáo trình Kinh tế lượng*, Trường Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Cao Văn, Bùi Dương Hải (2011), *Kinh tế lượng: Hướng dẫn trả lời lý thuyết và giải bài tập*, NXB Tài chính.

6.2. Tài liệu khác

4. Phạm Trí Cao, Vũ Minh Châu (2009), *Kinh tế lượng và ứng dụng*, NXB Thống kê.
5. Nguyễn Quang Dong, Nguyễn Thị Minh (2012), *Giáo trình Kinh tế lượng*, NXB Kinh tế quốc dân.
6. Huỳnh Đạt Hùng, Nguyễn Khánh Bình, Phạm Xuân Giang (2011), *Kinh tế lượng*, NXB Phương Đông.
7. Nguyễn Thông (2000), *Kinh tế lượng ứng dụng*, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01 bài.
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần:	hệ số 0.1;
- Điểm thực hành/bài tập:	hệ số 0.2;
- Điểm thảo luận trên lớp:	hệ số 0.1;
- Điểm thi kết thúc học phần:	hệ số 0.6.
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

ThS. Trương Phúc Tuấn Anh

TS. Nguyễn Văn Huân

HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ HỌC CĂN BẢN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Quản trị học căn bản
- Mã học phần: 832024
- Số tín chỉ: 02
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30, 0, 0, 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần: Không có
- + Đòi hỏi học phần học trước: Không có
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
- + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ Môn Quản trị & Kinh doanh Quốc tế

3. Mô tả học phần

Học phần Quản trị học căn bản giúp cho người học có các kiến thức cơ bản về quản trị để nghiên cứu các môn học quản trị khác như: Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị sản xuất, Quản trị marketing, Quản trị chiến lược v.v.... Ngoài ra môn Quản trị học còn giúp cho người học có cái nhìn tổng quát về các khía cạnh quản trị để có thể đưa ra được những quyết định hiệu quả, phân biệt sự khác nhau giữa nhà quản trị và người thừa hành, phân tích được môi trường của quản trị, biết và hiểu được các chức năng của quản trị.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

- Phân biệt nhà quản trị và nhà doanh nghiệp, các cấp quản trị với những kỹ năng, vai trò cần thiết của một nhà quản trị.

- Giải thích ý nghĩa của môi trường quản trị đối với hoạt động sản xuất kinh doanh
- Giải thích về các chức năng của nhà quản trị: Hoạch định,

4.2. Về kỹ năng

Vận dụng kiến thức quản trị đã học để có thể trao đổi, thảo luận và đánh giá khả năng quản trị của các doanh nghiệp trong hoạt động.

4.3. Về thái độ

Có kiến thức quản trị học hiện đại, góp phần làm nhận thức của người học tốt hơn trong tiếp cận vào hệ thống quản trị của một tổ chức.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá		
Chương 1: Tổng quan về quản trị học	6	Thuyết giảng, tình huống và thảo luận		
1.1. Khái niệm và chức năng quản trị				
1.1.1. Khái niệm				
1.1.2. Chức năng quản trị				
1.2. Hiệu quả quản trị				
1.3. Nhà quản trị, vai trò của nhà quản trị				
1.3.1. Nhà quản trị				
1.3.2. Vai trò của nhà quản trị				
1.4. Các kỹ năng cần thiết của nhà quản trị				
1.4.1. Kỹ năng tư duy				
1.4.2. Kỹ năng nhân sự				
1.4.3. Kỹ năng chuyên môn/kỹ thuật				
1.5. Quản trị vừa là khoa học vừa là nghệ thuật				
Chương 2: Môi trường quản trị			5	Thuyết giảng, tình huống và thảo luận
2.1. Khái niệm về môi trường				
2.2. Môi trường vĩ mô				
2.2.1. Môi trường kinh tế vĩ mô				
2.2.2. Môi trường chính trị pháp luật				
2.2.3. Môi trường văn hóa xã hội				
2.2.4. Môi trường tự nhiên				
2.2.5. Môi trường công nghệ				
2.3. Môi trường vi mô				
2.3.1. Các đối thủ cạnh tranh				
2.3.2. Khách hàng				
2.3.3. Nhà cung cấp				
2.3.4. Đối thủ tiềm ẩn				
2.3.5. Sản phẩm thay thế				
2.4. Môi trường nội bộ				
2.4.1. Nguồn nhân lực				
2.4.2. Tài chính				
2.4.3. Marketing				
2.4.4. Sản xuất – tác nghiệp				
2.4.5. Nghiên cứu phát triển				
2.4.6. Văn hóa doanh nghiệp				
Chương 3: Chức năng hoạch định	5	Thuyết giảng, tình huống và thảo luận		
3.1. Khái niệm, tác dụng và phân loại hoạch định				
3.1.1. Khái niệm				
3.1.2. Tác dụng của hoạch định				
3.1.3. Các loại hoạch định				
3.2. Mục tiêu nền tảng của hoạch định				
3.2.1. Khái niệm				
3.2.2. Vai trò				

3.2.3. Các yêu cầu		
3.2.4. Quản trị bằng mục tiêu		
3.3. Quá trình hoạch định chiến lược		
3.3.1. Tiến trình hoạch định chiến lược		
3.3.2. Những công cụ để hoạch định chiến lược		
3.4. Hoạch định tác nghiệp		
3.4.1. Khái niệm		
3.4.2. Tiến trình		
Chương 4: Chức năng Tổ chức	5	Thuyết giảng, tình huống và thảo luận
4.1. Khái niệm và nguyên tắc tổ chức của DN		
4.1.1. Khái niệm		
4.1.2. Các nguyên tắc tổ chức quản trị		
4.1.3. Cơ sở để thiết kế bộ máy tổ chức		
4.2. Một số vấn đề khoa học trong công tác tổ chức		
4.2.1. Tầm hạn quản trị		
4.2.2. Quyền hành trong quản trị		
4.2.3. Phân cấp quản trị		
4.3. Xây dựng cơ cấu tổ chức		
4.3.1. Khái niệm		
4.3.2. Các tiêu chuẩn để thành lập các bộ phận trong tổ chức		
4.3.3. Các kiểu cơ cấu tổ chức		
4.4. Sự phân quyền		
4.4.1. Khái niệm		
4.4.2. Ủy quyền		
Chương 5: Chức năng Điều khiển	5	Thuyết giảng, tình huống và thảo luận
5.1. Khái niệm và các yêu cầu		
5.1.1. Khái niệm		
5.1.2. Yêu cầu đối với chức năng điều khiển		
5.2. Tuyển dụng và đào tạo nhân viên		
5.2.1. Tuyển dụng		
5.2.2. Thủ tục chọn lựa		
5.2.3. Đào tạo nhân viên		
5.2.4. Phát triển nghề nghiệp		
5.3. Động viên tinh thần làm việc của nhân viên		
5.4. Lãnh đạo và phong cách lãnh đạo		
5.4.1. Người lãnh đạo		
5.4.2. Phong cách lãnh đạo		
Chương 6: Chức năng Kiểm tra	4	Thuyết giảng, tình huống và thảo luận
6.1. Khái niệm, mục đích và tác dụng của kiểm tra		
6.1.1. Khái niệm		
6.1.2. Mục đích của kiểm tra quản trị		
6.1.3. Tác dụng của công tác kiểm tra		
6.2. Các nguyên tắc để xây dựng cơ chế kiểm tra		
6.3. Quy trình kiểm tra		
6.3.1. Thiết lập các tiêu chuẩn		
6.3.2. Đo lường thành quả		

6.3.3. Điều chỉnh các sai lệch		
6.4. Các hình thức kiểm tra		
6.4.1. Kiểm tra lường trước		
6.4.2. Kiểm tra đồng thời		
6.4.3. Kiểm tra phản hồi		
6.5. Các công cụ chủ yếu để kiểm tra		
6.5.1. Kiểm tra tài chính		
6.5.2. Kiểm tra nguồn nhân lực		
6.5.3. Kiểm tra hành vi		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Thị Liên Diệp (2014), *Quản Trị Học*, NXB Lao động - Xã hội, Thành phố Hồ Chí Minh

6.2. Tài liệu khác

1. Lưu Đan Thọ (2014), *Quản Trị Học Trong Xu Thế Hội Nhập*, NXB Tài Chính
2. Phạm Thị Minh Châu (2006), *Quản Trị Học*, NXB Phương Đông, Thành phố Hồ Chí Minh
3. Nguyễn Thành Hội & Phan Thăng (2010), *Quản trị học*, NXB Thống kê, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Hải Sản (2003), *Quản Trị Học*, NXB Thống Kê, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01 lần
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
 - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
 - Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6;
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

ThS. Lê Mai Hải

ThS. Từ Minh Khai

HỌC PHẦN
KINH TẾ VI MÔ**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kinh tế vi mô
- Mã học phần: 832105
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (30; 10; 5; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Không có
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính – Ngân hàng

3. Mô tả học phần: Học phần sẽ được học trong vòng 45 tiết, vừa học lý thuyết, làm bài tập, thảo luận trên lớp, sử dụng ngân hàng đề thi.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Đây là môn học căn bản của sinh viên học chuyên ngành về kinh tế. Môn học này giúp cho bắt đầu tiếp cận với kiến thức về kinh tế, hiểu về thị trường, cung cầu, các nhân tố ảnh hưởng đến cung cầu, các nhân tố này ảnh hưởng đến hệ số co giãn cung cầu. Ngoài ra, khi học môn này sinh viên sẽ hiểu được quyết định mua hàng hóa hay sản xuất trong kinh doanh. Từ đó, giúp cho người học áp dụng kiến thức kinh tế trong các loại thị trường hiện nay trong thời gian ngắn hay thời gian dài.

4.2. Về kỹ năng:

Khi học môn học Kinh tế vi mô này giúp cho sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức vào trong sự lựa chọn trong cuộc sống chính bản thân và áp dụng trong hoạt động kinh doanh bản thân.

4.3. Về thái độ:

Trong môn này sinh viên cần có thái độ học tập nghiêm túc vì đây là môn học giúp cho sinh viên hiểu và vận dụng rất nhiều kiến thức trong nền kinh tế.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ KINH TẾ HỌC	5	Thuyết giảng, sinh viên đặt ra các vấn đề thắc mắc và giảng viên sẽ hướng dẫn giải thích; sinh viên thảo luận các tình huống thực tế. Hướng dẫn giải bài tập.
1.1. Khái niệm về kinh tế học		
1.2. Ba vấn đề cơ bản của tổ chức kinh tế		
1.3. Các hình thái kinh tế cơ bản		
1.4. Quy luật đường giới hạn khả năng sản xuất		
CHƯƠNG 2: CUNG - CẦU VÀ GIÁ THỊ TRƯỜNG	20	
2.1. Thị trường		
2.2.1. Khái niệm về thị trường		
2.1.2. Các loại thị trường		
2.2. Cầu thị trường		
2.2.1. Khái niệm về Cầu		
2.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng tới lượng cầu		
2.2.3. Hệ số co giãn của Cầu		
2.3. Cung thị trường		
2.3.1. Khái niệm về Cung		
2.3.2. Các nhân tố ảnh hưởng tới lượng cung		
2.3.3. Hệ số co giãn của Cung		
2.4. Thị trường cân bằng		
2.5. Sự can thiệp của chính phủ vào thị trường		
2.5.1. Sự can thiệp về giá trên thị trường		
2.5.2. Sự can thiệp bằng chính sách thuế		
2.5.3. Sự can thiệp bằng hạn ngạch		
CHƯƠNG 3: LÝ THUYẾT LỰA CHỌN CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG	5	
3.1. Phân tích cân bằng tiêu dùng bằng thuyết hữu dụng		
3.1.1. Một số vấn đề cơ bản		
3.1.2. Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng		
3.1.3. Sự hình thành đường cầu		
3.2. Phân tích cân bằng tiêu dùng bằng hình học		
3.2.1. Một số vấn đề cơ bản		
3.2.2. Một số nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng		

3.2.3. Sự hình thành đường cầu		
3.2.4. Các vấn đề khác		
CHƯƠNG 4: LÝ THUYẾT VỀ SẢN XUẤT VÀ CHI PHÍ		
4.1. Lý thuyết về sản xuất		
4.1.1. Một số khái niệm		
4.1.2. Nguyên tắc sản xuất		
4.2. Lý thuyết về chi phí sản xuất	10	
4.2.1. Một số khái niệm		
4.2.2. Phân tích chi phí sản xuất trong ngắn hạn		
4.3. Lý thuyết về Doanh thu, lợi nhuận		
4.3.1. Một số khái niệm về doanh thu và lợi nhuận		
4.3.2. Điểm hòa vốn trong doanh nghiệp		
CHƯƠNG 5: THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH HOÀN TOÀN		
5.1. Một số vấn đề cơ bản		
5.2. Phân tích trong ngắn hạn	5	
5.3. Phân tích trong ngắn hạn		
5.4. Phân tích trong dài hạn		
5.5. Tổ chức sản xuất		
5.6. Hiệu quả của thị trường cạnh tranh hoàn toàn và sự can thiệp của chính phủ vào thị trường		
CHƯƠNG 6: CÁC LOẠI THỊ TRƯỜNG CHÍNH		
6.1. Thị trường độc quyền hoàn toàn	5	
6.2. Thị trường độc quyền nhóm		
6.3. Thị trường cạnh tranh độc quyền		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Như Ý, Nguyễn Hoàng Bảo (chủ biên), Trần Thị Bích Dung, Trần Bá Thọ (2011), *Kinh Tế Vi Mô*, NXB Thống kê.
2. Nguyễn Như Ý, Nguyễn Hoàng Bảo (chủ biên), Trần Thị Bích Dung, Trần Bá Thọ (2011), *Bài Tập Kinh Tế Vi Mô*, NXB Thống kê.

6.1. Tài liệu khác

3. Đinh Phi Hồ, *Kinh tế Vi mô - Căn bản và nâng cao*, NXB Tài chính.
4. Đinh Phi Hồ, *Bài Tập Kinh tế Vi mô - Căn bản và nâng cao*, NXB Tài chính.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (Làm bài tập và một lần kiểm tra giữa kì):

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần:

hệ số 0.1;

HỌC PHẦN
KINH TẾ VĨ MÔ

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Kinh tế vĩ mô
- Mã học phần: 832106
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Kinh tế vi mô (832105)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: không
- + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính – Ngân hàng

3. Mô tả học phần:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quát về kinh tế vĩ mô; bao gồm: các khái niệm căn bản về kinh tế vĩ mô, các chính sách kinh tế và những công cụ chủ yếu của từng chính sách được chính phủ vận dụng trong việc điều hành nền kinh tế.
- Trang bị cho sinh viên các nguyên lý vận hành của nền kinh tế ở mức độ vĩ mô.
- Trang bị cho sinh viên những công cụ căn bản về phân tích chính sách kinh tế vĩ mô.
- Biết cách phân tích và giải thích các vấn đề thời sự kinh tế thường xuyên được đề cập trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần sinh viên sẽ nắm vững kiến thức và có khả năng ứng dụng để phân tích các vấn đề thực tiễn liên quan đến: Lý thuyết về tổng sản phẩm quốc dân và thu nhập quốc dân; lý thuyết về tổng cầu và chính sách tài khóa; lý thuyết về tiền tệ và chính sách tiền tệ; tổng cung và chu kỳ kinh doanh; lạm phát và thất nghiệp; kinh tế vĩ mô của nền kinh tế mở.

4.2. Về kỹ năng: Có khả năng vận dụng và nghiên cứu, phân tích bản chất của hiện tượng kinh tế, tính quy luật và xu hướng vận động của quy luật trong nền kinh tế thị trường; Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu môn học khác như: thị trường tài chính, phân tích đầu tư chứng khoán, quản trị ngân hàng thương mại, quản trị danh mục đầu tư, lý thuyết tài chính tiền tệ, tài chính quốc tế..... Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề kinh tế cũng như các kỹ năng khác như: so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề kinh tế vi mô. Sau cùng, thông qua thuyết

trình và thảo luận tại lớp, sinh viên có thể phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng.

4.3. Về thái độ: chuyên cần, kỷ luật đi học đúng giờ, tích cực tham gia thảo luận tại lớp, thảo luận và hoàn thành bài tập nhóm. Ngoài ra sinh viên được yêu cầu luôn tăng cường việc tự học thông qua đọc tài liệu tham khảo và trả lời các câu hỏi và bài tập về nhà của giảng viên.

Ngoài ra, sinh viên còn phát triển tư duy, ý thức hợp lý cũng như có thể có các ý kiến riêng, chủ động trong việc nhìn nhận, đánh giá đường lối, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam trong việc phát triển kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá	
Chương 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ KINH TẾ HỌC	2	Thuyết giảng, sinh viên đặt ra các vấn đề thắc mắc và giảng viên sẽ hướng dẫn giải thích.	
1.1 Khái niệm, đặc trưng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế học			
1.1.1. Khái niệm kinh tế học.			
1.1.2. Những đặc trưng của kinh tế học.			
1.1.3. Phương pháp luận nghiên cứu kinh tế học			
1.2. Tổ chức kinh tế của một nền kinh tế hỗn hợp			
1.2.1. Ba chức năng cơ bản của một nền kinh tế			
1.2.2. Tổ chức nền kinh tế hỗn hợp			
1.3. Một số khái niệm cơ bản			
1.3.1. Giới hạn khả năng sản xuất và chi phí cơ hội			
1.3.2. Quy luật thu nhập giảm dần và chi phí cơ hội ngày càng tăng.			
Chương 2: KHÁI QUÁT VỀ KINH TẾ HỌC VĨ MÔ	2		Thuyết giảng, sinh viên đặt ra các vấn đề thắc mắc và giảng viên sẽ hướng dẫn giải thích; sinh viên thảo luận các tình huống thực tế.
2.1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu kinh tế học vĩ mô			
2.2. Hệ thống kinh tế vĩ mô			
2.2.1. Tổng cung và tổng cầu			
2.2.2. Biểu diễn tổng cung và tổng cầu trên đồ thị			
2.2.3. Sự dịch chuyển đường tổng cung và tổng cầu			
2.3 Mục tiêu và công cụ trong kinh tế vĩ mô			
2.3.1. Mục tiêu kinh tế vĩ mô			
2.3.2 Các chính sách kinh tế vĩ mô			
2.4. Môi quan hệ giữa các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản			
2.4.1. Tổng sản phẩm quốc dân và sự tăng trưởng kinh tế			
2.4.2. Chu kỳ kinh doanh			
2.4.3. Tăng trưởng và thất nghiệp			
2.4.4. Tăng trưởng và lạm phát			

2.4.5. Lạm phát và thất nghiệp		
Chương 3: ĐO LƯỜNG SẢN LƯỢNG QUỐC GIA	6	Thuyết giảng, sinh viên đặt ra các vấn đề thắc mắc và giảng viên sẽ hướng dẫn giải thích; sinh viên thảo luận các tình huống thực tế. Hướng dẫn giải bài tập.
3.1. Tổng quan về các chỉ tiêu trong hệ thống tài khoản quốc gia		
3.1.1. Tổng quan về các chỉ tiêu (SNA)		
3.1.2. Khái niệm tổng sản phẩm quốc nội (GDP)		
3.1.3. Khái niệm tổng sản phẩm quốc dân (GNP)		
3.1.4. Ý nghĩa của các chỉ tiêu trong phân tích kinh tế vĩ mô		
3.2. Phương pháp xác định GDP		
3.2.1. Sơ đồ chu chuyển kinh tế		
3.2.2. Phương pháp luồng sản phẩm		
3.2.3. Phương pháp luồng tiền tệ		
3.2.3.1. Phương pháp chỉ tiêu		
3.2.3.2. Phương pháp thu nhập		
3.2.3.1. Phương pháp giá trị gia tăng		
3.3. Mối quan hệ giữa các chỉ tiêu tổng sản phẩm, thu nhập quốc dân và thu nhập có thể sử dụng được		
3.2.1. GDP và GNP		
3.2.2. Tổng sản phẩm quốc dân và sản phẩm quốc dân ròng (NNP)		
3.2.3 Thu nhập quốc dân (Y) và thu nhập có thể sử dụng (Y _d)		
3.4. Các phương trình kinh tế vĩ mô cơ bản		
3.4.1. Phương trình tiết kiệm và đầu tư		
3.4.2. Phương trình mô tả mối quan hệ giữa các khu vực trong nền kinh tế		
Chương 4: TỔNG CẦU VÀ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA	6	Thuyết giảng, sinh viên đặt ra các vấn đề thắc mắc và giảng viên sẽ hướng dẫn giải thích, Hướng dẫn giải bài tập; Thuyết trình nhóm, thực hiện tiểu luận về những chủ đề thuộc về môn học. Sinh viên thảo luận các tình huống kinh tế vĩ mô mô phỏng.
4.1. Tổng cầu và các yếu tố của tổng cầu		
<i>4.1.1 Các yếu tố của tổng cầu</i>		
4.1.1.1 Tiêu dùng và tiết kiệm của hộ gia đình		
4.1.1.2 Đầu tư trong khu vực tư nhân		
4.1.1.3 Ngân sách chính phủ		
4.1.1.4 Xuất nhập khẩu và cán cân thương mại		
<i>4.1.2 Tổng cầu</i>		
4.1.2.1. Tổng cầu trong mô hình đơn giản		
4.1.2.2. Tổng cầu trong nền kinh tế đóng có sự tham gia của Chính phủ		
4.1.2.3. Tổng cầu trong nền kinh tế mở		
4.2 Sản lượng cân bằng		
4.2.1 Phương pháp xác định sản lượng cân bằng		
4.2.2 Những dao động của tổng chi tiêu		
4.2. Chính sách tài khóa		

4.2.1. Chính sách tài khóa trong lý thuyết		
4.2.2. Chính sách tài khóa trong thực tế.		
4.2.3. Chính sách tài khóa		
4.2.4. Thâm hụt ngân sách		
4.2.5. Tài trợ thâm hụt ngân sách		
4.3 Chính sách ngoại thương		
Chương 5: TIỀN TỆ VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ	6	Thuyết giảng, sinh viên đặt ra các vấn đề thắc mắc và giảng viên sẽ hướng dẫn giải thích, Hướng dẫn giải bài tập; Thuyết trình nhóm, thực hiện tiểu luận về những chủ đề thuộc về môn học. Sinh viên thảo luận các tình huống kinh tế vĩ mô mô phỏng.
5.1. Chức năng của tiền tệ		
5.1.1. Chức năng cơ bản của tiền tệ		
5.1.2. Các loại tiền		
5.2. Mức cung tiền và vai trò kiểm soát tiền tệ của ngân hàng trung ương (NHTU)		
5.2.1. Tiền cơ sở		
5.2.2. Hoạt động của ngân hàng thương mại (NHTM)		
5.2.3. Xác định cung tiền (M^S)		
5.2.4. Ngân hàng Trung ương và vai trò kiểm soát tiền tệ		
5.3. Mức cầu tiền tệ		
5.3.1. Các loại tài sản tài chính		
5.3.2. Mức cầu tiền		
5.3.3. Mức cầu tài sản		
5.4. Tiền tệ, lãi suất và tổng cầu		
5.4.1. Cân bằng thị trường tiền tệ		
5.4.2. Lãi suất với tiêu dùng, đầu tư, xuất khẩu		
5.4.3. Lãi suất với tổng cầu		
5.5. Chính sách tiền tệ		
5.5.1. Khái niệm		
5.5.2. Các loại chính sách tiền tệ		
5.5.3. Phối hợp chính sách tài khóa và tiền tệ		
Ôn tập, hướng dẫn giải bài tập giải đáp thắc mắc, giải đáp thắc mắc giữa kỳ		
Kiểm tra giữa kỳ	2	
5.6 Chính sách thu nhập		
Chương 6: SỰ PHỐI HỢP CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA VÀ TIỀN TỆ (IS – LM)	6	Thuyết giảng, sinh viên đặt ra các vấn đề thắc mắc và giảng viên sẽ hướng dẫn giải thích, Hướng dẫn giải bài tập; Thuyết trình nhóm, thực hiện tiểu luận về những chủ đề thuộc về môn học. Sinh viên thảo luận các tình huống kinh tế vĩ mô mô phỏng.
6.1 Mô hình IS – LM		
6.1.1. Đường IS		
6.1.2. Đường LM		
6.2. Chính sách tài khoá-chính sách tiền tệ trong mô hình IS-LM		
Chương 7: LẠM PHÁT VÀ THẤT NGHIỆP	6	Thuyết giảng, sinh viên đặt ra các vấn đề thắc mắc và giảng viên sẽ hướng dẫn giải thích, Hướng dẫn giải bài tập; Thuyết trình nhóm, thực hiện tiểu luận về những chủ
7.1. Thất nghiệp		
7.1.1. Thế nào là thất nghiệp		
7.1.2. Các loại thất nghiệp		
7.1.3. Thất nghiệp tự nhiên và các nhân tố ảnh		

hường		đề thuộc về môn học. Sinh viên thảo luận các tình huống kinh tế vĩ mô mô phỏng.
7.1.4. Ảnh hưởng của thất nghiệp		
7.1.5. Các biện pháp giảm tỷ lệ thất nghiệp		
7.2. Lạm phát		
7.2.1. Khái niệm lạm phát		
7.2.2. Quy mô lạm phát		
7.2.3. Ảnh hưởng của lạm phát		
7.2.4. Các lý thuyết về lạm phát		
7.3. Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp		
7.3.1. Đường cong Phillips		
7.3.2. Khắc phục lạm phát		
Chương 8: KINH TẾ VĨ MÔ TRONG NỀN KINH TẾ MỞ	6	Thuyết giảng, sinh viên đặt ra các vấn đề thắc mắc và giảng viên sẽ hướng dẫn giải thích, Hướng dẫn giải bài tập; Thuyết trình nhóm, thực hiện tiểu luận về những chủ đề thuộc về môn học. Sinh viên thảo luận các tình huống kinh tế vĩ mô mô phỏng.
8.1. Nguyên tắc lợi thế so sánh trong thương mại quốc tế		
8.2. Cán cân thanh toán		
8.3. Tỷ giá hối đoái và hệ thống tài chính quốc tế		
8.3.1. Tỷ giá hối đoái và thị trường ngoại hối		
8.3.2. Mối quan hệ giữa tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán		
8.3.3. Các hệ thống tiền tệ quốc tế		
8.4. Chính sách tỷ giá hối đoái của Việt Nam		
8.5. Tác động của chính sách vĩ mô chủ yếu trong điều kiện nền kinh tế mở		
8.5.1. Tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ trong một nền kinh tế mở với hệ thống tỷ giá cố định.		
8.5.2. Tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ trong một nền kinh tế mở với hệ thống tỷ giá linh hoạt		
Ôn tập, hướng dẫn giải bài tập, giải đáp thắc mắc và tổng kết môn học	3	

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1. Lê Bảo Lâm, Nguyễn Như Ý (2009), *Kinh tế vĩ mô*, Đại học Kinh tế TP.HCM, NXB Thống kê.
2. Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung, Trần Bá Thọ, Lâm Mạnh Hà (2011), *Tóm tắt lý thuyết - Bài tập - Trắc nghiệm Kinh tế vĩ mô*, NXB Thống kê.
3. N.Gregory Mankiw, *Kinh tế học vĩ mô*, 6th ed, Cengage Learning Asia Pte LTD, Singapore.

6.2. Tài liệu khác:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Kinh tế học vĩ mô*, NXB Giáo dục, Hà Nội 2006.
2. Dương Tấn Diệp (2007), *Kinh tế học vĩ mô (phần nhập môn)*, NXB Thống kê
3. Nguyễn Văn Ngọc (2009), *Kinh tế vĩ mô*, Trường ĐH Kinh tế quốc dân, NXB Trẻ.

4. David Begg, Stanley Fischer và Rudiger Dornbusch (2007), *Kinh tế học vĩ mô*, NXB Thống kê, Hà Nội

5. Paul Samuelson & William Norhaus (2002), *Kinh tế học (tập 2)*, NXB Khoa học & kỹ thuật và Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 1 bài

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 75 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình, thảo luận: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6;

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

TS. Trịnh Thị Huyền Thương

HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Lý thuyết tài chính tiền tệ
- Mã học phần: 832107
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (35; 10; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Kinh tế vi mô (832105)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính – Ngân hàng

3. Mô tả học phần: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ, tín dụng, ngân hàng nhằm hỗ trợ cho việc nghiên cứu chuyên sâu các môn chuyên ngành cũng như các lĩnh vực kinh tế tài chính nói chung.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Cung cấp các kiến thức cơ bản về phạm trù tài chính, tiền tệ, tín dụng, ngân hàng trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế..

4.2. Về kỹ năng: Trang bị kỹ năng nhận biết, đọc hiểu các khái niệm, định nghĩa và giải thích được các thuật ngữ, phạm trù kinh tế về tài chính, tiền tệ, tín dụng, ngân hàng.

4.3. Về thái độ: Nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu, tích cực trong thảo luận nhóm.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ TIỀN TỆ	3	
1.1. Lịch sử ra đời và phát triển của tiền tệ		
1.2. Bản chất và chức năng của tiền tệ		
1.2.1. Chức năng thước đo giá trị		
1.2.2. Chức năng phương tiện lưu thông		
1.2.3. Chức năng phương tiện cất trữ		
1.2.4. Chức năng phương tiện thanh toán		
1.3. Các chế độ tiền tệ		
CHƯƠNG 2: ĐẠI CƯƠNG VỀ TÀI CHÍNH	3	
2.1. Khái quát sự ra đời và phát triển của tài chính		

2.2. Bản chất của tài chính		<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức tổ chức dạy học trên lớp, giảng viên đặt câu hỏi theo nhóm và cá nhân. - Phương pháp thuyết trình, phân tích các tình huống kinh tế cụ thể. - Phương pháp kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ bằng hình thức trắc nghiệm, không sử dụng tài liệu.
2.3. Chức năng của tài chính		
2.3.1. Huy động nguồn lực tài chính		
2.3.2. Phân bổ nguồn lực tài chính		
2.3.3. Kiểm tra tài chính		
2.4. Hệ thống tài chính		
2.4.1. Thị trường tài chính		
2.4.2. Các chủ thể tài chính		
2.4.3. Cơ sở hạ tầng tài chính của hệ thống tài chính		
Chương 3: Tín dụng và lãi suất	6	
3.1 Khái niệm tín dụng		
3.2 Chức năng và vai trò của tín dụng		
3.3 Phân loại tín dụng và các hình thức tín dụng		
3.4 Khái niệm và các loại lãi suất		
3.5 Các nhân tố quyết định lãi suất thị trường		
CHƯƠNG 4: TÀI CHÍNH CÔNG	3	
4.1. Những vấn đề cơ bản về tài chính công		
4.1.1. Sự phát triển tài chính công		
4.1.2. Khái niệm và đặc điểm tài chính công		
4.1.3. Vai trò của tài chính công		
4.2. Ngân sách nhà nước		
4.2.1. Khái niệm		
4.2.2. Tổ chức hệ thống ngân sách nhà nước		
4.3. Chính sách tài khóa		
4.3.1 Khái niệm		
4.3.2 Chính sách tài khóa - công cụ kinh tế vĩ mô		
CHƯƠNG 5: TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	6	
5.1. Bản chất, chức năng tài chính doanh nghiệp		
5.2. Vai trò của tài chính doanh nghiệp		
5.3. Cấu trúc tài chính trong doanh nghiệp		
5.3.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc tài chính doanh nghiệp		
5.3.2. Lựa chọn cấu trúc tài chính doanh nghiệp		
5.4. Tổ chức tài chính doanh nghiệp		
5.4.1. Nguyên tắc tổ chức tài chính doanh nghiệp		
5.4.2. Tổ chức bộ máy tài chính doanh nghiệp		
CHƯƠNG 6: HỆ THỐNG ĐỊNH CHẾ TRUNG GIAN TÀI CHÍNH	3	
6.1 Khái niệm, đặc điểm và phân loại các định chế trung gian tài chính		
6.2 Vai trò của các định chế trung gian tài chính trong nền kinh tế thị trường		
6.3 Đặc điểm cơ bản của một số định chế trung gian tài chính		
6.3.1 Ngân hàng trung gian		
6.3.2 Quỹ tín dụng		
6.3.3 Quỹ đầu tư		
6.3.4 Công ty tài chính		

CHƯƠNG 7: NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG	3	
7.1 Quá trình ra đời và bản chất của ngân hàng trung ương		
7.2 Mô hình tổ chức ngân hàng trung ương		
7.3 Chức năng của ngân hàng trung ương		
7.3.1 Độc quyền phát hành giấy bạc và điều tiết khối lượng tiền cung ứng		
7.3.2 Là ngân hàng của các ngân hàng		
7.3.3 Là ngân hàng của nhà nước		
7.4 Chính sách tiền tệ và công cụ thực hiện chính sách tiền tệ		
7.4.1 Khái niệm và mục tiêu của chính sách tiền tệ		
7.4.2 Các công cụ thực thi chính sách tiền tệ		
CHƯƠNG 8: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	6	
8.1 Khái niệm và chức năng của ngân hàng thương mại		
8.2 Phân loại ngân hàng thương mại		
8.2.1 Căn cứ vào phạm vi hoạt động và tính chất kinh tế		
8.2.2 Căn cứ vào tính chất sở hữu		
8.3 Các nghiệp vụ cơ bản của ngân hàng thương mại		
8.3.1 Nghiệp vụ tạo lập nguồn vốn và quản lý nguồn vốn kinh doanh		
8.3.2 Nghiệp vụ sử dụng vốn và quản lý tài sản có		
8.4 Thu nhập, chi phí và lợi nhuận ngân hàng		
CHƯƠNG 9: TÀI CHÍNH QUỐC TẾ	6	
1 Khái niệm, đặc điểm, vai trò của tài chính quốc tế	6	
2 Cán cân thanh toán		
9.2.1. Khái niệm, các nguyên tắc xây dựng cán cân thanh toán quốc tế		
Nội dung cán cân thanh toán quốc tế		
Các biện pháp điều chỉnh cán cân thanh toán quốc tế		
9.3 Thị trường ngoại hối và tỷ giá hối đoái		
CHƯƠNG 10: THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH		
1.1 Cơ sở hình thành thị trường tài chính		
1.2 Khái niệm và phân loại thị trường tài chính		
1.3 Chức năng và vai trò của thị trường tài chính		
1.4 Thị trường tiền tệ		
1 Khái niệm, đặc điểm và phân loại thị trường tiền tệ		
Các chủ thể tham gia trên thị trường tiền tệ		
Các công cụ trên thị trường tiền tệ		
1.5 Thị trường vốn		
Khái niệm, đặc điểm và phân loại thị trường vốn		
Các chủ thể tham gia trên thị trường vốn		
Các công cụ trên thị trường vốn		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Sử Đình Thành, Vũ Thị Minh Hằng (2008), *Nhập môn tài chính - tiền tệ*, NXB Đại học quốc gia TP.HCM.

6.2. Tài liệu khác

2. Nguyễn Minh Kiều (2008), *Giáo trình lý thuyết tiền tệ*, NXB Thống kê.

3. Lê Thị Tuyết Hoa, Nguyễn Thị Nhung (2009), *Tiền tệ ngân hàng*, NXB Thống kê.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

ThS. Dương Thị Mai Phương

HỌC PHẦN
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 1

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tài chính doanh nghiệp 1
- Mã học phần: 832058
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Lý thuyết tài chính tiền tệ (832107)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ Môn Tài chính - Ngân hàng

3. Mô tả học phần

Cung cấp cho sinh viên những nguyên lý về tài chính doanh nghiệp để đưa ra các quyết định hợp lý về đầu tư tài chính, đầu tư dự án nhằm làm gia tăng giá trị doanh nghiệp.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Sinh viên nắm vững và hiểu được những kiến thức cơ bản về tài chính trong doanh nghiệp.

4.2. Về kỹ năng: Sinh viên vận dụng kiến thức đã được học vào việc giải bài tập và giải quyết các tình huống liên quan đến những vấn đề về tài chính doanh nghiệp.

4.3. Về thái độ: Sinh viên có thái độ tích cực và phù hợp đối với các vấn đề về tài chính doanh nghiệp

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: Tổng quan về TCDN	3	
1.1. Khái niệm doanh nghiệp và các loại hình doanh nghiệp		
1.2. Mục tiêu của doanh nghiệp		
1.3. Các quyết định chủ yếu của tài chính doanh nghiệp		
1.4. Môi trường kinh doanh của doanh nghiệp		
Chương 2: Phân tích Báo cáo tài chính doanh nghiệp	9	

2.1. Khái niệm, vai trò và tác dụng của BCTC		
2.2. Đọc hiểu Báo cáo tài chính doanh nghiệp		
2.2.1. Bảng cân đối kế toán		
2.2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
2.2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
2.3. Phân tích Báo Cáo Tài Chính Doanh nghiệp		
2.3.1. Tài liệu phân tích		
2.3.2. Hướng dẫn phân tích Báo Cáo Tài Chính		
2.3.3. Phân tích khái quát: xu hướng và kết cấu		
2.3.4. Phân tích tỷ số		
Chương 3: Thời giá tiền tệ	6	
3.1. Khái niệm		
3.2. Thời giá tiền tệ của một số tiền		
3.2.1. Giá trị tương lai của một số tiền		
3.2.2. Giá trị hiện tại của một số tiền		
3.2.3. Xác định yếu tố lãi suất		
3.2.4. Xác định yếu tố kỳ hạn		
3.2.5. Thời giá tiền tệ khi ghép lãi nhiều lần trong kỳ		
3.3. Thời giá tiền tệ của một dòng tiền		
3.3.1. Khái niệm dòng tiền		
3.3.2. Thời giá tiền tệ dòng tiền đều		
3.3.3. Thời giá tiền tệ dòng tiền không đều		
3.5. Lãi suất danh nghĩa và lãi suất thực		
Chương 4: Lợi nhuận, rủi ro và mô hình định giá tài sản vốn	6	
4.1. Khái niệm lợi nhuận, rủi ro		
4.2. Đo lường rủi ro		
4.2.1. Độ lệch chuẩn		
4.2.2. Hệ số biến thiên		
4.3. Lợi nhuận và rủi ro của danh mục đầu tư		
4.4. Mô hình định giá tài sản vốn CAPM		
Chương 5: Định giá và quyết định đầu tư chứng khoán	9	
5.1. Định giá và quyết định đầu tư chứng khoán nợ		
5.1.1. Đầu tư chứng khoán nợ ngắn hạn		
5.1.2. Đầu tư chứng khoán nợ dài hạn		
5.2. Định giá và quyết định đầu tư chứng khoán vốn		
5.2.1. Giới thiệu chung về chứng khoán vốn		
5.2.2. Định giá cổ phiếu ưu đãi		
5.2.3. Định giá cổ phiếu thường		
5.2.4. Lợi suất đầu tư cổ phiếu		
5.2.5. Quyết định đầu tư cổ phiếu		
Chương 6: Phân tích và quyết định đầu tư dự án	12	
6.1. Các loại dự án trong đầu tư doanh nghiệp		
6.2. Quy trình phân tích và quyết định đầu tư		
6.3. Ước lượng dòng tiền của dự án		
6.3.1. Khái niệm dòng tiền		

6.3.2. Ước lượng dòng tiền		
6.4. Các chỉ tiêu quyết định đầu tư dự án		
6.4.1. Thời gian hoàn vốn		
6.4.2. Giá trị hiện tại ròng NPV		
6.4.3. Tỷ suất sinh lợi nội bộ		
6.4.4. Tỷ suất sinh lợi nội bộ có hiệu chỉnh		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Minh Kiều (2009), Tài chính doanh nghiệp căn bản, NXB Thống kê.
2. Nguyễn Đình Kiệt (2008), Giáo trình tài chính doanh nghiệp - Học viện Tài chính, NXB tài chính.

6.2. Tài liệu khác

3. Luật Doanh nghiệp (2006)(có hiệu lực từ 01/07/2006), NXB tổng hợp Tp.HCM.
4. Luật chứng (2006), (có hiệu lực từ ngày 01/01/2007), NXB Lao động - Xã hội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01 bài
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng, thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0,1
 - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3
 - Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

ThS. Võ Thị Thùy Vân

HỌC PHẦN
THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Thị trường tài chính
- Mã học phần: 832033
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Lý thuyết tài chính tiền tệ (832107)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính – Ngân hàng

3. Mô tả học phần

Mục tiêu chung của môn học Thị Trường Tài Chính là cung cấp kiến thức tổng quan về cơ chế hoạt động, các bộ phận cấu thành về thị trường tài chính. Đặc biệt chú trọng đến loại thị trường tài chính cao cấp cung ứng vốn dài hạn cho nền kinh tế thông qua phương thức tài chính trực tiếp với những tính chất ưu việt và phù hợp trong nền kinh tế thị trường hiện đại, đó là Thị trường chứng khoán.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

Trang bị cho sinh viên kiến thức căn bản về thị trường tài chính, các công cụ lưu thông trên thị trường tài chính. Tìm hiểu về các định chế ngân hàng và phi ngân hàng trên thị trường tài chính. Cơ chế hoạt động của thị trường chứng khoán, hàng hóa chứng khoán, thông tin của thị trường chứng khoán...để sinh viên có thể hiểu được bản chất, chức năng của thị trường tài chính, trong đó chú trọng đến hoạt động của thị trường chứng khoán trong mối quan hệ với các thị trường khác.

4.2. Về kỹ năng

Bên cạnh việc hiểu ý nghĩa lý luận, môn học còn chú ý đến những vấn đề định lượng về kỹ thuật phân tích, phối hợp các phương pháp phân tích liên quan đến lĩnh vực tài chính và những bài học rút ra từ việc thực hành phân tích.

4.3. Về thái độ

Nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu, phải có ý thức tự đọc trước các kiến thức của môn học và các môn có liên quan trước khi tham gia buổi học.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH	4	
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của thị trường tài chính trên thế giới		
1.2. Bản chất và chức năng của thị trường tài chính		
1.2.1. Bản chất của thị trường tài chính		
1.2.2. Chức năng của thị trường tài chính		
1.3. Cấu trúc của thị trường tài chính		
1.3.1. Căn cứ vào thời hạn luân chuyển vốn		
1.3.2. Căn cứ vào tính chất chuyên môn hóa của thị trường		
1.3.3. Căn cứ vào cơ cấu thị trường		
CHƯƠNG 2. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ	6	
2.1. Khái niệm		Đọc tài liệu trước
2.2. Đặc điểm		Nghe giải thích các khái niệm
2.3. Phân loại		Kiểm tra nhanh 10 phút
2.3.1. Phân loại theo cách thức tổ chức		
2.3.2. Phân loại theo công cụ nợ		
2.4. Các chủ thể tham gia trên thị trường tiền tệ		
2.4.1. Chủ thể phát hành		
2.4.2. Chủ thể đầu tư		
2.5. Các công cụ trên thị trường tiền tệ		
2.5.1. Tín phiếu kho bạc		
2.5.2. Thương phiếu		
2.5.3. Các khoản vay liên ngân hàng		
2.5.4. Giấy chấp nhận thanh toán của ngân hàng		
2.5.5. Kỳ phiếu ngân hàng, tín phiếu công ty tài chính, chứng chỉ tiền gửi tiết kiệm		
2.6. Nghiệp vụ trên thị trường tiền tệ		
CHƯƠNG 3. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	9	
3.1. Tổng quan về thị trường chứng khoán		
3.2. Cơ cấu thị trường chứng khoán		
3.2.1. Căn cứ vào quy trình lưu thông		
3.2.2. Căn cứ vào phương thức giao dịch		
3.2.3. Căn cứ vào kỳ hạn giao dịch		
3.2.4. Căn cứ vào hàng hóa giao dịch		
3.3. Các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán tập trung		

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
3.4. Nguyên tắc hoạt động, chức năng và vai trò của thị trường chứng khoán		
3.4.1. Nguyên tắc hoạt động		
4.4.2. Chức năng của thị trường chứng khoán		
4.4.3. Vai trò		
3.5. Những hạn chế của thị trường chứng khoán		
3.6. Thị trường cổ phiếu	4	
3.6.1. Khái niệm		
3.6.2. Cổ phiếu thường		
3.6.3. Cổ phiếu ưu đãi		
3.7 Thị trường trái phiếu	4	
3.7.1. Khái niệm		
3.7.2. Đặt trung của trái phiếu		
3.7.3. Các loại trái phiếu		
CHƯƠNG 4. THỊ TRƯỜNG HỐI ĐOẠI		
4.1. Tỷ giá hối đoái		
4.1.1. Phương pháp biểu t		
ỷ tỷ giá		
4.1.2. Phương pháp tính toán tỷ giá		
4.2. Cơ sở xác		
định tỷ giá hối đoái		
4.2.1. Trong chế độ bản vị tiền vàng		
4.2.2. Hệ thống tỷ giá Bretton Woods		
4.2.3. Trong chế độ tiền tệ ngày na		
4.3 Những nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động		
của giá giá hối đoái		
4.4. Phương pháp điều chỉnh		
4.4.1. Sử dụng quỹ dự trữ bình ổn		
hối đoái		
4.4.2. Sử dụng chính sách chiết khấu		
4.4.3. Phá giá hối đoái		
4.4.4. Nâng giá hối đoái		
4.5. Các loại tỷ giá hối đoái		
4.5.1. Tỷ giá chính thức		
4.5.2. Tỷ giá kinh doanh		
ủa ngân h		
ng thương mại		
4.6. Thị trường hối đoái		
4.7. Các nghiệp vụ hối đoái		
4.7.1. Nghiệp vụ giao ngay		
4.7.2. Nghiệp vụ Ácbit		
4.7.3. Nghiệp vụ mua bán ngoại tệ có kỳ hạn		
4.7.4. Nghiệp vụ quyền lựa ch		

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
n hối đoái 4.7.5. Nghiệp vụ SWAP 4.8. Thị trường giao sau		
3.7.4. Lợi tức và rủi ro của trái phiếu 3.7.5. Các nhân tố ảnh hưởng giá trái phiếu		
3.8. Thị trường chứng khoán phái sinh	6	
3.8.1. Khái niệm		
3.8.2. Các hợp đồng quyền lựa chọn hay các quyền chọn		
3.8.3. Các hợp đồng tương lai		
3.8.1. Hợp đồng kỳ hạn		
3.8.2. Nghiệp vụ hoán đổi		
3.8.3. Chứng quyền		
3.8.4. Quyền mua cổ phần		
3.8.5. Chứng khoán hóa		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Hoàng Văn Quỳnh, Nguyễn Thị Hoài Lê (2015), *Giáo trình thị trường tài chính*, NXB Tài Chính.

6.2. Tài liệu khác

- Nguyễn Đăng Dờn, Lý Hoàng Ánh (2012), *Thị trường tài chính*, NXB Phương Đông.
- Frederic S. Mishkin (2009) *Lý thuyết chung về thị trường tài chính, ngân hàng và chính sách tiền tệ*, dịch bởi Nguyễn Văn Ngọc, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Bài giảng của giáo viên

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

ThS. Nguyễn Thị Ngọc Tú

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
 NGÀNH: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

HỌC PHẦN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tài chính quốc tế
- Mã học phần: 842056
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Thị trường tài chính (832033)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 80

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính - Ngân hàng

3. Mô tả học phần

Học phần cho biết về các tổ chức tài chính quốc tế, nghiệp vụ kinh doanh trên thị trường tài chính quốc tế, chu chuyển vốn quốc tế và thương mại quốc tế.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức:

Trang bị cho sinh viên kiến thức về tỷ giá, cán cân thanh toán, lý thuyết về ngang giá sức mua, ngang bằng lãi suất, chính sách tiền tệ, cơ chế vận hành của các sản phẩm tài chính phái sinh nhằm ra quyết định đầu tư cũng như quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh quốc tế.

4.2. Về kỹ năng:

- Phân tích sự biến động của tỷ giá.
- Phân tích các chính sách kinh tế mà các chính phủ có thể áp dụng để tác động đến các dòng lưu chuyển tài chính quốc tế.

- Đánh giá và phân tích các hoạt động kinh doanh, đầu tư trên các thị trường tài chính và tác động của nó đến các dòng lưu chuyển tài chính quốc tế.

4.3. Về thái độ:

Nghiêm túc trong học tập. Phát triển tinh thần tự học, đọc tài liệu tham khảo, thực hiện chuyên đề nghiên cứu đến tình hình tài chính quốc tế.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ TÀI CHÍNH QUỐC TẾ	3	Giảng dạy lý thuyết kết hợp phân tích các tình huống thực tế liên quan đến môn học.
1.1. Sự hình thành và phát triển của tài chính quốc tế		
1.1.1. Cơ sở hình thành các quan hệ tài chính quốc tế		
1.1.2. Quá trình phát triển của tài chính quốc tế		
1.2. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của tài chính quốc tế		
1.2.1. Khái niệm		
1.2.2. Đặc điểm		
1.2.3. Vai trò		
1.3. Nội dung của tài chính quốc tế		
1.3.1. Theo các quan hệ tiền tệ quốc tế		
1.3.2. Theo các chủ thể tham gia hoạt động TCQT		
1.3.3. Từ góc độ kinh tế vĩ mô		
1.3.4. Từ góc độ thị trường		
1.4. Quá trình phát triển của thị trường TCQT		
1.4.1. Sự hình thành và phát triển TT TCQT		
1.4.2. Vai trò thị trường tài chính quốc tế		
1.4.3. Phân loại thị trường tài chính quốc tế		
Chương 2: TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI	6	
2.1. Cạnh tranh thương mại quốc tế		
2.2. Tỷ giá và sức cạnh tranh thương mại quốc tế		
2.3. Tỷ giá hối đoái và chính sách tỷ giá hối đoái		
2.3.1. Tỷ giá, và các nhân tố ảnh hưởng tới tỷ giá		
2.3.2. Chính sách tỷ giá hối đoái		
2.3.3. Đánh giá các chế độ tỷ giá hối đoái		
2.3.4. Hệ thống chế độ tỷ giá hối đoái hiện nay		
Chương 3: CÁN CÂN THANH TOÁN QUỐC TẾ	9	
3.1. Khái niệm và vai trò của cán cân thanh toán		
3.2. Xác lập cán cân thanh toán quốc tế		
3.3. Nguyên tắc hạch toán của cán cân thanh toán		
3.4. Thặng dư và thâm hụt cán cân thanh toán		
3.5. Các thừa số trong nền kinh tế mở		
Chương 4: NGHIỆP VỤ KINH DOANH TRÊN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH QUỐC TẾ	9	

4.1. Các nghiệp vụ của thị trường tiền tệ quốc tế	
4.1.1. Đặc điểm của thị trường tiền tệ	
4.1.2. Các nghiệp vụ của thị trường tiền tệ	
4.2. Các nghiệp vụ của thị trường vốn quốc tế	
4.2.1. Các nghiệp vụ của thị trường trái phiếu quốc tế	
4.2.2. Các nghiệp vụ của thị trường cổ phiếu quốc tế	
4.3. Các nghiệp vụ của thị trường tiền tệ quốc tế	
Chương 5: HỌC THUYẾT NGANG GIÁ SỨC MUA	6
5.1. Khái niệm ngang giá sức mua	
5.1.1. Sức mua và ngang giá sức mua	
5.1.2. Quy luật ngang giá sức mua	
5.2. Các dạng biểu hiện của PPP	
5.2.1. PPP trạng thái tĩnh	
5.2.2. PPP trạng thái động	
5.2.3. PPP dạng kỳ vọng	
5.3. Định giá thực cao và định giá thực thấp	
Chương 6: HỌC THUYẾT NGANG BẰNG LÃI SUẤT	6
6.1. Tiêu chí chọn đồng tiền đầu tư và đi vay	
6.1.1. Lựa chọn đồng tiền đầu tư	
6.1.2. Lựa chọn đồng tiền đi vay	
6.2. Quy luật ngang bằng lãi suất có bảo hiểm - CIP	
6.2.1. Khái niệm về ngang bằng lãi suất	
6.2.2. Kinh doanh chênh lệch lãi suất theo quy luật CIP	
6.2.3. Các dạng biểu hiện của CIP	
6.3. Quy luật UIP và hiệu ứng Fisher quốc tế	
6.3.1. Tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay dự định	
6.3.2. Các biểu hiện của UIP	
6.3.3. Hiệu ứng Fisher quốc tế	
6.4. Các nhân tố tác động đến tỷ giá	
6.4.1. Tỷ giá và các học thuyết về tỷ giá	
6.4.2. Các nhân tố tác động lên tỷ giá	
6.5. Các học thuyết hiện đại tiếp cận về tỷ giá	
6.5.1. Học thuyết tiền tệ tiếp cận tỷ giá	
6.5.2. Học thuyết cân bằng DMĐT tiếp cận tỷ giá	
Chương 7: CHẾ ĐỘ TỶ GIÁ TỐI ƯU VÀ CAN THIỆP NGOẠI HỐI	6
7.1. Xây dựng mô hình vĩ mô	
7.1.1. Đặc điểm của hàm mục tiêu	
7.1.2. Mô hình lựa chọn chế độ tỷ giá	
7.1.3. Điểm cân bằng của mô hình	
7.2. Chế độ tỷ giá trước các cú sốc	
7.2.1. Sốc cầu tiền và chế độ tỷ giá tối ưu	
7.2.2. Sốc tổng cầu và chế độ tỷ giá tối ưu	
7.2.3. Sốc tổng cung và chế độ tỷ giá tối ưu	
7.3. Chế độ tỷ giá thả nổi có điều tiết	
7.3.1. NHTW và vấn đề tỷ giá hợp lý	
7.3.2. NHTW can thiệp làm dịu hiệu ứng Overshooting	

7.3.3. NHTW can thiệp để bôi trơn hoạt động nền kinh tế		
---------------------------------------------------------	--	--

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Văn Nông và tập thể tác giả (2011), Thị trường tài chính, NXB Tổng hợp TP.HCM.

6.2. Tài liệu khác

2. Nguyễn Văn Tiến (2010), Tài chính quốc tế, NXB Thống kê.
3. Đinh Trọng Thịnh (2006), Tài chính quốc tế, NXB Tài chính.
4. Nguyễn Văn Nông (2010), *Thị trường chứng khoán*, NXB LĐ - XH, TP.HCM.
5. Tài liệu WTO, TPP, AEC, IMF, WB, ADB

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 02

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6.

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT**TRƯỞNG NGÀNH****TRƯỞNG BỘ MÔN****NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

TS. Nguyễn Văn Nông

HỌC PHẦN
PHÂN TÍCH & ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Phân tích & đầu tư tài chính
- Mã học phần: 842054
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Thị trường tài chính (832033)
 Tài chính doanh nghiệp 1 (832058)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: không
- + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính - Ngân hàng

3. Mô tả học phần

Môn học cung cấp kiến thức về hàng hóa trên thị trường tài chính, cơ chế vận hành của thị trường tài chính, các hoạt động đầu tư trên thị trường tài chính và xu hướng giá cả của các tài sản tài chính trên thị trường.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức về các hoạt động đầu tư trên thị trường tài chính, các công cụ tài chính và các nhân tố ảnh hưởng đến giá các tài sản tài chính.

4.2. Về kỹ năng: Sinh viên sử dụng các mô hình và phương pháp định giá các tài sản tài chính, phối hợp các phương pháp phân tích liên quan đến lĩnh vực tài chính, ứng dụng tin học vào phân tích tài chính.

4.3. Về thái độ: Sinh viên tham gia lớp học với tinh thần tích cực và cầu tiến.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. LỢI NHUẬN VÀ RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH	3	- SV đọc tài liệu trước khi đến lớp
1.1. Mức sinh lời trong đầu tư tài chính		
1.2. Rủi ro trong đầu tư tài chính		
1.2.1. Rủi ro là gì?		
1.2.2. Các loại rủi ro		
1.3. Đánh giá rủi ro và mức sinh lời kỳ vọng		

1.3.1. Thống kê rủi ro- phương sai và độ lệch chuẩn		- GV giảng dạy lý thuyết kết hợp phân tích các tình huống thực tế liên quan đến môn học.
1.3.2. Dự kiến mức sinh lời và rủi ro		
Chương 2. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG	12	
2.1. Cơ sở chung		
2.2. Phân tích vĩ mô và thị trường tài chính		
2.2.1. Môi trường chính trị- xã hội và pháp luật		
2.2.2. Các ảnh hưởng kinh tế vĩ mô		
2.2.3. Tình hình kinh tế và xu hướng thị trường		
2.3. Phân tích ngành		
2.3.1. Cơ sở phân tích		
2.3.2. Quy trình phân tích		
2.4. Phân tích công ty		
2.4.1. Phân tích tài chính công ty		
2.4.2. Phân tích rủi ro		
2.4.3. Phân tích hoạt động và khả năng tăng trưởng của công ty		
Chương 3. PHÂN TÍCH, ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU	9	
3.1. Phân tích rủi ro của đầu tư trái phiếu		
3.2. Định giá trái phiếu		
3.2.1. Định giá trái phiếu thông thường		
3.2.2. Định giá trái phiếu trường hợp đặc biệt		
3.2.3. Định giá trái phiếu có lãi suất thả nổi		
3.2.4. Định giá trái phiếu chuyển đổi		
3.3. Đo lường lợi suất của trái phiếu		
3.4. Phân tích biến động giá của trái phiếu		
Chương 4. PHÂN TÍCH, ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU	12	
4.1. Phân tích cơ bản		
4.1.1. Phân biệt các loại công ty và cổ phiếu		
4.1.2. Định giá và lựa chọn cổ phiếu		
4.1.3. Tác động của phân tích cơ bản tới giá cổ phiếu		
4.2. Phân tích kỹ thuật		
4.2.1. Tổng quan về phân tích kỹ thuật		
4.2.2. Các chỉ báo và quy tắc giao dịch kỹ thuật		
4.2.3. Một số loại và dạng thức đồ thị		
Chương 5. PHÂN TÍCH, ĐẦU TƯ CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH	9	
5.1. Hợp đồng kỳ hạn		
5.2. Hợp đồng tương lai		
5.3. Hợp đồng quyền chọn		
5.3.1. Quyền chọn mua		
5.3.2. Quyền chọn bán		
5.3.3. Chiến lược sử dụng quyền chọn		
5.3.4. Định giá quyền chọn Black-Scholes		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Bùi Kim Yên (2009), *Giáo trình phân tích đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư*, NXB Thống kê, TP.HCM.

6.2. Tài liệu khác

2. Nguyễn Văn Nông (2011), *Thị trường tài chính*, NXB Tổng hợp TP.HCM.

3. Nguyễn Văn Nông (2010), *Thị trường chứng khoán*, NXB LĐ - XH, TP.HCM.

4. *Giáo trình phân tích đầu tư chứng khoán* (2009), Trung tâm đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chứng khoán, UBCK nhà nước xuất bản.

5. Bodie, Kane and Marcus (2008): *Investment*, 8th Edition, McGraw-Hill Irwin.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 02

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;

- Điểm trung bình bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6.

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

TS. Nguyễn Văn Nông

HỌC PHẦN
THANH TOÁN QUỐC TẾ**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Thanh toán quốc tế
- Mã học phần: 832065
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (832061)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính – Ngân hàng**3. Mô tả học phần**

Trang bị kiến thức cơ bản về hoạt động thanh toán quốc tế và kỹ năng cần thiết để xử lý các tình huống trong thanh toán quốc tế. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể vận dụng được các điều kiện thương mại quốc tế trong thực tiễn, kiểm tra được bộ chứng từ và xử lý những tình huống cơ bản trong thanh toán quốc tế.

4. Mục tiêu học phần**4.1. Về kiến thức:**

Cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương; các điều kiện thương mại quốc tế, các phương tiện và phương thức cơ bản trong thanh toán quốc tế và các văn bản pháp lý điều chỉnh hoạt động thanh toán quốc tế.

4.2. Về kỹ năng:

Cung cấp cho sinh viên kỹ năng lập và kiểm tra bộ chứng từ trong thanh toán quốc tế, vận dụng tốt các văn bản pháp lý để giải quyết các tình huống phát sinh trong hoạt động thanh toán quốc tế.

4.3. Về thái độ:

Nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu, đòi hỏi ý thức thận trọng, chính xác và linh hoạt trong việc vận dụng văn bản pháp lý để xử lý các tình huống thanh toán quốc tế.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: TỔNG QUAN VỀ THANH TOÁN QUỐC TẾ	3	
1.1. Tổng quan thanh toán quốc tế		<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết - Minh họa bằng các tình huống thực tiễn trong thanh toán quốc tế.
1.1.1. Sự hình thành thanh toán quốc tế		
1.1.2. Khái niệm thanh toán quốc tế		
1.1.3. Đặc điểm thanh toán quốc tế		
1.1.4. Vai trò của thanh toán quốc tế		
1.2. NHTM trong TTQT		
1.2.1. Vai trò của NHTM trong TTQT		
1.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến TTQT của NHTM		
1.3. Hệ thống các văn bản pháp lý để điều chỉnh hoạt động TTQT		
Chương 2: HỢP ĐỒNG NGOẠI THƯƠNG	6	
2.1. Khái niệm hợp đồng ngoại thương		<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết - Minh họa bằng các tình huống thực tiễn trong thanh toán quốc tế.
2.2. Đặc điểm hợp đồng ngoại thương		
2.3. Kết cấu hợp đồng ngoại thương		
2.3.1. Phần mở đầu		
2.3.2. Phần nội dung các điều khoản hợp đồng		
2.3.3. Phần kết thúc		
2.4. Các điều kiện, điều khoản trong hợp đồng ngoại thương		
Chương 3: CHỨNG TỪ THƯƠNG MẠI TRONG THANH TOÁN QUỐC TẾ	6	
3.1. Chứng từ vận tải:		<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết - Đưa ra các tình huống thực tiễn trong thanh toán quốc tế và hướng dẫn cách thức giải quyết vấn đề.
3.1.1. Vận đơn đường biển		
3.1.2. Biên lai gửi hàng đường biển		
3.1.3. Vận đơn hàng không		
3.1.4. Chứng từ vận tải đường bộ, đường sắt, đường sông		
3.1.5. Chứng từ vận tải đa phương thức		
3.2. Chứng từ bảo hiểm		
3.2.1. Khái niệm		
3.2.2. Các thuật ngữ		
3.2.3. Các loại chứng từ bảo hiểm		
3.2.4. Lưu ý khi sử dụng		
3.3. Các chứng từ về hàng hóa		
3.3.1. Hóa đơn thương mại		
3.3.2. Giấy chứng nhận xuất xứ		
3.3.3. Phiếu đóng gói		
3.3.4. Các chứng từ hàng hóa khác		
Chương 4: CHỨNG TỪ TÀI CHÍNH TRONG THANH TOÁN QUỐC TẾ	6	
4.1. Hối phiếu		<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết - Sinh viên nghiên
4.1.1. Khái niệm và các bên tham gia		
4.1.2. Đặc điểm của hối phiếu		

4.1.3. Nội dung của hối phiếu		cứu thêm cách viết chứng từ theo tài liệu đã được cung cấp.
4.1.4. Các nghiệp vụ liên quan đến hối phiếu		
4.1.5. Phân loại hối phiếu		
4.2. Lệnh phiếu		
4.2.1. Khái niệm		
4.2.2. Nội dung bắt buộc của lệnh phiếu		
4.3. Séc		
4.3.1. Khái niệm		
4.3.2. Nội dung		
4.3.3. Phân loại		
4.4. Thẻ ngân hàng		
Chương 5: CÁC PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN QUỐC TẾ	18	
5.1. Phương thức ứng trước		- Giảng dạy lý thuyết - Đưa ra các tình huống thực tiễn trong thanh toán quốc tế và hướng dẫn cách thức giải quyết vấn đề.
5.1.1. Khái niệm		
5.1.2. Mục đích		
5.1.3. Ưu điểm và rủi ro đối với các bên		
5.2. Phương thức thanh toán ghi sổ		
5.2.1. Khái niệm		
5.2.2. Đặc điểm		
5.2.3. Ưu điểm và rủi ro đối với các bên		
5.2.4. Trường hợp áp dụng		
5.2.5. Quy trình thanh toán		
5.3. Phương thức chuyển tiền		
5.3.1. Khái niệm		
5.3.2. Đối tượng tham gia		
5.3.3. Quy trình thanh toán		
5.3.4. Trường hợp áp dụng		
5.3.5. Quy tắc thu phí		
5.4. Giao chứng từ nhận tiền		
5.4.1. Khái niệm		
5.4.2. Quy trình thanh toán		
5.4.3. Trường hợp áp dụng		
5.5. Phương thức thanh toán nhờ thu		
5.5.1. Khái niệm và văn bản pháp lý nhờ thu		
5.5.2. Các bên tham gia		
5.5.3. Các loại nhờ thu và quy trình nhờ thu		
5.5.4. Trường hợp áp dụng		
5.6. Phương thức thanh toán tín dụng chứng từ		
5.6.1. Khái niệm		
5.6.2. Đặc điểm của giao dịch L/C		
5.6.3. Văn bản pháp lý điều chỉnh giao dịch L/C		
5.6.4. Các bên tham gia		
5.6.5. Quy trình nghiệp vụ L/C		
5.6.6. Hồ sơ mở L/C		
5.6.7. Thư tín dụng		
5.6.8. Các loại thư tín dụng		

5.6.9. Trường hợp áp dụng		
Chương 6: ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	6	
6.1. Những vấn đề cơ bản về Incoterms		- Giảng dạy lý thuyết - Minh họa bằng tình huống thực tế
6.1.1. Lịch sử hình thành		
6.1.2. Mục đích		
6.1.3. Phạm vi điều chỉnh của Incoterms		
6.1.4. Sự khác nhau của Incoterms qua các năm		
6.2. Các điều kiện thương mại của Incoterms		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Văn Tiến (2014), *Giáo trình Thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương*, Học viện ngân hàng, NXB Thống kê.

6.2. Tài liệu khác

2. Trần Hoàng Ngân (2012), *Giáo trình Thanh toán quốc tế*, Trường Đại học kinh tế TP.HCM, NXB Đại học kinh tế - TP.HCM.
3. Võ Thị Thúy Anh – Hồ Hữu Tiến (2011), *Thanh toán quốc tế*, NXB Tài chính.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6.

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

ThS. Trầm Bích Lộc

HỌC PHẦN
PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp
- Mã học phần: 842062
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Kế toán tài chính (842301)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính - Ngân hàng

3. Mô tả học phần

Môn học phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp với nhiều khía cạnh khác nhau, nhằm giúp cho các đối tượng sử dụng thông tin tài chính của doanh nghiệp theo mục tiêu của mình, trên cơ sở đó đưa ra các quyết định.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức căn bản về kế toán, tín dụng, thị trường tài chính, phân tích doanh nghiệp về lĩnh vực tài chính.

4.2. Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức về toán kinh tế để giải các bài toán về tài chính, biết sử dụng các phương pháp thống kê để tính toán các tỷ số tài chính và phản ánh tình hình tài chính của doanh nghiệp.

4.3. Về thái độ: Sinh viên phải có tinh thần học tập nghiêm túc và cầu tiến.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: TỔNG QUAN VỀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3	Giảng dạy lý thuyết kết hợp phân tích các tình huống thực tế liên quan đến môn học.
1.5. Khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ của phân tích báo cáo tài chính		
1.6. Đối tượng nghiên cứu của phân tích báo cáo tài chính		
1.7. Các phương pháp phân tích		
1.8. Hệ thống BCTC của Việt Nam		

Chương 2: ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP	9
2.1. Yêu cầu và mục đích đánh giá	
2.2. Đánh giá khái quát tình hình huy động vốn của doanh nghiệp	
2.3. Đánh giá khái quát mức độ độc lập tài chính của doanh nghiệp	
Chương 3: PHÂN TÍCH CẤU TRÚC TÀI CHÍNH VÀ TÌNH HÌNH ĐẢM BẢO VỐN CHO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
3.1. Phân tích cấu trúc tài chính	
3.2. Phân tích tình hình đảm bảo vốn cho hoạt động kinh doanh	
Chương 4: PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH KHẢ NĂNG THANH TOÁN CỦA DOANH NGHIỆP	9
4.1. Phân tích khái quát	
4.2. Phân tích tình hình các khoản phải thu phải trả của doanh nghiệp	
4.3. Phân tích khả năng thanh toán nợ ngắn hạn, dài hạn của doanh nghiệp	
Chương 5: PHÂN TÍCH RỦI RO TÀI CHÍNH	9
5.1. Phân tích dấu hiệu khủng hoảng tài chính	
5.2. Phân tích rủi ro tài chính	
Chương 6: DỰ BÁO TÀI CHÍNH	6
6.1. Dự báo các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh	
6.2. Dự báo các chỉ tiêu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ	

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Năng Phúc (2008), *Phân tích báo cáo tài chính*, NXB Đại học KTQD Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

2. Phạm Văn Dược (2007), *Phân tích hoạt động kinh doanh*, NXB Thống kê, TP.HCM.

3. Nguyễn Văn Nông (2011), *Thị trường tài chính*, NXB Lao động - Xã hội, TP.HCM.

4. Nguyễn Văn Nông (2010), *Thị trường chứng khoán*, NXB Lao động - Xã hội, TP.HCM.

5. Nguyễn Văn Nông (2010), *Giáo trình Thuế*, NXB Lao động - Xã hội, TP.HCM.

6. Nguyễn Văn Nông (2006), *Toán tài chính*, NXB Lao động - Xã hội, TP.HCM.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 02

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6.

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

TS. Nguyễn Văn Nông

HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Quản trị rủi ro tài chính
- Mã học phần: 842059
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 2 (832059)
- + Đòi hỏi học phần học song hành:
- + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ Môn Tài Chính - Ngân Hàng

3. Mô tả học phần

Cung cấp cho sinh viên những kỹ năng để phân tích và sử dụng hiệu quả các công cụ trong quản lý rủi ro tài chính. Sử dụng hiệu quả các kiến thức và lý thuyết của môn học, áp dụng thành công vào tình huống thực tế.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức:

Sinh viên nắm vững và hiểu được những kiến thức cơ bản về quản trị rủi ro tài chính trong doanh nghiệp. Phân biệt được các loại rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro tín dụng.

4.2. Về kỹ năng:

Sinh viên vận dụng kiến thức đã được học vào việc giải bài tập và giải quyết các tình huống liên quan đến những vấn đề về quản trị rủi ro tài chính doanh nghiệp. Sinh viên biết cách định giá trong từng Hợp đồng phái sinh và áp dụng vào thực tế.

4.3. Về thái độ:

Sinh viên có thái độ tích cực và phù hợp đối với các vấn đề về quản trị rủi ro tài chính doanh nghiệp

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: TỔNG QUAN VỀ RỦI RO TÀI CHÍNH	5	

1.1. Định nghĩa rủi ro tài chính		
1.2. Động lực trong việc quản trị rủi ro tài chính		
1.3. Phân loại và nhận dạng rủi ro tài chính		
1.4. Các công cụ quản lý rủi ro tài chính		
Chương 2: THỊ TRƯỜNG KỶ HẠN VÀ GIAO SAU	10	
2.1. Khái niệm, đặc điểm của thị trường kỳ hạn và giao sau.		
2.2. Lịch sử phát triển và hình thành thị trường kỳ hạn và giao sau.		
2.3. Cơ chế giao dịch kỳ hạn và giao sau		
2.3.1. Mô tả một giao dịch giao sau		
2.3.2. Công ty thanh toán bù trừ		
2.3.3. Thanh toán hàng ngày		
2.4. Giá trị nhận được của các bên trong giao dịch giao sau		
2.4.1. Giá trị nhận được của người mua		
2.4.2. Giá trị nhận được của người bán		
2.5. Định giá trong hợp đồng giao sau		
Chương 3: THỊ TRƯỜNG QUYỀN CHỌN	15	
3.1. Khái niệm, đặc điểm của thị trường quyền chọn		
3.2. Lịch sử phát triển và hình thành thị trường quyền chọn		
3.3. Cơ chế giao dịch trong thị trường quyền chọn		
3.3.1. Mô tả một giao dịch quyền chọn		
3.3.2. Quyền chọn bán		
3.3.3. Quyền chọn mua		
3.4. Giá trị nhận được của các bên trong giao dịch quyền chọn		
3.4.1. Quyền chọn bán		
3.4.2. Quyền chọn mua		
3.5. Các nguyên tắc định giá quyền chọn		
3.5.1. Quyền chọn bán		
3.5.2. Quyền chọn mua		
3.6. Định giá quyền chọn theo mô hình nhị phân		
3.6.1. Mô hình nhị phân một thời kỳ		
3.6.2. Mô hình nhị phân hai thời kỳ		
3.7. Định giá quyền chọn theo mô hình Black-Scholes		
Chương 4: HOÁN ĐỔI VÀ NHỮNG CHIẾN LƯỢC ỨNG DỤNG TRONG THỰC TIỄN	6	
4.1. Khái niệm, đặc điểm của hoán đổi		
4.1.1. Định nghĩa		
4.1.2. Phân loại		
4.1.3. Đặc điểm		
4.2. Hoán đổi lãi suất		
4.2.1. Định nghĩa và nhận dạng hoán đổi lãi suất		
4.2.2. Định giá hoán đổi lãi suất		
4.3. Hoán đổi tiền tệ		

4.3.1. Định nghĩa và nhận dạng hoán đổi tiền tệ		
4.3.2. Định giá hoán đổi tiền tệ		
Chương 5: RỦI RO TÍN DỤNG	3	
5.1. Quan hệ rủi ro tín dụng giữa khách hàng và ngân hàng		
5.2. Quản lý rủi ro tín dụng đối với khách hàng		
5.3. Quản lý rủi ro tín dụng đối với ngân hàng		
Chương 6: RỦI RO LÃI SUẤT	3	
6.1. Mục tiêu của quản lý rủi ro lãi suất		
6.2. Quản lý rủi ro lãi suất cho khách hàng		
6.3. Quản lý rủi ro lãi suất của ngân hàng		
Chương 7: RỦI RO TỶ GIÁ	3	
7.1. Quản lý rủi ro tỷ giá đối với doanh nghiệp		
7.2. Quản lý rủi ro tỷ giá đối với ngân hàng thương mại		
7.3. Thực trạng quản lý rủi ro tỷ giá ở Việt Nam		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Thị Ngọc Trang (2011), *Quản Trị Rủi Ro Tài chính*, NXB Thống kê.

6.2. Tài liệu tham khảo

2. Nguyễn Thị Ngọc Trang (2007), *Quản Trị Rủi Ro Tài chính*, NXB Thống kê.

3. Nguyễn Minh Kiều (2009), *Quản Trị Rủi Ro Tài chính*, NXB Thống kê.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 - 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TS. Trần Đình Phụng

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Nguyễn Văn Nông

NGƯỜI BIÊN SOẠN

ThS. Võ Thị Thùy Vân

HỌC PHẦN
KINH DOANH NGOẠI HỐI

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Kinh doanh ngoại hối
- Mã học phần: 842112
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (832061)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính – Ngân hàng

3. Mô tả học phần:

Trang bị kiến thức cơ bản về thị trường ngoại hối, hoạt động ngoại hối của Ngân hàng thương mại. Trang bị kỹ năng: thực hành tốt các nghiệp vụ ngoại hối cơ bản. Sau khi học xong, sinh viên có thể vận dụng các nghiệp vụ trên thị trường ngoại hối vào việc phòng ngừa rủi ro hối đoái và vào mục đích kinh doanh, tuân thủ đúng quy định về quản lý ngoại hối quốc gia.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Trang bị kiến thức cơ bản về thị trường ngoại hối và những vấn đề liên quan đến tỷ giá, kiến thức về các nghiệp vụ trên thị trường ngoại hối và cách phòng ngừa rủi ro tỷ giá.

4.2. Về kỹ năng: Có khả năng thực hiện tốt các nghiệp vụ trên thị trường ngoại hối nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro hối đoái và kinh doanh ngoại hối.

4.3. Về thái độ: Nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu, có ý thức tìm hiểu về thị trường ngoại hối và thực hành các nghiệp vụ kinh doanh trên thị trường ngoại hối.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI	3	
1.1. Khái niệm và đặc điểm		

1.2. Các chức năng của thị trường ngoại hối		
1.3. Những thành viên tham gia thị trường ngoại hối		
1.4. Các nghiệp vụ trên thị trường ngoại hối		
Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN TRONG KINH DOANH NGOẠI HỐI	6	
2.1. Tỷ giá hối đoái và các vấn đề liên quan		
2.1.1. Khái niệm tỷ giá		
2.1.2. Phân loại tỷ giá		
2.1.3. Các phương pháp yết tỷ giá		
2.1.4. Điểm tỷ giá, cách đọc và cách viết tỷ giá		
2.1.5. Tỷ giá mua, tỷ giá bán và lãi kinh doanh ngoại hối		
2.1.6. Mua bán hộ, đầu cơ và kinh doanh chênh lệch tỷ giá		
2.1.7. Tỷ giá chéo và kinh doanh tỷ giá chéo		
2.2. Trạng thái luồng tiền và trạng thái ngoại hối		
2.2.1. Ngày giá trị trong giao dịch ngoại hối		
2.2.2. Trạng thái luồng tiền và rủi ro lãi suất		
2.2.3. Trạng thái ngoại tệ và rủi ro tỷ giá		
Chương 3: NGHIỆP VỤ NGOẠI HỐI GIAO NGAY	6	
3.1. Tổng quan của giao dịch ngoại hối giao ngay		
3.1.1. Khái niệm và vị trí của giao dịch giao ngay		
3.1.2. Tổ chức thị trường giao ngay		
3.2. Các rủi ro trong giao dịch ngoại hối giao ngay		
3.3. Kinh doanh chênh lệch tỷ giá		
Chương 4: NGHIỆP VỤ NGOẠI HỐI KỲ HẠN	9	
4.1. Những vấn đề cơ bản về giao dịch kỳ hạn		
4.1.1. Các khái niệm		
4.1.2. Phương pháp xác định tỷ giá kỳ hạn		
4.1.3. Điểm kỳ hạn		
4.1.4. Tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay dự tính		
4.2. Bảo hiểm rủi ro tỷ giá bằng hợp đồng kỳ hạn		
4.2.1. Bảo hiểm khoản thanh toán nhập khẩu		
4.2.2. Bảo hiểm khoản thu xuất khẩu		
4.3. Ứng dụng giao dịch kỳ hạn trong kinh doanh		
4.3.1. Lựa chọn đồng tiền đầu tư		
4.3.2. Lựa chọn đồng tiền đi vay		
4.3.3. Quy trình Arbitrage lãi suất		
Chương 5: NGHIỆP VỤ HOÁN ĐỔI NGOẠI HỐI	9	
5.1. Những vấn đề cơ bản về nghiệp vụ ngoại hối hoán đổi (SWAP)		
5.1.1. Khái niệm và đặc điểm		
5.1.2. Xác định tỷ giá trong giao dịch hoán đổi		
5.1.3. Hoán đổi đồng nhất và hoán đổi ghép		
5.2. Ứng dụng SWAP vào bảo hiểm rủi ro tỷ giá		
5.2.1. Kéo dài trạng thái tiền tệ		

- Phương pháp dạy học: phương pháp thuyết trình, phương pháp phân tích tình huống cụ thể về các nghiệp vụ trên thị trường ngoại hối

- Phương pháp kiểm tra giữa kỳ: tự luận

5.2.2. Rút ngắn trạng thái tiền tệ	
5.2.3. Ứng dụng Swap trong đầu tư quốc tế	
Chương 6: NGHIỆP VỤ TIỀN TỆ TƯƠNG LAI	6
6.1. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng tiền tệ tương lai	
6.1.1. Khái niệm hợp đồng tương lai	
6.1.2. Các đặc điểm của hợp đồng tiền tệ tương lai	
6.2. Tổ chức và quy tắc giao dịch của hợp đồng tiền tệ tương lai	
6.2.1. Tổ chức giao dịch tại sở giao dịch	
6.2.2. Cơ chế giao dịch và quá trình thanh toán	
6.3. Ứng dụng của hợp đồng tiền tệ tương lai	
Chương 7: NGHIỆP VỤ QUYỀN CHỌN TIỀN TỆ	6
7.1. Những khái niệm cơ bản	
7.1.1. Khái niệm quyền chọn tiền tệ	
7.1.2. Hợp đồng quyền chọn mua và quyền chọn bán tiền tệ	
7.1.3. Các bên tham gia giao dịch quyền chọn	
7.1.4. Thực hiện quyền chọn và tỷ giá quyền chọn	
7.1.5. Các thuật ngữ về giá trị quyền chọn tiền tệ	
7.2. Các chiến lược quyền chọn tiền tệ	
7.2.1. Đối với nhà nhập khẩu	
7.2.2. Đối với nhà xuất khẩu	
7.3. Giao dịch quyền chọn tiền tệ trên sở giao dịch	

6. Tài liệu học tập

6.1 Tài liệu chính:

1. Nguyễn Văn Tiến (2012), *Giáo trình Thị trường ngoại hối và các nghiệp vụ phái sinh*, Học viện ngân hàng, NXB Thống kê.
2. Nguyễn Trần Phúc (2015), *Giáo trình Kinh doanh ngoại hối Bài tập & Đáp án Gợi ý*, Đại học Ngân hàng TP HCM, NXB Phương Đông.

6.2. Tài liệu khác:

3. Lê Văn Tư (2009), *Giáo trình Thị trường hối đoái*, NXB Thanh niên.
4. John C.Hull (2008), *Options, Futures, and Other Derivatives (7th edition)*, Prentice Hall.
5. Bài giảng của giáo viên.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 1 bài

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 75 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần:

hệ số 0.1

HỌC PHẦN
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 2

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tài chính doanh nghiệp 2
- Mã học phần: 832059
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1 (832058)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ Môn Tài chính - Ngân hàng

3. Mô tả học phần

Cung cấp cho sinh viên những lý thuyết về tài chính doanh nghiệp để đưa ra các quyết định hợp lý về thuê tài sản, đầu tư tài sản lưu động, đòn bẩy hoạt động và đòn bẩy tài chính, nguồn vốn và chi phí sử dụng vốn, cơ cấu vốn, chính sách cổ tức; sáp nhập, hợp nhất, mua lại phá sản doanh nghiệp; quản lý rủi ro tài chính, lập kế hoạch tài chính nhằm làm gia tăng giá trị doanh nghiệp.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Sinh viên nắm vững và hiểu được những kiến thức cơ bản về tài chính trong doanh nghiệp.

4.2. Về kỹ năng: Sinh viên vận dụng kiến thức đã được học vào việc giải bài tập và giải quyết các tình huống liên quan đến những vấn đề về tài chính doanh nghiệp.

4.3. Về thái độ: Sinh viên có thái độ tích cực và phù hợp đối với các vấn đề về tài chính doanh nghiệp

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: PHÂN TÍCH VÀ QUYẾT ĐỊNH THUÊ TÀI SẢN	5	
1.1. Khái niệm và phân loại thuê tài sản		
1.2. Lợi ích của việc thuê tài sản		
1.3. Thuế và vấn đề thuê tài sản		

1.4. Quyết định thuê hay mua tài sản		
1.4.1. Phân tích chi phí khi đi thuê tài sản		
1.4.2. Phân tích chi phí khi mua tài sản		
1.4.3. Quyết định thuê hay mua tài sản		
Chương 2: PHÂN TÍCH VÀ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	9	
2.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại tài sản lưu động		
2.2. Phân tích và quyết định tồn quỹ tiền mặt		
2.2.1. Những lý do khiến doanh nghiệp giữ tiền mặt		
2.2.2. Quyết định tồn quỹ tiền mặt mục tiêu		
2.2.3. Quản trị thu chi tiền mặt		
2.3. Phân tích và quyết định khoản phải thu		
2.3.1. Phân tích và quyết định chính sách bán chịu		
2.3.2. Phân tích uy tín tài chính của khách hàng mua chịu		
2.4. Phân tích và quyết định hàng tồn kho		
2.4.1. Tác động và phân loại tồn kho		
2.4.2. Mô hình quyết định lượng đặt hàng hiệu quả (EOQ)		
2.4.3. Xác định điểm đặt hàng khi có chiết khấu		
Chương 3: PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC LOẠI ĐÒN BẦY	6	
3.1. Điểm hòa vốn		
3.2. Đòn bẩy hoạt động		
3.2.1. Phân tích ảnh hưởng của đòn bẩy hoạt động đến EBIT		
3.2.2. Quan hệ giữa đòn bẩy hoạt động và rủi ro doanh nghiệp		
3.3. Đòn bẩy tài chính		
3.3.1. Phân tích quan hệ EBIT và EPS		
3.3.2. Đòn bẩy tài chính		
3.3.3. Đòn bẩy tài chính và rủi ro tài chính		
3.4. Đòn bẩy tổng hợp		
Chương 4: QUYẾT ĐỊNH NGUỒN VỐN VÀ CHI PHÍ SỬ DỤNG VỐN	6	
4.1. Quyết định nguồn vốn ngắn hạn		
4.1.1. Nhu cầu tài trợ ngắn hạn		
4.1.2. Nguồn vốn tài trợ ngắn hạn		
4.2. Quyết định nguồn vốn dài hạn		
4.2.1. Nhu cầu tài trợ dài hạn		
4.2.2. Các nguồn vốn tài trợ dài hạn		
4.2.3. Quyết định lựa chọn nguồn vốn dài hạn		
4.3. Xác định chi phí sử dụng vốn		
4.3.1. Chi phí sử dụng vốn cổ phần ưu đãi		
4.3.2. Chi phí sử dụng vốn cổ phần thường		
4.3.3. Chi phí sử dụng nợ		

Chương 5: QUYẾT ĐỊNH CƠ CẤU VỐN CỦA DOANH NGHIỆP	6	
5.1. Lý thuyết cơ cấu vốn tối ưu		
5.1.1. Cơ cấu vốn tối ưu		
5.1.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn cơ cấu vốn		
5.2. Lý thuyết lợi nhuận hoạt động ròng		
5.3. Lý thuyết M&M về cơ cấu vốn doanh nghiệp		
Chương 6: QUYẾT ĐỊNH CHÍNH SÁCH CỔ TỨC		
6.1. Khái niệm, các hình thức và cách thức chi trả cổ tức	4	
6.2. Chính sách cổ tức và giá trị doanh nghiệp		
6.3. Thiết lập chính sách cổ tức		
6.3.1. Chính sách trả cổ tức sau đầu tư		
6.3.2. Chính sách trả cổ tức ổn định		
6.3.3. Chính sách trả cổ tức thỏa hiệp		
6.4. Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và chia tách cổ phiếu		
6.4.1. Phân biệt trả cổ tức bằng cổ phiếu và chia tách cổ phiếu		
6.4.2. Lý do vì sao công ty trả cổ tức bằng cổ phiếu hoặc chia tách cổ phiếu		
Chương 7: KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	3	
7.1. Những vấn đề cơ bản về lập kế hoạch tài chính		
7.2. Nội dung lập kế hoạch tài chính		
Chương 8: ĐO LƯỜNG VÀ QUẢN LÝ RỦI RO DOANH NGHIỆP	3	
8.1. Khái niệm và đo lường rủi ro tài chính		
8.1.1. Khái niệm rủi ro tài chính		
8.1.2. Đo lường rủi ro tài chính		
8.2. Quản lý rủi ro tài chính		
8.2.1. Quản lý rủi ro tín dụng		
8.2.2. Quản lý rủi ro lãi suất		
8.2.3. Quản lý rủi ro tỷ giá		
Chương 9: VẤN ĐỀ TÀI CHÍNH TRONG VIỆC SÁP NHẬP, HỢP NHẤT, MUA LẠI VÀ PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP	3	
9.1. Sáp nhập, hợp nhất, mua lại		
9.2. Vấn đề tài chính trong việc phá sản doanh nghiệp		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Minh Kiều (2009), Tài chính doanh nghiệp căn bản, NXB Thống kê.

6.2. Tài liệu khác

2. Nguyễn Đình Kiệm (2008), Giáo trình tài chính doanh nghiệp - Học viện Tài chính, NXB tài chính.
3. Luật Doanh nghiệp (2006) (có hiệu lực từ 01/07/2006), NXB tổng hợp Tp.HCM.
4. Luật chứng (2006)(có hiệu lực từ ngày 01/01/2007), NXB Lao động – Xã hội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì):
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60-90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
 - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3
 - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

ThS. Võ Thị Thùy Vân

HỌC PHẦN
NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Nghiệp vụ ngân hàng thương mại
- Mã học phần: 832061
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Lý thuyết tài chính tiền tệ (832107)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính - Ngân hàng**3. Mô tả học phần**

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổng quan ngân hàng thương mại và những nghiệp vụ cơ bản của hệ thống NHTM hiện nay. Sau học xong sinh viên sẽ có kiến thức tổng quát về những nghiệp vụ của NHTM như huy động vốn, cấp tín dụng, dịch vụ ngân hàng.

Môn học này giới thiệu trang bị cho sinh viên khối ngành kinh tế những kiến thức cơ bản về tổng quan ngân hàng thương mại và những nghiệp vụ cơ bản của hệ thống NHTM hiện nay như huy động vốn, cấp tín dụng, dịch vụ ngân hàng. Tính toán được lãi huy động vốn, lãi cấp tín dụng, giá trị chiết khấu, lãi chiết khấu, bao thanh toán, lập bảng kế hoạch trả nợ và phân tích khả năng trả nợ của khách hàng vay.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổng quan ngân hàng thương mại và những nghiệp vụ cơ bản của hệ thống NHTM hiện nay như huy động vốn, cấp tín dụng, dịch vụ ngân hàng.

4.2. Về kỹ năng: Tính toán được lãi huy động vốn, lãi cấp tín dụng, giá trị chiết khấu, lãi chiết khấu, bao thanh toán, lập bảng kế hoạch trả nợ và phân tích khả năng trả nợ của khách hàng vay,....

4.3. Về thái độ: Sinh viên có thái độ tuân thủ pháp luật NHNN và Luật các TCTD, Luật các công cụ chuyên nhượng.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	4	
1.1.Các vấn đề cơ bản về ngân hàng thương mại 1.1.1. Định nghĩa 1.1.2. Phân biệt Ngân hàng Thương mại và tổ chức tín dụng phi Ngân hàng 1.2. Phân loại ngân hàng thương mại 1.2.1. Theo hình thức sở hữu 1.2.2. Theo chiến lược kinh doanh 1.2.3. Theo quan hệ tổ chức 1.3. Các chức năng của Ngân hàng Thương mại 1.3.1. Chức năng trung gian tài chính và thanh toán 1.3.2. Chức năng tạo ra tiền bút tệ theo cấp số nhân 1.4. Cơ cấu tổ chức của một Ngân hàng Thương mại 1.4.1. Hội đồng quản trị 1.4.2. Ban điều hành 1.4.3. Hội sở, chi nhánh, và các phòng ban chức năng 1.4.4. Hệ thống Ngân hàng thương mại Việt Nam 1.5. Các hoạt động chủ yếu của Ngân hàng thương mại 1.5.1. Hoạt động huy động vốn 1.5.2. Hoạt động dịch vụ ngân hàng 1.5.3. Hoạt động cấp tín dụng 1.5.4. Các hoạt động khác: góp vốn, đầu tư, kinh doanh vàng, bất động sản....		Giảng viên trình bày, diễn giải và đặt câu hỏi cho sinh viên thảo luận trong lớp.
Chương 2. NGHIỆP VỤ HUY ĐỘNG VỐN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.	6	
2.1. Tầm quan trọng của nghiệp vụ huy động vốn 2.1.1. Đối với Ngân hàng 2.1.2. Đối với khách hàng 2.2. Các hình thức huy động vốn của Ngân hàng thương mại 2.3. Nguyên tắc quản lý tiền gửi 2.4. Các biện pháp huy động vốn		
Chương 3. Nghiệp vụ cấp tín dụng của ngân hàng thương mại.	8	
3.1. Khái niệm về cấp tín dụng NHTM 3.2. Phân loại tín dụng Ngân hàng thương mại 3.3. Các nguyên tắc tín dụng 3.4. Lãi suất tín dụng 3.5. Bảo đảm tín dụng 3.6. Rủi ro tín dụng 3.6.1. Khái niệm		

3.6.2. Nguyên nhân phát sinh rủi ro 3.6.3. Biện pháp hạn chế rủi ro		
Chương 4. CÁC NGHIỆP VỤ CẤP TÍN DỤNG DÀNH CHO DOANH NGHIỆP.	8	
4.1. Cho vay ngắn hạn 4.1.1. Cho vay theo món (cho vay thông thường) 4.1.2. Cho vay luân chuyển (tín dụng hạn mức) 4.2. Cho vay trung và dài hạn (tài trợ dự án) 4.3. Tài trợ xuất nhập khẩu 4.3.1. Khái niệm 4.3.2. Các hình thức tài trợ xuất nhập khẩu 4.3.3. Quy trình áp dụng 4.3.4. Trường hợp áp dụng 5.4. Chiết khấu thương phiếu và chứng từ có giá		
Chương 5. CÁC NGHIỆP VỤ CẤP TÍN DỤNG DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN.	6	
5.1. Cho vay tiêu dùng 5.1.1. Khái niệm cho vay tiêu dùng 5.1.2. Các loại cho vay tiêu dùng 5.1.3. Quy trình áp dụng 5.1.4. Trường hợp áp dụng 5.2. Cho vay sản xuất kinh doanh 5.2.1. Khái niệm 5.2.2. Các đặc điểm và hình thức cho vay 5.2.3. Quy trình áp dụng 5.2.4. Trường hợp áp dụng		
Chương 6. NGHIỆP VỤ BẢO LÃNH VÀ BAO THANH TOÁN	9	
6.1. Nghiệp vụ bảo lãnh 6.1.1. Khái niệm 6.1.2. Các loại nghiệp vụ bảo lãnh 6.1.3. Quy trình áp dụng 6.1.4. Trường hợp áp dụng 6.2. Nghiệp vụ bao thanh toán 6.2.1. Khái niệm 6.2.2. Các loại bao thanh toán 6.2.3. Quy trình áp dụng 6.2.4. Trường hợp áp dụng		
Chương 7. HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	4	
7.1. Dịch vụ ngân quỹ 7.2. Dịch vụ thanh toán và chuyển tiền trong nước và quốc tế. 7.3. Dịch vụ chuyển tiền 7.4. Dịch vụ khấu trừ tự động 7.5. Dịch vụ ủy thác 7.6. Dịch vụ tư vấn 7.7. Dịch vụ giữ hộ, cho thuê két sắt, két ngân buổi tối 7.8. Dịch vụ ngân hàng điện tử “e-banking”.		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1. TrầM Thị Xuân Hương (2012), Giáo trình Nghiệp vụ ngân hàng thương mại, Trường Đại học Kinh tế TP. HCM, Nhà xuất bản Kinh tế TP. HCM.

6.2. Tài liệu khác:

2. Nguyễn Minh Kiều (2007), *Nghiệp vụ ngân hàng hiện đại* – Nhà xuất bản thống kê.
3. Hồ Diệu (2001), *Tín dụng ngân hàng* – Nhà xuất bản thống kê.
4. Bài giảng của Giảng viên.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): Kiểm tra 01 lần giữa kỳ.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình kiểm tra, thực hành/bài tập: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

TS. Trương Văn Khánh

HỌC PHẦN
THIẾT LẬP VÀ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư
- Mã học phần: 842111
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1 (832058)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính – Ngân hàng

3. Mô tả học phần:

Trang bị kiến thức và kỹ năng về cách thức thiết lập một dự án đầu tư và thẩm định tính khả thi và hiệu quả của dự án. Sau khi học xong người học có thể hiểu về việc lập một dự án đầu tư và thẩm định dự án trong thực tế.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về đầu tư và dự án đầu tư, quy trình để thiết lập một dự án đầu tư và phương pháp thẩm định dự án đầu tư giúp lựa chọn dự án đầu tư khả thi và hiệu quả.

4.2. Về kỹ năng: có thể soạn thảo một dự án đầu tư và thẩm định dự án trên các phương diện pháp lý, thị trường, kỹ thuật công nghệ, tổ chức nhân sự, tài chính và kinh tế xã hội, phân tích các rủi ro của dự án, giúp lựa chọn dự án khả thi và hiệu quả.

4.3. Về thái độ: Nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu, nâng cao ý thức trong tìm hiểu, phân tích, đánh giá những dự án đầu tư trong thực tiễn và sử dụng sắc bén công cụ phân tích tài chính dự án đầu tư.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: TỔNG QUAN VỀ ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	6	- Phương pháp dạy - học: phương pháp
1.1. Đầu tư và phân loại đầu tư:		

1.1.1. Khái niệm:		thuyết trình, phương pháp thực hành phân tích các khía cạnh của dự án đầu tư dựa trên tình huống cụ thể - Phương pháp kiểm tra giữa kỳ: tự luận
1.1.2. Phân loại đầu tư:		
1.2. Dự án đầu tư:		
1.2.1. Khái niệm		
1.2.2. Yêu cầu của một dự án đầu tư		
1.2.3. Phân loại dự án đầu tư		
1.3. Chu trình dự án đầu tư		
1.4. Thẩm định dự án đầu tư		
1.4.1. Khái niệm thẩm định dự án đầu tư		
1.4.2. Vai trò thẩm định dự án đầu tư		
Chương 2: TỔ CHỨC SOẠN THẢO ĐẦU TƯ	6	
2.1. Các nội dung nghiên cứu của quá trình soạn thảo dự án đầu tư		
2.1.1. Nghiên cứu cơ hội đầu tư		
2.1.2. Nghiên cứu tiền khả thi		
2.1.3. Nghiên cứu khả thi		
2.2. Công tác tổ chức soạn thảo dự án đầu tư		
2.2.1. Yêu cầu và căn cứ để soạn thảo dự án đầu tư		
2.2.2. Lập quy trình, lịch trình soạn thảo dự án		
2.3. Trình bày một dự án đầu tư		
Chương 3: NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	6	
3.1. Các điều kiện vĩ mô ảnh hưởng đến sự hình thành và thực hiện dự án		
3.1.1. Các yếu tố của môi trường vĩ mô		
3.1.2. Quy hoạch và kế hoạch phát triển		
3.2. Nghiên cứu thị trường		
3.2.1. Phân tích sản phẩm/dịch vụ của dự án và khả năng cạnh tranh của sản phẩm/dịch vụ		
3.2.2. Phân đoạn thị trường và xác định thị trường mục tiêu		
3.2.3. Phân tích cung cầu thị trường của dự án ở hiện tại và dự báo cung cầu trong tương lai		
3.2.4. Phân tích kế hoạch marketing hỗn hợp		
Chương 4: NGHIÊN CỨU KHÍA CẠNH KỸ THUẬT CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	6	
4.1. Vị trí và yêu cầu của nghiên cứu khía cạnh kỹ thuật		
4.2. Các nội dung của nghiên cứu kỹ thuật		
4.2.1. Lựa chọn hình thức đầu tư		
4.2.2. Lựa chọn công suất cho dự án		
4.2.3. Phân tích nhu cầu nguyên vật liệu		
4.2.4. Phân tích nhu cầu công nghệ, trang thiết bị		
4.2.5. Phân tích địa điểm thực hiện dự án và giải pháp xây dựng		
4.2.6. Đánh giá tác động môi trường của dự án		
Chương 5: NGHIÊN CỨU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ NHÂN SỰ CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	6	

5.1. Ý nghĩa và yêu cầu đối với nghiên cứu tổ chức quản lý dự án		
5.2. Cơ cấu tổ chức quản lý vận hành dự án đầu tư		
5.3. Dự kiến nhân sự và chi phí nhân lực thực hiện dự án		
Chương 6: PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ	15	
6.1. Mục đích, vai trò và yêu cầu của phân tích tài chính dự án đầu tư		
6.2. Các thông số cơ bản của dự án:		
6.2.1. Tổng mức vốn đầu tư và cơ cấu nguồn vốn của dự án		
6.2.2. Lập báo cáo ngân lưu của dự án (cashflow)		
6.3. Các chỉ tiêu đánh giá dự án		
6.3.1. Suất chiết khấu		
6.3.2. Chỉ tiêu hiện giá thu nhập thuần (NPV)		
6.3.3. Chỉ tiêu suất sinh lời nội bộ (IRR, MIRR)		
6.3.4. Chỉ tiêu thời gian hoàn vốn (Payback Period, Discounted Payback Period)		
6.3.5. Chỉ số sinh lời (Profitable Index-PI)		
6.4. Phân tích rủi ro của dự án		
6.4.1. Phân tích độ nhạy		
6.4.2. Phân tích tình huống		
6.4.3. Phân tích mô phỏng		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1. Nguyễn Bạch Nguyệt (2012), *Giáo trình lập dự án đầu tư*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân

6.2. Tài liệu khác:

1. Phước Minh Hiệp (2011), *Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư*, NXB Lao động - xã hội.
2. Đinh Thế Hiển (2015), *Lập và thẩm định dự án đầu tư*, NXB Kinh tế TP. HCM.
3. Bộ môn Quản trị dự án tài chính, Khoa quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế TP. HCM (2012), *Giáo trình thiết lập và thẩm định dự án đầu tư*, NXB Thống kê.
4. Bài giảng của giáo viên

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 1 bài

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 75 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

ThS. Trần Thị Hà Trang

HỌC PHẦN
TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng
- Mã học phần: 842025
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết): 45
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Tiếng Anh II (866102)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tổ Tiếng Anh không chuyên – Khoa Ngoại ngữ

3. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên chuyên ngành Tài chính - Kế toán vốn từ vựng, thuật ngữ tiếng Anh cơ bản liên quan đến nghiệp vụ ngân hàng và hoạt động tài chính. Ngoài ra, sinh viên được rèn luyện kỹ năng đọc hiểu các khái niệm cơ bản về ngân hàng và tài chính (money and cash, parts of a bank); tài liệu kỹ thuật liên quan đến các sản phẩm và hoạt động trong ngân hàng (savings and checking accounts, credit cards); các loại hình tổ chức tài chính (commercial banks, building societies); chức năng và nhiệm vụ của ngân hàng trung ương (central banks); các thách thức và rủi ro (types of risks, crisis and runs); tài chính trong doanh nghiệp (budgets, types of investment, supply, demand and prices, balance sheet and P&L); và kinh tế - tài chính toàn cầu (international organizations, economic indicators and economic stability). Sinh viên được củng cố kiến thức ngữ pháp cần thiết phục vụ cho mục đích giao tiếp (nghe và nói) nhất định và hoàn thiện kỹ năng viết với các tình huống cụ thể.

4. Mục tiêu cụ thể của HP/MH (Chuẩn đầu ra của HP/MH)

4.1. Về kiến thức: Sau khi học xong học phần sinh viên được trang bị vốn từ vựng, kiến thức ngữ pháp cần thiết để có thể nghe hiểu, đọc hiểu, nói, viết về các công việc và thuật ngữ chuyên môn liên quan đến tài chính – ngân hàng như sản phẩm và dịch vụ của ngân hàng, ngân hàng trung ương, ngân hàng thương mại, nghề nghiệp, các dạng rủi ro về tài chính và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng. Đồng thời sinh viên nắm bắt được khái niệm về quản

lý tiền mặt, ngân quỹ, đầu tư tài chính, phân tích báo cáo tài chính, các tổ chức tài chính quốc tế, chỉ số kinh tế & sự ổn định kinh tế.

4.2. Về kỹ năng: Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng sử dụng vốn từ vựng được trang bị để phát triển kỹ năng nghe hiểu & đọc hiểu các thông tin về tài chính ngân hàng, cụ thể:

- Hỏi và trình bày thông tin của một tài khoản ngân hàng.
- Trình bày về các loại ngân hàng và cơ cấu tổ chức của ngân hàng.
- Trình bày về các loại lãi suất của ngân hàng.
- Trình bày các loại rủi ro về tài chính và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng.
- Kiểm tra thông tin về các sản phẩm tài chính.
- Trình bày cách quản lý tiền mặt, ngân quỹ.
- Đọc và hiểu các thông tin trong báo cáo tài chính.

4.3. Về thái độ: Sinh viên có ý thức cập nhật thông tin liên quan đến môn học thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng. Bên cạnh đó, sau khi hoàn thành học phần sinh viên có:

- Ý thức được tầm quan trọng của các điều khoản tài khoản ngân hàng.
- Ý thức về xu hướng phát triển của hệ thống ngân hàng.
- Ý thức được tầm quan trọng của những quyết định về tài chính, đồng thời có thái độ tích cực về quản lý ngân quỹ, dịch vụ hay những vấn đề về ngân hàng, tài chính.
- Nhận thức được mối liên hệ giữa các yếu tố kinh tế và sự ổn định kinh tế của 1 quốc gia.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Unit 1: Money	2	
1. Get ready!		Sinh viên thảo luận và trả lời câu hỏi trong phần 'Get ready'.
2. Reading: Read the bank advertisement		Giáo viên giải thích từ mới. Sinh viên đọc và trả lời câu hỏi True/False. Giảng viên đưa ra đáp án.
3. Vocabulary		Sinh viên làm bài tập kết hợp và bài tập điền từ vào chỗ trống. Giảng viên kiểm tra lại và đáp án.
4. Listening: 4.1. Choose the correct answers.		Sinh viên nghe và chọn câu trả lời đúng. Giảng viên đưa ra đáp án.
4.2. Complete the conversation.		Sinh viên nghe và điền từ vào chỗ trống. Giảng viên đưa ra đáp án.
5. Speaking: Act out the roles of a bank teller		Sinh viên đóng vai nhân viên ngân

and a tourist exchanging currency.		hàng và du khách đổi tiền.
6. Writing: Fill out the teller currency exchange form.		Sinh viên sử dụng các thông tin trong bài quảng cáo và bài đối thoại để điền thông tin vào biểu mẫu đổi tiền.
Unit 2: Parts of a bank	2	
1. Get ready!		Sinh viên thảo luận và trả lời câu hỏi trong phần 'Get ready'.
2. Reading: Read the checklist		Giáo viên giải thích từ mới. Sinh viên đọc và điền từ vào chỗ trống. Giảng viên đưa ra đáp án.
3. Vocabulary		Sinh viên làm bài tập kết hợp và bài tập điền từ vào chỗ trống. Giảng viên kiểm tra lại và đáp án.
4. Listening: 4.1. Listen and decide true or false.		Sinh viên nghe và chọn câu trả lời đúng hay sai. Giảng viên đưa ra đáp án.
4.2. Complete the conversation.		Sinh viên nghe và điền từ vào chỗ trống. Giảng viên đưa ra đáp án.
5. Speaking: Act out the roles of a bank manager and a bank employee about opening the bank.		Sinh viên đóng vai giám đốc ngân hàng và nhân viên ngân hàng về việc mở chi nhánh ngân hàng.
6. Writing: Fill out an opening checklist.		Sinh viên sử dụng các thông tin trong bài đọc và bài đối thoại để tạo bảng liệt kê về việc mở chi nhánh ngân hàng.
Unit 3: Savings accounts	2	
1. Get ready!		Sinh viên thảo luận và trả lời câu hỏi trong phần 'Get ready'.
2. Reading: Read the bank advertisement		Giáo viên giải thích từ mới. Sinh viên đọc và trả lời câu hỏi True/False. Giảng viên đưa ra đáp án.
3. Vocabulary		Sinh viên làm bài tập kết hợp và bài tập điền từ vào chỗ trống. Giảng viên kiểm tra lại và đáp án.
4. . Listening: 4.1.Choose the correct answers.		Sinh viên nghe và chọn câu trả lời đúng. Giảng viên đưa ra đáp án.
4.2. Complete the conversation.		Sinh viên nghe và điền từ vào chỗ trống. Giảng viên đưa ra đáp án.
5. Speaking: Act out the roles of a banker and a customer about the withdrawal limit fee.		Sinh viên đóng vai nhân viên ngân hàng và khách rút tiền.
6. Writing: Fill out the paperwork		Sinh viên sử dụng các thông tin

		trong bài quảng cáo và bài đối thoại để điền thông tin vào biểu mẫu.
Unit 4: Checking accounts	2	
1. Get ready!		Sinh viên thảo luận và trả lời câu hỏi trong phần 'Get ready'.
2. Reading: Read the brochure		Giáo viên giải thích từ mới. Sinh viên đọc và trả lời câu hỏi True/False. Giảng viên đưa ra đáp án.
3. Vocabulary		Sinh viên làm bài tập chọn từ và bài tập điền từ vào chỗ trống. Giảng viên kiểm tra lại và đáp án.
4. Listening: 4.1. Choose the correct answers.		Sinh viên nghe và chọn câu trả lời đúng. Giảng viên đưa ra đáp án.
4.2. Complete the conversation.		Sinh viên nghe và điền từ vào chỗ trống. Giảng viên đưa ra đáp án.
5. Speaking: Act out the roles of a bank agent and a customer about checking account options.		Sinh viên đóng vai nhân viên ngân hàng và khách hàng về tài khoản vãng lai.
6. Writing: Fill out the application for a checking account.		Sinh viên sử dụng các thông tin trong bài quảng cáo và bài đối thoại để điền thông tin vào biểu mẫu.
Unit 5: Credit cards	2	
1. Get ready!		Sinh viên thảo luận và trả lời câu hỏi trong phần 'Get ready'.
2. Reading: Read the letter and the summary		Giáo viên giải thích từ mới. Sinh viên đọc và điền từ vào chỗ trống. Giảng viên đưa ra đáp án.
3. Vocabulary		Sinh viên làm bài tập kết hợp và chọn câu đúng. Giảng viên kiểm tra lại và đáp án.
4. . Listening: 4.1. Listen and decide True or False.		Sinh viên nghe và chọn câu trả lời đúng hay sai. Giảng viên đưa ra đáp án.
4.2. Complete the conversation.		Sinh viên nghe và điền từ vào chỗ trống. Giảng viên đưa ra đáp án.
5. Speaking: Act out the roles of a credit card company representative and a customer about the interest rates.		Sinh viên đóng vai nhân viên ngân hàng và khách hàng về lãi suất.
6. Writing: Fill out the application for a		Sinh viên sử dụng các thông tin

approval form.		trong bài quảng cáo và bài đối thoại để điền thông tin vào biểu mẫu.
Unit 6: Retail banking: Commercial banks	2	
1. Get ready!		Sinh viên thảo luận và trả lời câu hỏi trong phần 'Get ready'.
2. Reading: Read the advertisement		Giáo viên giải thích từ mới. Sinh viên đọc và chọn câu trả lời đúng hay sai. Giảng viên đưa ra đáp án.
3. Vocabulary		Sinh viên làm bài tập chọn câu đúng và chọn từ đồng nghĩa. Giảng viên kiểm tra lại và đáp án.
4. Listening: 4.1. Listen and choose the correct answers.		Sinh viên nghe và chọn câu trả lời đúng. Giảng viên đưa ra đáp án.
4.2. Complete the conversation.		Sinh viên nghe và điền từ vào chỗ trống. Giảng viên đưa ra đáp án.
5. Speaking: Act out the roles of a banker and a contractor about a planned construction project.		Sinh viên đóng vai nhân viên ngân hàng và chủ đầu tư xây dựng.
6. Writing: Fill out the application form.		Sinh viên sử dụng các thông tin trong bài quảng cáo và bài đối thoại để điền thông tin vào biểu mẫu.
Unit 7: Credit analysts	2	
1. Get ready!		Sinh viên thảo luận và trả lời câu hỏi trong phần 'Get ready'.
2. Reading: Read an employment website.		Giáo viên giải thích từ mới. Sinh viên đọc và chọn câu trả lời đúng hay sai. Giảng viên đưa ra đáp án.
3. Vocabulary		Sinh viên làm bài tập kết hợp và điền từ vào chỗ trống. Giảng viên kiểm tra lại và đáp án.
4. Listening: 4.1. Listen and check the items describing the potential borrower.		Sinh viên nghe và chọn thông tin trong bài nghe. Giảng viên đưa ra đáp án.
4.2. Complete the conversation.		Sinh viên nghe và điền từ vào chỗ trống. Giảng viên đưa ra đáp án.
5. Speaking: Act out the roles of a credit analyst and a loan officer.		Sinh viên đóng vai nhân viên phân tích tín dụng và nhân viên tín dụng.
6. Writing: Fill out the credit evaluation.		Sinh viên sử dụng các thông tin

		trong bài đọc và bài đối thoại để viết biểu mẫu.
Unit 8: Savings and loans, thrifts and building societies	2	
1. Get ready!		Sinh viên thảo luận và trả lời câu hỏi trong phần ‘Get ready’.
2. Reading: Read the newspaper article		Giáo viên giải thích từ mới. Sinh viên đọc và chọn câu trả lời đúng. Giảng viên đưa ra đáp án.
3. Vocabulary		Sinh viên làm bài tập điền từ vào chỗ trống. Giảng viên kiểm tra lại và đáp án.
4. Listening: 4.1. Listen and decide True/False.		Sinh viên nghe và chọn câu trả lời đúng hay sai. Giảng viên đưa ra đáp án.
4.2. Complete the conversation.		Sinh viên nghe và điền từ vào chỗ trống. Giảng viên đưa ra đáp án.
5. Speaking: Act out the roles of an S&L representative and a potential account holder about a deposit account.		Sinh viên đóng vai nhân viên S&L và khách hàng tiềm năng.
6. Writing: Write a Savings and Loan mission statement		Sinh viên sử dụng các thông tin trong bài báo và bài đối thoại để viết biểu mẫu.
Unit 9: Central banks	2	
1. Get ready!		Sinh viên thảo luận và trả lời câu hỏi trong phần ‘Get ready’.
2. Reading: Read the newspaper article and summary.		Giáo viên giải thích từ mới. Sinh viên đọc và điền từ vào chỗ trống. Giảng viên đưa ra đáp án.
3. Vocabulary		Sinh viên đọc và điền từ vào chỗ trống. Giảng viên kiểm tra lại và đáp án.
4. Listening: 4.1. Listen and decide True/False.		Sinh viên nghe và chọn câu trả lời đúng hay sai. Giảng viên đưa ra đáp án.
4.2. Complete the conversation.		Sinh viên nghe và điền từ vào chỗ trống. Giảng viên đưa ra đáp án.
5. Speaking: Act out the roles of two bankers about effort to curb the inflation rates.		Sinh viên đóng vai hai nhân viên ngân hàng thảo luận về lạm phát.
6. Writing: Write a newspaper article about the result of a contractionary monetary policy.		Sinh viên sử dụng các thông tin trong bài báo viết về kết quả chính sách tiền tệ.

Unit 10: Types of risk	2	
1. Get ready!		Sinh viên thảo luận và trả lời câu hỏi trong phần 'Get ready'.
2. Reading: Read the book extract		Giáo viên giải thích từ mới. Sinh viên đọc và trả lời câu hỏi True/False. Giảng viên đưa ra đáp án.
3. Vocabulary		Sinh viên làm bài tập kết hợp và bài tập điền từ vào chỗ trống. Giảng viên kiểm tra lại và đáp án.
4. Listening: 4.1. Choose the correct answers.		Sinh viên nghe và chọn câu trả lời đúng. Giảng viên đưa ra đáp án.
4.2. Complete the conversation.		Sinh viên nghe và điền từ vào chỗ trống. Giảng viên đưa ra đáp án.
5. Speaking: Act out the roles of a professor and a student about questions regarding financial risks.		Sinh viên đóng vai giáo sư và sinh viên về rủi ro tài chính.
6. Writing: Write a summary of financial risks		Sinh viên sử dụng các thông tin trong bài đọc để viết tóm tắt rủi ro tài chính.
Unit 11: Crisis and runs	2	
1. Get ready!		Sinh viên thảo luận và trả lời câu hỏi trong phần 'Get ready'.
2. Reading: Read the blog about the financial crisis.		Giáo viên giải thích từ mới. Sinh viên đọc và trả lời câu hỏi True/False. Giảng viên đưa ra đáp án.
3. Vocabulary		Sinh viên làm bài tập kết hợp và bài tập điền từ vào chỗ trống. Giảng viên kiểm tra lại và đáp án.
4. Listening: 4.1. Choose the correct answers.		Sinh viên nghe và chọn câu trả lời đúng. Giảng viên đưa ra đáp án.
4.2. Complete the conversation.		Sinh viên nghe và điền từ vào chỗ trống. Giảng viên đưa ra đáp án.
5. Speaking: Act out the roles of a teller and a customer about whether or not to close an account.		Sinh viên đóng vai nhân viên ngân hàng và khách hàng về đóng tài khoản.
6. Writing: Write a newspaper article defending the safety of a bank deposit		Sinh viên sử dụng các thông tin trong bài đọc để viết bài báo về an toàn cho tài khoản ký gửi.
Review and Mini test 1	2	

Unit 12: Cash	2	
1. Get ready!		Sinh viên thảo luận và trả lời câu hỏi trong phần ‘Get ready’.
2. Reading: Read the company’s petty cash policy		Giáo viên giải thích từ mới. Sinh viên đọc và chọn câu trả lời đúng. Giảng viên đưa ra đáp án.
3. Vocabulary		Sinh viên làm bài tập kết hợp và bài tập điền từ vào chỗ trống. Giảng viên kiểm tra lại và đáp án.
4. Listening: 4.1. Listen and decide True/False.		Sinh viên nghe và chọn câu trả lời đúng hay sai. Giảng viên đưa ra đáp án.
4.2. Complete the conversation.		Sinh viên nghe và điền từ vào chỗ trống. Giảng viên đưa ra đáp án.
5. Speaking: Act out the roles of an employee and a manager about using petty cash for an expenditure.		Sinh viên đóng vai nhân viên và giám đốc về việc chi tiêu tiền vật.
6. Writing: Fill out the petty cash withdrawal.		Sinh viên sử dụng các thông tin trong bài đọc để điền vào biểu mẫu.
Unit 13: Budgets	2	
1. Get ready!		Sinh viên thảo luận và trả lời câu hỏi trong phần ‘Get ready’.
2. Reading: Read the advice column		Giáo viên giải thích từ mới. Sinh viên đọc và chọn câu đúng hay sai. Giảng viên đưa ra đáp án.
3. Vocabulary		Sinh viên làm bài tập điền từ vào chỗ trống. Giảng viên kiểm tra lại và đáp án.
4. Listening: 4.1. Listen and choose the correct answers.		Sinh viên nghe và chọn câu trả lời đúng. Giảng viên đưa ra đáp án.
4.2. Complete the conversation.		Sinh viên nghe và điền từ vào chỗ trống. Giảng viên đưa ra đáp án.
5. Speaking: Act out the roles of two financial advisors about a new operating budget.		Sinh viên đóng vai hai nhân viên tư vấn tài chính về ngân quỹ.
6. Writing: Fill out a business owner’s budget summary.		Sinh viên sử dụng các thông tin trong bài đọc để điền vào bảng tóm tắt.
Unit 14: Types of investments	2	
1. Get ready!		Sinh viên thảo luận và trả lời câu

		hỏi trong phần ‘Get ready’.
2. Reading: Read the page from a beginner investor’s guidebook		Giáo viên giải thích từ mới. Sinh viên đọc và trả lời câu hỏi True/False. Giảng viên đưa ra đáp án.
3. Vocabulary		Sinh viên làm bài tập kết hợp và bài tập điền từ vào chỗ trống. Giảng viên kiểm tra lại và đáp án.
4. Listening: 4.1. Choose the correct answers.		Sinh viên nghe và chọn câu trả lời đúng. Giảng viên đưa ra đáp án.
4.2. Complete the conversation.		Sinh viên nghe và điền từ vào chỗ trống. Giảng viên đưa ra đáp án.
5. Speaking: Act out the roles of two co-workers about investing in the stock market.		Sinh viên đóng vai hai nhân viên về đầu tư thị trường chứng khoán.
6. Writing: Fill out the employee’s note.		Sinh viên sử dụng các thông tin trong bài đọc để điền vào biểu mẫu.
Unit 15: Supply, demand and prices	2	
1. Get ready!		Sinh viên thảo luận và trả lời câu hỏi trong phần ‘Get ready’.
2. Reading: Read the newspaper article		Giáo viên giải thích từ mới. Sinh viên đọc và trả lời câu hỏi True/False. Giảng viên đưa ra đáp án.
3. Vocabulary		Sinh viên làm bài tập kết hợp và bài tập điền từ vào chỗ trống. Giảng viên kiểm tra lại và đáp án.
4. Listening: 4.1. Choose the correct answers.		Sinh viên nghe và chọn câu trả lời đúng. Giảng viên đưa ra đáp án.
4.2. Complete the conversation.		Sinh viên nghe và điền từ vào chỗ trống. Giảng viên đưa ra đáp án.
5. Speaking: Act out the roles of an accountant and a sales manager about his/her suggestions about sales.		Sinh viên đóng vai nhân viên kế toán và giám đốc kinh doanh về đề nghị kinh doanh.
6. Writing: Write a summary on how supply, demand and prices affected the auto industry.		Sinh viên sử dụng các thông tin trong bài đọc để viết nguồn cung, cầu và giá tác động đến ngành công nghiệp xe hơi.
Unit 16: Balance sheets	2	
1. Get ready!		Sinh viên thảo luận và trả lời câu hỏi trong phần ‘Get ready’.

2. Reading: Read the email and balance sheet		Giáo viên giải thích từ mới. Sinh viên đọc và trả lời câu hỏi True/False. Giảng viên đưa ra đáp án.
3. Vocabulary		Sinh viên làm bài tập kết hợp và bài tập điền từ vào chỗ trống. Giảng viên kiểm tra lại và đáp án.
4. Listening: 4.1. Choose the correct answers.		Sinh viên nghe và chọn câu trả lời đúng. Giảng viên đưa ra đáp án.
4.2. Complete the conversation.		Sinh viên nghe và điền từ vào chỗ trống. Giảng viên đưa ra đáp án.
5. Speaking: Act out the roles of a CPA and a business owner about the balance sheet and quick ratio.		Sinh viên đóng vai nhân viên CPA và chủ doanh nghiệp về bảng cân đối và tỉ suất thanh khoản.
6. Writing: Explain a balance sheet.		Sinh viên sử dụng các thông tin trong bài đọc để giải thích bảng cân đối.
Unit 17: Profit and loss accounts	2	
1. Get ready!		Sinh viên thảo luận và trả lời câu hỏi trong phần 'Get ready'.
2. Reading: Read the letter and P&L accounts		Giáo viên giải thích từ mới. Sinh viên đọc và chọn câu trả lời đúng. Giảng viên đưa ra đáp án.
3. Vocabulary		Sinh viên làm bài tập kết hợp và bài tập điền từ vào chỗ trống. Giảng viên kiểm tra lại và đáp án.
4. Listening: 4.1. Listen and decide True/False.		Sinh viên nghe và chọn câu trả lời đúng hay sai. Giảng viên đưa ra đáp án.
4.2. Complete the conversation.		Sinh viên nghe và điền từ vào chỗ trống. Giảng viên đưa ra đáp án.
5. Speaking: Act out the roles of a business owner and a manager about improving profitability.		Sinh viên đóng vai chủ doanh nghiệp và giám đốc về việc cải thiện khả năng sinh lời.
6. Writing: Summarize a P&L statement.		Sinh viên sử dụng các thông tin trong bài đọc để tóm tắt báo cáo lời&lỗ.
Unit 18: International organizations	2	
1. Get ready!		Sinh viên thảo luận và trả lời câu hỏi trong phần 'Get ready'.
2. Reading: Read the page from a business textbook		Giáo viên giải thích từ mới. Sinh viên đọc và điền từ vào chỗ

		trống. Giảng viên đưa ra đáp án.
3. Vocabulary		Sinh viên làm bài tập kết hợp và bài tập điền từ vào chỗ trống. Giảng viên kiểm tra lại và đáp án.
4. Listening: 4.1. Listen and decide True/False.		Sinh viên nghe và chọn câu trả lời đúng hay sai. Giảng viên đưa ra đáp án.
5. Speaking: Act out the roles of a professor and a student about two international organizations..		Sinh viên đóng vai giáo sư và sinh viên về hai tổ chức tài chính quốc tế.
6. Writing: Write a brief comparison between two international organizations.		Sinh viên sử dụng các thông tin trong bài đọc để so sánh hai tổ chức tài chính quốc tế.
Unit 19: Economic indicators	2	
1. Get ready!		Sinh viên thảo luận và trả lời câu hỏi trong phần 'Get ready'.
2. Reading: Read the article from a financial journal.		Giáo viên giải thích từ mới. Sinh viên đọc và chọn câu trả lời đúng. Giảng viên đưa ra đáp án.
3. Vocabulary		Sinh viên làm bài tập kết hợp và bài tập điền từ vào chỗ trống. Giảng viên kiểm tra lại và đáp án.
4. Listening: 4.1. Listen and decide True/False.		Sinh viên nghe và chọn câu trả lời đúng hay sai. Giảng viên đưa ra đáp án.
5. Speaking: Act out the roles of a financial advisor and an investor about some recommendations.		Sinh viên đóng vai nhân viên tư vấn và nhà đầu tư về một số kiến nghị.
6. Writing: Write a letter recommending investments to a client.		Sinh viên sử dụng các thông tin trong bài đọc để viết thư đề xuất một số hình thức đầu tư cho khách hàng.
Unit 20: Economic stability	2	
1. Get ready!		Sinh viên thảo luận và trả lời câu hỏi trong phần 'Get ready'.
2. Reading: Read the magazine article.		Giáo viên giải thích từ mới. Sinh viên đọc và chọn câu trả lời đúng. Giảng viên đưa ra đáp án.
3. Vocabulary		Sinh viên làm bài tập kết hợp và bài tập điền từ vào chỗ trống. Giảng viên kiểm tra lại và đáp án.
4. Listening: 4.1. Listen and decide True/False.		Sinh viên nghe và chọn câu trả lời đúng hay sai. Giảng viên đưa ra đáp án.

5. Speaking: Act out the roles of two accountants about a financial article.		Sinh viên đóng vai hai nhân viên kế toán về bài báo tài chính.
6. Writing: Write an article on economic stability.		Sinh viên sử dụng các thông tin trong bài đọc để viết bài báo về tính ổn định kinh tế của một quốc gia.
Review and Mini-test 2	3	

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

- Virginia Evan, Jenny Dooley and Ketan C. Patel (2014), *Career Paths: Finance*, 3rded., Express Publishing.
- Virginia Evan and Ken Gilmore (2014), *Career Paths: Banking*, 2nded., Express Publishing.

6.2. Tài liệu khác

- Raymond Murphy, *English Grammar in Use*, 3rd ed., Cambridge University Press.
- Jonathan Marks (2007), *Check your English vocabulary for banking and finance*, 2nded., A&C Black Publisher Ltd.
- Các nguồn tham khảo trên mạng về tài chính và ngân hàng.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 2

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

HỌC PHẦN
KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Kế toán tài chính
- Mã học phần: 842301
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0 ; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Nguyên lý kế toán (867002)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán

3. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho người học hiểu các nguyên tắc, phương pháp kế toán để từ đó người học thực hiện các kỹ thuật xử lý nghiệp vụ kinh tế phát sinh ở những phần hành kế toán cơ bản của một đơn vị kế toán. Thông qua đó từng bước hình thành đạo đức nghề nghiệp cho người học. Sau khi học xong, người học có thể tự thực hiện được một số công việc của kế toán.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

Người học hiểu, biết các nguyên tắc hạch toán, phương pháp kế toán áp dụng trong việc tính giá, ghi nhận... của các đối tượng kế toán (vốn bằng tiền, phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, nợ phải trả); của chênh lệch tỷ giá hối đoái; của việc tổng hợp chi phí sản xuất, tính giá thành và việc tiêu thụ sản phẩm trong đơn vị kế toán. Biết và hiểu về nội dung báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

4.2. Về kỹ năng

- Tính giá các đối tượng kế toán. Cách xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái.
- Định khoản các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh ở các phần hành cơ bản của một đơn vị kế toán
- Tính toán, tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cho doanh nghiệp sản xuất.
- Xác định kết quả kinh doanh trong kỳ của đơn vị kế toán

- Lập, và đọc được hệ thống báo cáo tài chính của đơn vị kế toán.

4.3. Về thái độ

Người học rèn được tính cẩn thận, tính chính trực, khách quan, bảo mật thông tin, có ý thức chấp hành các quy định của Nhà nước về công tác kế toán.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu, phải trả	10	Phương pháp dạy – học: diễn giải và đàm thoại. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Trắc nghiệm và tự luận
1.1. Kế toán vốn bằng tiền		
1.1.1. Những vấn đề chung		
1.1.2. Kế toán tiền là đồng Việt Nam, vàng tiền tệ		
1.1.3. Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái		
1.2. Kế toán các khoản phải thu		
1.3. Kế toán các khoản nợ phải trả		
Chương 2. Kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ	5	Phương pháp dạy – học: diễn giải và đàm thoại. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Trắc nghiệm và tự luận
2.1. Kế toán nguyên vật liệu		
2.1.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại		
2.1.2. Tính giá nguyên vật liệu		
2.1.3. Nguyên tắc kế toán nguyên vật liệu		
2.1.4. Chứng từ, tài khoản sử dụng		
2.1.5. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu		
2.1.6. Phương pháp kế toán		
2.2. Kế toán công cụ dụng cụ		
2.2.1. Khái niệm		
2.2.2. Tính giá công cụ dụng cụ		
2.2.3. Nguyên tắc kế toán công cụ dụng cụ		
2.2.4. Chứng từ và tài khoản sử dụng		
2.2.5. Phương pháp kế toán		
2.3. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
2.3.1. Khái niệm		
2.3.2. Nguyên tắc dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
2.3.3. Tài khoản sử dụng		
2.3.4. Phương pháp kế toán		
Chương 3: Kế toán tài sản cố định	8	Phương pháp dạy – học: diễn giải và đàm thoại. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Trắc nghiệm và tự luận
3.1. Tổng quan về tài sản cố định		
3.1.1. Khái niệm, phân loại, tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ		
3.1.2. Xác định giá trị TSCĐ		
3.2. Kế toán tăng tài sản cố định		
3.2.1. Các nguyên nhân tăng TSCĐ		
3.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng		
3.2.3. Phương pháp kế toán		
3.3. Kế toán giảm tài sản cố định		

3.3.1. Các nguyên nhân giảm TSCĐ		
3.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng		
3.3.3. Phương pháp kế toán		
3.4. Kế toán khấu hao TSCĐ		
3.4.1. Nguyên tắc, phương pháp tính khấu hao		
3.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng		
3.4.3. Phương pháp kế toán		
3.5. Kế toán sửa chữa TSCĐ		
3.5.1. Kế toán sửa chữa thường xuyên TSCĐ		
3.5.2. Kế toán sửa chữa lớn TSCĐ		
Chương 4: Kế toán hoạt động sản xuất	10	Phương pháp dạy – học: diễn giải và đàm thoại. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Trắc nghiệm và tự luận
4.1. Vấn đề chung		
4.2. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp		
4.2.1. Nội dung		
4.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng		
4.2.3. Phương pháp kế toán		
4.3. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp		
4.3.1. Nội dung		
4.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng		
4.3.3. Phương pháp kế toán		
4.4. Kế toán chi phí sản xuất chung		
4.4.1. Nội dung		
4.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng		
4.4.3. Phương pháp kế toán		
4.5. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành		
4.5.1. Kế toán tổng hợp CPSX		
4.5.2. Kế toán tính giá thành		
Chương 5: Kế toán tiêu thụ thành phẩm và xác định kết quả kinh doanh	7	Phương pháp dạy – học: diễn giải và đàm thoại. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Trắc nghiệm và tự luận
5.1. Kế toán thành phẩm		
5.1.1. Khái niệm		
5.1.2. Nguyên tắc hạch toán		
5.1.3. Chứng từ và tài khoản sử dụng		
5.1.4. Phương pháp kế toán		
5.2. Kế toán tiêu thụ thành phẩm		
5.2.1. Nội dung		
5.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng		
5.2.3. Phương pháp kế toán		
5.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu		
5.3.1. Nội dung		
5.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng		
5.3.3. Phương pháp kế toán		
5.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh		
5.4.1. Nội dung		
5.4.2. Tài khoản sử dụng		
5.4.3. Phương pháp kế toán		

Chương 6: Hệ thống báo cáo tài chính trong doanh nghiệp	5	Phương pháp dạy – học: diễn giải và đàm thoại.
6.1. Quy định chung		
6.2. Hệ thống báo cáo tài chính trong doanh nghiệp		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Trắc nghiệm và tự luận
6.2.1. Bảng cân đối kế toán		
6.2.2. Báo cáo kết quả kinh doanh		
6.2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
6.2.4. Thuyết minh báo cáo tài chính		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1. Nguyễn Xuân Hưng và các cộng sự (2015), *Giáo trình Kế toán tài chính – Quyển 1*, NXB Kinh tế Tp. HCM, TP. HCM.
2. Nguyễn Thị Kim Cúc và các cộng sự (2015), *Giáo trình Kế toán tài chính – Quyển 2*, NXB Kinh tế Tp. HCM, TP. HCM.
3. Đặng Ngọc Vàng và các cộng sự (2015), *Giáo trình Kế toán tài chính – Quyển 3*, NXB Kinh tế Tp. HCM, TP. HCM.

6.2. Tài liệu khác:

4. Bộ Tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp – Quyển 1*, NXB Tài chính, Hà Nội.
5. Bộ Tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp – Quyển 2*, NXB Tài chính, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01 bài.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm và tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

HỌC PHẦN
TÀI CHÍNH CÔNG

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tài chính công
- Mã học phần: 832113
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Lý thuyết tài chính tiền tệ (832107)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: không
- + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính – Ngân hàng

3. Mô tả học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính công, các chương trình về đầu tư của khu vực công. Từ đó sinh viên hiểu được bản chất của ngân sách nhà nước, phân cấp ngân sách và cân đối thu, chi ngân sách nhà nước.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức:

Hiểu được nội dung của ngân sách nhà nước, phân cấp ngân sách, chu trình ngân sách: lập, chấp hành và quyết toán ngân sách

Hiểu được bản chất và quy trình đầu tư công, tác động của đầu tư công đến kinh tế xã hội

Nắm được bản chất và tác động của nợ công, quản lý nợ công của chính phủ và các giải pháp phù hợp cho nợ công

Hiểu được đặc điểm của tín dụng nhà nước, tác dụng của chính phủ nhà nước trong đầu tư công và các giải pháp phát huy vai trò của nợ công

4.2. Về kĩ năng:

Hiểu và vận dụng được lập dự toán thu chi ngân sách nhà nước theo nội dung mục lục ngân sách nhà nước

Hiểu được phân cấp ngân sách, vận dụng trong việc phân định nguồn thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp

Phân loại được nội dung của nhiệm vụ chi kinh tế xã hội, các chi tiêu công đầu tư xây dựng cơ bản.

4.3. Về thái độ: Tích cực tìm hiểu tài liệu, làm bài tập, chuẩn bị bài trước khi đến lớp, nghiên cứu các văn bản của nhà nước liên quan đến quản lý tài chính công.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: Tổng quan Tài chính công	7	Diễn giảng, ôn tập vai trò Chính phủ trong nền kinh tế (Kinh tế học vĩ mô); hàng hóa công; Hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu: vai trò của Bộ Tài chính trong hệ thống NSNN Việt Nam
1.1. Tài chính công và các bộ phận hợp thành tài chính công		
1.1.1. Hiệu quả thị trường và thất bại thị trường		
1.1.2. Vai trò khu vực Công trong nền kinh tế - xã hội		
1.2. Ngân sách Nhà nước		
1.2.1. Khái niệm		
1.2.2. Bản chất		
1.2.3. Đặc điểm		
1.2.4. Vai trò		
1.3. Nguyên tắc xây dựng NSNN		
1.4. Hệ thống NSNN		
1.5. Tổ chức hệ thống NSNN Việt Nam		
1.6. Chu trình NSNN		
Chương 2: Phân cấp Ngân sách nhà nước	8	Diễn giảng, đưa tình huống Sinh viên tự nghiên cứu Đọc trước tài liệu chỉ định; Tài trợ ngân sách từ ngân sách cấp trên
2.1. Hình thức phân cấp ngân sách		
2.2. Nguyên tắc và nội dung phân cấp ngân sách		
2.3. Phân định thu chi NSNN		
2.4. Phân cấp NS một số nước trên thế giới và so sánh với phân cấp NS ở Việt Nam		
2.5. Mục lục ngân sách		
Chương 3: Hệ thống thu, chi Ngân sách nhà nước	8	Diễn giảng và giải thích cho sinh viên hiểu: hệ thống các khoản thu, chi của NSNN
3.1. Hệ thống thu Ngân sách nhà nước		
3.1.1. Khái niệm và vai trò của thu NSNN		
3.1.2. Hệ thống thuế		
3.1.3. Hệ thống thu ngoài thuế		
3.2. Hệ thống chi Ngân sách nhà nước		
3.2.1. Nội dung và vai trò của chi NSNN		
3.2.2. Tổ chức chi NSNN		
3.2.3. Chi đầu tư phát triển		
3.2.4. Chi thường xuyên		
Chương 4: Chương trình đầu tư công	8	Diễn giảng và hướng Sinh viên tự nghiên cứu: Đọc trước tài liệu chỉ định; Phân bổ chi phí đầu tư – Căn cứ, định mức chi đầu tư; Chương trình mục tiêu quốc gia – Chi tiết chi từ NSNN (website Bộ Tài Chính)
4.1. Khái niệm và phân cấp đầu tư công		
4.2. Vai trò của đầu tư công trong nền kinh tế xã hội		
4.3. Lĩnh vực đầu tư trong đầu tư công		
4.4. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển từ NSNN		
Chương 5: Cân đối NSNN và nợ công của Chính phủ	7	Diễn giảng và hướng Sinh viên tự nghiên cứu: Đọc trước tài liệu luật nợ công chính phủ
5.1. Cân đối NSNN		
5.2. Bội chi NSNN		

5.3. Vay nợ của Chính phủ		
Chương 6: Tín dụng Nhà nước	7	
6.1. Đặc điểm và nội dung tín dụng nhà nước		Diễn giảng và hướng dẫn Sinh viên tự nghiên cứu: đọc trước tài liệu chỉ định; các gói sản phẩm 3 định chế tài chính cho vay của Nhà nước cung cấp;
6.1.1. Đặc điểm của tín dụng NN		
6.1.2. Vai trò của TDNN		
6.1.3. Một số hình thức tín dụng trong nước thông qua phát hành các giấy tờ có giá		
6.1.4. Vay nợ nước ngoài		
6.2. Các định chế tài chính cho vay của nhà nước		

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu chính:

1. Dương Thị Bình Minh (2015), *Tài chính công*, NXB Tài chính.

6.2. Tài liệu khác:

2. Nguyễn Ngọc Hùng (2015), *Quản lý NSNN*, Nhà xuất bản Thống kê.
3. *Luật NSNN năm 2015*.
4. Sử Đình Thành (2015), *Lý thuyết tài chính công*, NXB ĐH quốc gia Tp.Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Thuận (2014), *Kinh tế công cộng*, NXB Thống kê.
6. Lê Chi Mai (2006), *Phân cấp ngân sách cho chính quyền địa phương, thực trạng và giải pháp*, NXB Chính trị quốc gia.
7. Dương Thị Bình Minh(2005), *Quản lý chi tiêu công ở Việt Nam, thực trạng và giải pháp*, NXB Tài chính.
8. *Phân cấp ở Đông Á*, Ngân hàng Thế giới.
9. *Báo cáo Phát triển Việt Nam 2012, 2013, 2014, 2015* Ngân hàng Thế giới.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kì

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS. TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

ThS. Nguyễn Ngọc Đức

HỌC PHẦN
THUẾ

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Thuế
- Mã học phần: 832026
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: không
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính – Ngân hàng

3. Mô tả học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công cụ thuế để thu ngân sách nhà nước, hiểu được vai trò của thuế trong nền kinh tế quốc dân. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những nội dung nền tảng về các sắc thuế phổ biến tại các doanh nghiệp để sinh viên vận dụng vào việc quản lý thuế của các cơ quan thuế và việc chấp hành nghĩa vụ thuế từ các đối tượng nộp thuế.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính sách thuế, các phương pháp tính thuế cũng như cách thức thu nộp.

4.2. Về kỹ năng:

Tính được số thuế phải nộp: Thuế TNCN, thuế GTGT, thuế XNK, thuế TNDN và các loại thuế khác.

4.3. Về thái độ: Sinh viên có thái độ tuân thủ pháp luật về thuế.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: Tổng quan về thuế	4	Giảng viên trình bày, diễn giải và đặt câu hỏi cho sinh viên nghiên cứu trong lớp, trao đổi kiến
1.1. Khái niệm về thuế		
1.1.1. Khái niệm		
1.1.2. Đặc điểm của thuế		

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
1.2. Chức năng của thuế		thức với giảng viên và các bạn trong lớp học; Hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu: Đọc trước tài liệu chỉ định
1.2.1. Chức năng huy động tập trung nguồn lực tài chính		
1.2.2. Chức năng điều tiết vĩ mô nền kinh tế của thuế		
1.3. Tính chất của thuế		
1.3.1 Công bằng		
1.3.2 Hiệu quả		
1.3.3 Chính xác		
1.3.4 Thuận tiện		
1.4 Phân loại thuế		
1.4.1 Dựa theo phương thức thu		
1.4.2 Dựa vào cơ sở tính thuế		
1.4.3 Dựa vào phạm vi điều chỉnh của thuế		
1.4.5 Cách phân loại khác		
1.5. Các yếu tố cấu thành một hệ thống sắc thuế		
1.5.1 Đối tượng nộp thuế		
1.5.2 Đối tượng chịu thuế		
1.5.3 Thuế suất		
1.5.4 Miễn, giảm thuế		
1.6 Vai trò của thuế trong nền kinh tế thị trường		
1.6.1 Công cụ chủ yếu tập trung nguồn thu cho NSNN		
1.6.2 Công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế của Nhà nước		
1.6.3 Công cụ điều hoà thu nhập, thực hiện công bằng xã hội trong phân phối		
1.6.4 Công cụ để thực hiện kiểm tra, kiểm soát các hoạt động SXKD		
1.7 Hệ thống thuế hiện nay ở Việt Nam		
Chương 2: Thuế xuất nhập khẩu	7	
2.1 Khái niệm		
2.2 Đối tượng nộp thuế		
2.3 Đối tượng chịu thuế		
2.3 Đối tượng không chịu thuế		
2.5 Phương pháp tính thuế		
2.6 Hoàn thuế		
2.7 kê khai và nộp thuế.		
Chương 3: Thuế tiêu thụ đặc biệt	7	
3.1 Khái niệm		
3.2 Đối tượng nộp thuế		
3.3 Đối tượng chịu thuế		
3.3.1 Hàng hoá		
3.3.2 Dịch vụ		
3.4 Đối tượng không chịu thuế		
3.5 Phương pháp tính thuế		
3.5.1 Đối với hàng hoá sản xuất trong nước		

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
3.5.2 Đối với dịch vụ		
3.5.3 Đối với hàng hoá nhập khẩu		
3.6 Thuế suất		
3.7 Khấu trừ thuế		
3.8 Hoàn thuế.		
Chương 4: Thuế giá trị gia tăng.	8	
4.1 Khái niệm		
4.2 Đối tượng nộp thuế		
4.3 Đối tượng chịu thuế		
4.4 Đối tượng không chịu thuế		
4.5 Căn cứ tính thuế		
4.6 Thuế suất		
4.7 Phương pháp tính thuế GTGT		
4.7.1 Phương pháp khấu trừ		
4.7.2 Phương pháp trực tiếp		
4.7.2.1 Phương pháp trực tiếp trên GTGT		
4.7.2.2 Phương pháp trực tiếp trên doanh thu		
4.8 Phương pháp tính thuế GTGT đối với hàng nhập khẩu		
4.9 Hoàn thuế GTGT		
Chương 5: Thuế thu nhập doanh nghiệp.	8	
5.1 Khái niệm		
5.2 Đối tượng nộp thuế		
5.3 Đối tượng được miễn nộp thuế		
5.4 Phương pháp tính thuế		
5.5 Thời điểm xác định doanh thu tính thuế		
5.5.1 Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế		
5.5.2 Thời điểm xác định		
5.5.3 Kỳ tính thuế TNDN		
5.6 Các khoản chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế		
5.6.1 Nguyên tắc xác định các khoản chi được trừ		
5.6.2 Các khoản chi không được trừ khi tính thu nhập chịu thuế		
5.7 Thu nhập khác phải chịu thuế		
5.8 Thu nhập được miễn thuế		
5.9 Lỗ được kết chuyển		
5.10 Quỹ phát triển khoa học		
5.11 Thuế suất		
5.12 Ưu đãi thuế		
Chương 6: Thuế thu nhập cá nhân.	7	
6.1 Khái niệm		
6.2 Đối tượng nộp thuế		
6.2.1 Người Việt Nam		

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
6.2.2 Người Nước ngoài		
6.3 Các khoản thu nhập chịu thuế TNCN đối với cá nhân cư trú		
6.3.1 Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
6.3.2 Thu nhập từ tiền lương tiền công		
6.3.3 Thu nhập từ đầu tư vốn		
6.3.4 Thu nhập chuyển nhượng vốn		
6.3.5 Thu nhập chuyển nhượng bất động sản		
6.3.6 Thu nhập từ trúng thưởng xổ số, khuyến mại,...		
6.3.7 Thu nhập từ bản quyền		
6.3.8 Thu nhập từ nhượng quyền		
6.3.9 Thu nhập từ thừa kế		
6.3.10 Thu nhập từ quà tặng		
6.4 Các khoản thu nhập được miễn thuế		
6.5 Thuế TNCN đối với cá nhân không cư trú		
6.6 Giảm thuế		
6.7 Hoàn thuế		
Chương 7: Các loại thuế khác.	4	
7.1 Khái niệm		
7.2 Đối tượng nộp thuế		
7.3 Căn cứ tính thuế		
7.3.1 Đối với tổ chức kinh doanh		
7.3.2 Đối với hộ kinh doanh cá thể		
7.4 Thời hạn nộp thuế		
7.5 Các loại thuế khác		

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu chính:

1. PGS.TS Đỗ Đức Minh (2015), *Giáo trình Lý thuyết thuế*, NXB Tài chính.

6.2. Tài liệu khác:

2. TS. Nguyễn Thanh Sơn, TS. Nguyễn Văn Nông (2010), *Giáo trình thuế*, NXB Lao động Xã hội.
3. Bài giảng của giảng viên.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kì

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần:

hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3
 - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS. TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

ThS. Nguyễn Ngọc Đức

HỌC PHẦN
THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Thẩm định tín dụng
- Mã học phần: 842055
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (832061) và Tài chính doanh nghiệp 1 (832058)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính – Ngân hàng

3. Mô tả học phần: Trang bị kiến thức và kỹ năng về quy trình tín dụng và thẩm định tín dụng của ngân hàng thương mại. Sau khi học xong, sinh viên có khả năng thẩm định cấp tín dụng cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp, nhận biết và quản lý rủi ro tín dụng.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Cung cấp các kiến thức cơ bản và kỹ thuật thẩm định về tư cách pháp lý, năng lực tài chính, phương án sử dụng vốn và dự án đầu tư, tài sản đảm bảo là cơ sở đề xuất quyết định tín dụng một cách hợp lý nhằm hạn chế rủi ro tín dụng.

4.2. Về kỹ năng: Trang bị kỹ năng nhận biết các khâu trong quy trình tín dụng, kỹ năng thẩm định tín dụng đối với khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp, vận dụng tốt các văn bản pháp lý trong việc thẩm định và đề xuất tín dụng, nhận biết rủi ro tín dụng và đề xuất các biện pháp quản lý rủi ro.

4.3. Về thái độ: Nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu, đòi hỏi ý thức thận trọng, chính xác và linh hoạt trong việc thẩm định các tình huống tín dụng.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	6	
1.1 Những vấn đề chung về tín dụng ngân hàng		

1.2 Các nguyên tắc cơ bản về việc cấp tín dụng		
1.3 Chất lượng tín dụng		
1.3.1 Khái niệm		
1.3.2 Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng tín dụng		
1.4 Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý tín dụng		
1.5 Văn bản pháp lý liên quan đến hoạt động tín dụng tại Việt Nam		
CHƯƠNG 2: QUY TRÌNH TÍN DỤNG VÀ THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG	6	
2.1 Khái niệm quy trình tín dụng và thẩm định tín dụng		
2.2 Quy trình tín dụng tổng quát		
2.2.1 Hướng dẫn khách hàng và tiếp nhận hồ sơ		
2.2.2 Thẩm định tín dụng		
2.2.3 Quyết định tín dụng		
2.2.4 Giải ngân		
2.2.5 Kiểm tra, thu nợ, tất toán khoản vay		
2.3 Quy trình thẩm định tín dụng		
2.3.1 Tiếp nhận hồ sơ xin cấp tín dụng		
2.3.2 Kiểm tra hồ sơ và thu thập thông tin		
2.3.3 Thẩm định tín dụng		
2.3.4 Lập tờ trình thẩm định		
2.3.5 Xét duyệt cấp tín dụng		
Chương 3: THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN	6	
3.1 Thẩm định tư cách pháp lý		
3.2 Thẩm định phương án vay vốn		
3.3 Thẩm định khả năng trả nợ		
3.4 Thẩm định tài sản đảm bảo		
CHƯƠNG 4: THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP	12	
4.1 Thẩm định thông tin phi tài chính		
4.1.1 Năng lực về pháp lý của doanh nghiệp		
4.1.2 Cơ cấu tổ chức, năng lực quản lý điều hành và uy tín trong hoạt động của doanh nghiệp		
4.1.3 Môi trường kinh tế vĩ mô và lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp		
4.1.4 Thị trường đầu vào, đầu ra, khả năng cạnh tranh và vị thế của doanh nghiệp trong ngành		
4.2 Thẩm định tình hình tài chính		
4.2.1 Tình hình sản xuất kinh doanh trong quá khứ, hiện tại và tương lai		
4.2.2 Kiểm tra mức độ tin cậy của các báo cáo tài		

- Hình thức tổ chức dạy học trên lớp, giảng viên đặt câu hỏi theo nhóm và cá nhân.
- Phương pháp thuyết trình, và thực hành thẩm định tình huống tín dụng cụ thể.
- Phương pháp kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ bằng hình thức tự luận, không sử dụng tài liệu.

chính		
4.2.3 Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp		
4.3 Thẩm định phương án/dự án vay vốn		
4.3.1 Thẩm định phương án vay vốn ngắn hạn		
4.3.2 Thẩm định dự án vay vốn trung dài hạn		
CHƯƠNG 5: THẨM ĐỊNH BẢO ĐẢM TÍN DỤNG		
5.1 Khái niệm và vai trò của bảo đảm tín dụng	9	
5.2 Các hình thức bảo đảm tín dụng		
5.3 Thẩm định tài sản đảm bảo		
5.3.1 Thẩm định tính pháp lý của tài sản đảm bảo		
5.3.2 Tính thanh khoản và khả năng kiểm soát tài sản đảm bảo của ngân hàng		
5.3.3 Thẩm định giá trị tài sản đảm bảo		
5.4 Văn bản pháp lý liên quan đến bảo đảm tín dụng tại Việt Nam		
CHƯƠNG 6: LẬP TỜ TRÌNH THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG	6	
6.1 Khái niệm, mục đích và kết cấu của tờ trình thẩm định tín dụng		
6.2 Những nội dung cơ bản của tờ trình thẩm định tín dụng		
6.2.1 Giới thiệu về khách hàng và nhu cầu vay vốn của khách hàng		
6.2.2 Thẩm định khách hàng		
6.2.3 Thẩm định nhu cầu của khách hàng		
6.2.4 Thẩm định điều kiện cấp hạn mức tín dụng		
6.2.5 Nhận xét và đề xuất		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Trầm Thị Xuân Hương, Vũ Thị Lệ Giang (chủ biên) và nhóm tập thể tác giả (2013), *Giáo trình thẩm định tín dụng*, NXB Kinh tế TP.HCM.
2. Nguyễn Minh Kiều (2011), *Giáo trình Hướng dẫn thực hành tín dụng và thẩm định tín dụng ngân hàng thương mại*, NXB Lao động - Xã hội.

6.2. Tài liệu khác

3. Hồ Diệu (2011), *Giáo trình Tín dụng ngân hàng*, Học viện ngân hàng, NXB Thống kê.
4. Tài liệu sổ tay tín dụng của các hệ thống ngân hàng Agribank, BIDV, Vietinbank, ACB.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kỳ

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS. TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

ThS. Dương Thị Mai Phương

HỌC PHẦN
HỆ THỐNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Hệ thống thông tin tài chính
- Mã học phần: 842008
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1 (832058)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính – Ngân hàng

3. Mô tả học phần

Mục tiêu chung của môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về việc ứng dụng Excel trong việc quản trị tài chính, ứng dụng trong hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, học phần còn giúp cho sinh viên nâng cao kỹ năng ứng dụng Excel trong công tác tài chính, định giá doanh nghiệp kế toán quản trị và quản trị doanh nghiệp.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

Trang bị cho sinh viên kiến thức về việc hệ thống thông tin tài chính thông qua Excel.

4.2. Về kỹ năng

Môn học chú ý đến những vấn đề định lượng về kỹ thuật phân tích, phối hợp các phương pháp phân tích liên quan đến lĩnh vực tài chính và những bài học rút ra từ việc thực hành phân tích.

4.3. Về thái độ

Sử dụng phương pháp đối thoại. Sinh viên nghiên cứu tài liệu trước theo hướng dẫn.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ LẬP MÔ HÌNH TÀI CHÍNH	6	
1.1. Lập mô hình tài chính		

1.2. Lập mô hình tài chính trên excel		
CHƯƠNG 2. DÒNG TIỀN	6	
2.1. Cơ bản về dòng tiền		
2.2. Bài toán tính giá trị tiền tệ theo thời gian		
2.3. Xây dựng mô hình bài toán tính giá trị tiền tệ theo thời gian		
2.4. Sử dụng các hàm tài chính của Excel để tính giá trị tiền tệ theo thời gian		
CHƯƠNG 3. MÔ HÌNH TỐI ƯU HÓA ĐƠN BIẾN	4	
3.1. Giới thiệu bài toán tối ưu hóa đơn biến		
3.2. Xây dựng mô hình bài toán tối ưu hóa đơn biến trên bảng tính		
3.3. Sử dụng Excel giải bài toán tối ưu hóa đơn biến		
3.4. Bài toán tối ưu đơn biến: bài toán phân tích điểm hòa vốn		
Chương 4. Mô hình tối ưu hóa đa biến	3	
4.1. Giới thiệu bài toán tối ưu hóa tuyến tính		
4.2. Xây dựng mô hình bài toán tối ưu hóa tuyến tính trên bảng tính		
4.3. Sử dụng Excel giải bài toán tối ưu hóa tuyến tính		
CHƯƠNG 5. TRÁI PHIẾU VÀ DURATION	6	
5.1. Khái niệm về Duration		
5.2. Xác định Duration bằng công thức Macauley và công thức Excel		
5.3. Bài toán ứng dụng		
5.4. Mô hình chiến lược phòng ngừa rủi ro khi đầu tư vào trái phiếu		
CHƯƠNG 6. MÔ HÌNH DANH MỤC ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU	10	
6.1. Các đại lượng thống kê cơ bản đặc trưng cho mỗi cổ phiếu		
6.2. Mô hình danh mục mẫu với 2 cổ phiếu		
6.3. Mô hình danh mục N cổ phiếu		
CHƯƠNG 7. MÔ HÌNH ĐỊNH GIÁ CÔNG TY	10	
7.1. Bài toán		
7.2. Phương pháp mô hình chiết khấu cổ tức		
7.3. Phương pháp mô hình chiết khấu dòng tiền		
7.4. Phương pháp mô hình chiết khấu thu nhập thu nhập thặng dư thặng dư		

Đọc tài liệu trước
Nghe giải thích các khái niệm
Kiểm tra nhanh 10 phút

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Trần Ngọc Thơ, Vũ Việt Quảng (2007), *Lập mô hình tài chính*, NXB Lao động.

6.2. Tài liệu khác

2. Đỗ Thiên Anh Tuấn (2009), *Định giá các lợi ích tài chính qua các hàm tài chính Excel*.

3. Đỗ Thiên Anh Tuấn, Nguyễn Thị Thu Hà (2013), *Lập mô hình tài chính*, NXB Tài chính.

4. Bài giảng của giáo viên

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,4;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0,5

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS. TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

ThS. Nguyễn Thị Ngọc Tú

HỌC PHẦN
HỆ THỐNG THÔNG TIN NGÂN HÀNG

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Hệ thống thông tin ngân hàng
- Mã học phần: 842009
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (832061)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính - Ngân hàng

3. Mô tả học phần

Môn học “Hệ thống thông tin ngân hàng” trình bày tổng quan về hệ thống thông tin của các doanh nghiệp nói chung và ngân hàng nói riêng trong nền kinh tế, nêu bật xu hướng tất yếu trong việc trang bị các phần mềm nhằm quản trị thông tin. Cụ thể, môn học sẽ giới thiệu hệ thống Core Banking T24 – một trong những hệ thống công nghệ đang được nhiều ngân hàng Việt Nam triển khai. Bên cạnh đó, môn học còn trang bị cho sinh viên các kỹ năng về sử dụng Excel nhằm phục vụ cho công tác phân tích, thống kê và ra quyết định trong hoạt động kinh doanh thuộc lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng .

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức:

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin trong doanh nghiệp và ngân hàng.

4.2. Về kỹ năng:

Trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng Excel để giải quyết những công việc thường gặp trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

4.3. Về thái độ:

Sinh viên phải nghiêm túc và chủ động trong việc học tập - nghiên cứu. Ngoài thời gian học tại lớp, sinh viên phải tự trang bị thêm những kiến thức liên quan theo hướng dẫn của giảng viên; và thảo luận những thắc mắc (nếu có) tại lớp với giảng viên và các sinh viên khác.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: Tổng quan hệ thống thông tin	6	
1.9. Vai trò của hệ thống thông tin trong kinh doanh ngày nay		
1.9.1. Cách thức tác động của hệ thống thông tin đến kinh doanh		
1.9.2. Cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa: Thế giới phẳng		Giảng dạy lý thuyết kết hợp phân tích các tình huống thực tế liên quan đến môn học.
1.9.3. Mục tiêu kinh doanh chiến lược của hệ thống thông tin		
1.10. Khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin		
1.11. Phân loại hệ thống thông tin		
1.11.1. Hệ thống hỗ trợ hoạt động		
1.11.2. Hệ thống hỗ trợ quản trị		
1.11.3. Các hệ thống khác		
Chương 2: Tổng quan hệ thống thông tin ngân hàng	12	
2.4. Hệ thống ngân hàng trong giai đoạn hiện nay		
2.4.1. Định nghĩa và đặc điểm dịch vụ		
2.4.2. Xu hướng phát triển của hệ thống ngân hàng		Giảng dạy lý thuyết kết hợp phân tích các tình huống thực tế liên quan đến môn học.
2.5. Tổng quan về ngân hàng điện tử, dịch vụ ngân hàng điện tử		
2.5.1. Định nghĩa		
2.5.2. Các hình thái phát triển ngân hàng điện tử		
2.5.3. Các dịch vụ ngân hàng điện tử		
2.5.4. Vì sao ngân hàng điện tử đóng vai trò quan trọng		
Chương 3: Hệ thống Core Banking T24	9	
3.3. Tổng quan về core banking		
3.4. Hệ thống core banking T24		
3.4.1. Vài nét về công ty Temenos		
3.4.2. Sản phẩm core banking T24		Giảng dạy lý thuyết và sinh viên tự tìm hiểu thêm về các hình thức core banking khác.
3.4.3. Thực trạng áp dụng core banking T24		
3.5. Các bước thao tác trên T24		
3.5.1. Nhập thông tin trong menu khách hàng		
3.5.2. Nhập thông tin trên menu tài khoản		
3.5.3. Nhập thông tin trên module sản phẩm có kỳ hạn		
3.5.4. Nhập thông tin trên module giao dịch viên – giao dịch tiền mặt		
3.5.5. Nhập thông tin trên module chuyển tiền		
3.5.6. Nhập thông tin trên module quản lý séc		Giảng dạy lý thuyết.
3.5.7. Vấn tin		
3.5.8. Cảnh báo và các lỗi thường gặp		
Chương 4: Các hàm excel ứng dụng trong lĩnh vực ngân hàng	9	
4.4. Hàm FV, PV, RATE, NPER, PMT		Giảng dạy lý thuyết và sinh viên làm bài tập tại nhà. Thắc mắc (nếu có) sẽ giải đáp tại lớp (hoặc
4.5. Hàm EFFECT, NOMINAL		
4.6. Hàm khấu hao		
4.7. Hàm NPV, IRR, PP		
4.8. Ứng dụng Goal seek và Solver		

Chương 5: Phân tích mô phỏng với Crystal Ball	9	qua mail).
5.1. Tổng quan về Crystal Ball		
5.2. Phân tích độ nhạy trong Excel		
5.3. Mô phỏng Monte Carlo		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Mahmood Shah và Steve Clarke (2009), *E-Banking management: Issues, solutions and strategies*, IGI Global.
2. Ngân hàng TMCP An Bình, *Hệ thống Ngân hàng lõi (Core-banking) – Chương trình đào tạo Temenos T24 - Giới thiệu tiền gửi (SOM)*.

6.2. Tài liệu khác

3. James A. O'Brien và George M. Marakas (2010), *Management Information Systems (tenth edition)*.
4. Kenneth C. Laudon và Jane P. Laudon (2014), *Management of Information Systems – Managing the Digital Firm (thirteenth edition)*, Courier/Kendallville in The United States of America.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: Một bài kiểm tra giữa kỳ
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
 - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.4;
 - Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.5.
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS. TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

ThS. Trầm Bích Lộc

HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ DANH MỤC ĐẦU TƯ

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Quản trị danh mục đầu tư
- Mã học phần: 842109
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Phân tích và đầu tư tài chính (842054)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính – Ngân hàng

3. Mô tả học phần

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích chứng khoán và quản trị danh mục đầu tư chứng khoán. Học phần gồm có 5 nội dung chính: Những vấn đề chung về quản trị danh mục đầu tư; Rủi ro và lợi suất của danh mục đầu tư; Lý thuyết thị trường hiệu quả và mô hình đầu tư tài chính; Phân tích đầu tư chứng khoán và Đánh giá quản trị danh mục đầu tư.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức:

Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về quản trị danh mục. Sau khi học xong, sinh viên có thể thực hiện quản trị mục đầu tư các tài sản tài chính, tính toán các chỉ số tài chính, hệ số tương quan và hệ số Beta của từng chứng khoán riêng lẻ và cả danh mục đầu tư; sinh viên còn có thể vận dụng các mô hình lý thuyết về đầu tư tài chính để ra các quyết định và hình thành được danh mục tài sản tài chính an toàn và mang lại hiệu quả cao.

4.2. Về kỹ năng:

Người học có khả năng tính toán các chỉ số phân tích tài chính trong các mô hình về quản trị danh mục (có thể sử dụng excel), phân tích các danh mục đầu tư. Có kỹ năng trong việc xây dựng danh mục đầu tư hiệu quả, lập kế hoạch quản lý danh mục, đặc biệt là quản trị rủi ro. Ngoài ra, người học cũng có khả năng vận dụng các lý thuyết quản lý danh mục đầu tư chứng khoán vào tình hình thực tiễn tại Việt Nam.

4.3. Về thái độ:

Chuyên cần, tích cực tham gia trả lời câu hỏi, làm bài tập và thảo luận tại lớp. Phát triển tinh thần tự học, đọc tài liệu tham khảo, làm việc nhóm, trả lời các câu hỏi của giảng viên.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUẢN TRỊ DANH MỤC ĐẦU TƯ	5	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên trình bày slides. - Giảng viên trả lời thắc mắc của sinh viên. - Sinh viên trả lời các câu hỏi của giảng viên.
1.1 Chính sách đầu tư		
1.1.1 Khái niệm đầu tư		
1.1.2 Mục tiêu đầu tư		
1.1.3 Chính sách đầu tư		
1.1.4 Các nhà đầu tư		
1.2 Phân bổ tài sản		
1.2.1 Khái niệm		
1.2.2 Các tiêu chí phân nhóm tài sản		
1.2.4 Phân bổ tài sản chiến lược và chiến thuật		
1.2.5 Các thành phần tham gia trong quá trình phân bổ tài sản		
1.3 Quản trị danh mục đầu tư		
1.3.1 Khái niệm		
1.3.2 Các thành tố trong quản trị danh mục đầu tư		
1.3.3 Quản trị danh mục trái phiếu		
1.3.4 Quản trị danh mục cổ phiếu		
1.3.5 Quản trị danh mục hỗn hợp		
1.3.6 Quản trị rủi ro cho danh mục đầu tư		
Chương 2: RỦI RO VÀ LỢI SUẤT CỦA DANH MỤC ĐẦU TƯ	10	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên trình bày slides. - Giảng viên trả lời thắc mắc của sinh viên. - Sinh viên trả lời các câu hỏi của giảng viên.
2.1 Mức sinh lời của đầu tư		
2.1.1 Lợi suất đầu tư		
2.1.2 Lợi suất năm		
2.2 Rủi ro trong đầu tư chứng khoán		
2.2.1 Các loại rủi ro trong đầu tư chứng khoán		
2.2.2 Xác định mức bù rủi ro		
2.3 Đánh giá rủi ro và mức sinh lời kỳ vọng		
2.3.1 Mức sinh lời kỳ vọng		
2.3.2 Đo lường rủi ro bằng độ lệch chuẩn		
2.3.3 Đo lường rủi ro bằng hệ số biến động		
2.4 Lợi nhuận và rủi ro của danh mục đầu tư		
2.4.1 Lợi suất của danh mục đầu tư		
2.4.2 Rủi ro danh mục đầu tư		
Bài tập		
Chương 3: LÝ THUYẾT THỊ TRƯỜNG HIỆU QUẢ VÀ MÔ HÌNH ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN VỐN	10	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên trình bày slides. - Giảng viên trả lời thắc mắc của sinh viên.
3.1 Lý thuyết thị trường hiệu quả.		

3.1.1 Thị trường hiệu quả		<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên trả lời các câu hỏi của giảng viên. - Kiểm tra giữa kỳ
3.1.2 Các hình thái của thị trường hiệu quả		
3.1.3 Một số vận dụng của lý thuyết thị trường hiệu quả trong xây dựng chính sách đầu tư.		
3.2 Mô hình định giá tài sản vốn - CAPM (Capital Assets Pricing Model).		
3.2.1 Ý nghĩa của mô hình CAPM		
3.2.2 Những giả thuyết kinh tế cho thị trường vốn.		
3.2.3 Danh mục đầu tư thị trường (Market portfolio)		
3.2.4 Đường thị trường vốn (CML – The Capital Market Line)		
3.2.5 Đường thị trường chứng khoán (SML – Security Market Line)		
3.3 Hệ số Beta		
3.3.1 Tỷ suất sinh lời của một khoản đầu tư theo mô hình CAPM		
3.3.2 Hệ số Beta		
Bài tập		
Chương 4: PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN	15	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên trình bày slides. - Giảng viên trả lời thắc mắc của sinh viên. - Sinh viên trả lời các câu hỏi của giảng viên.
4.1 Phân tích kinh tế vĩ mô và ngành kinh tế.		
4.1.1 Phân tích vĩ mô		
4.1.2 Phân tích ngành		
4.1.3 Phân tích thị trường chứng khoán		
4.2 Phân tích tài chính công ty.		
4.2.1 Các chỉ số về khả năng thanh toán		
4.2.2 Các chỉ số về phương cách tạo vốn.		
4.2.3 Giá trị sổ sách cổ phần.		
4.2.4 Các chỉ số bảo chứng.		
4.2.5 Các chỉ số biểu hiện khả năng sinh lời của công ty.		
4.2.6 Các chỉ số doanh lợi.		
4.2.7 Các chỉ số về triển vọng phát triển công ty.		
4.2.8 Hệ số đòn bẩy		
4.3 Phân tích giá cổ phiếu.		
4.3.1 Định giá cổ phiếu theo phương pháp chiết khấu dòng tiền		
4.3.2 Phương pháp định giá tương đối.		
4.4 Phân tích kỹ thuật.		
4.4.1 Chỉ số giá chứng khoán		
4.4.2 Một số dạng thức đồ thị.		
4.5 Phân tích giá trái phiếu.		
4.5.1 Lợi tức và rủi ro của đầu tư trái phiếu.		
4.5.2 Định giá trái phiếu		
Bài tập		
Chương 5: ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ DANH MỤC ĐẦU TƯ	5	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên trình bày slides. - Giảng viên trả lời thắc mắc

5.1 Những yêu cầu đặt ra đối với nhà quản lý danh mục đầu tư.		của sinh viên. - Sinh viên trả lời các câu hỏi của giảng viên.
5.2 Đánh giá kết quả quản lý danh mục đầu tư hỗn hợp.		
5.2.1 Phương pháp Treynor		
5.2.2 Phương pháp Sharpe		
5.2.3 Phương pháp Jensen		
Bài tập		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. PGS.TS Bùi Kim Yên (2011), *Phân tích chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư*, Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM.

6.2. Tài liệu khác

2. UBCK Nhà nước, *Giáo trình Quản trị danh mục đầu tư*.

3. Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, website: www.ssc.gov.vn

4. Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM, website: www.hsx.vn

5. Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, website: www.hnx.vn

6. Công ty CP VCCorp, website: cafef.vn

7. Công ty CP TVĐT Cây Cầu Vàng, website: www.cophieu68.vn

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): một lần kiểm tra giữa kì và bài tập nhóm.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS. TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

TS. Võ Đức Toàn

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NGÀNH: TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

HỌC PHẦN QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Quản trị ngân hàng thương mại
- Mã học phần: 842061
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (832061)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành:
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy

Bộ môn Tài chính ngân hàng, Khoa Tài chính – Kế toán.

3. Mô tả học phần

Trang bị cho Học viên những kiến thức liên quan đến hoạt động quản trị ngân hàng thương mại. Sau khi kết thúc môn học học viên xây dựng được kế hoạch quản trị rủi ro thanh khoản, tín dụng, đầu tư, rủi ro lãi suất, quản trị tối ưu nguồn vốn và tài sản, cũng như các giải pháp để quản lý ngân hàng đạt hiệu quả cao.

Trang bị kỹ năng xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Các kỹ năng liên quan đến việc vận dụng các lý thuyết quản trị ngân hàng hiện đại vào tình hình thực tiễn.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

Trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến hoạt động quản trị ngân hàng thương mại. Sau khi kết thúc môn học, sinh viên có thể đọc và hiểu bảng báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại, có khả năng tính toán các chỉ số phân tích về tình hình hoạt động của ngân hàng; từ đó, kết hợp các các lý thuyết về quản trị rủi ro thanh khoản, tín dụng, đầu tư, rủi ro lãi suất, quản trị tối ưu nguồn vốn và tài sản. Ngoài ra, môn học cũng trang bị lý thuyết cơ bản về quản trị tổng quát để tham mưu trong việc xây dựng chiến lược, kế hoạch hoạt động cũng như các giải pháp để quản lý ngân hàng đạt hiệu quả cao.

4.2. Về kỹ năng

Trang bị kỹ năng đọc, hiểu, tính toán các chỉ số phân tích tài chính và hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Các kỹ năng liên quan đến việc vận dụng các lý thuyết quản trị ngân hàng hiện đại vào tình hình thực tiễn của Việt Nam.

4.3. Về thái độ

Chuyên cần, kỷ luật đi học đúng giờ, tích cực tham gia thảo luận tại lớp, thảo luận và hoàn thành bài tập nhóm. Ngoài ra sinh viên được yêu cầu luôn tăng cường việc tự học thông qua đọc tài liệu tham khảo và trả lời các câu hỏi và bài tập về nhà của giảng viên.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Tổng quan về quản trị kinh doanh ngân hàng thương mại	9	Sinh viên nghe bài giảng của giảng viên, làm bài tập tại lớp, bài tập về nhà, thảo luận về những tình huống quản trị ngân hàng hiện nay đang áp dụng
1.1. Khái niệm ngân hàng 1.2. Bảng cân đối kế toán của NHTM 1.3. Ngân hàng_ Một trung gian tài chính 1.4. Những đặc thù trong kinh doanh ngân hàng 1.5. Vốn chủ sở hữu ngân hàng		
Chương 2. Quản trị tín dụng ngân hàng	9	
2.1. Tổng quan về tín dụng ngân hàng 2.2. Phân tích tín dụng ngân hàng 2.3. Chất lượng tín dụng ngân hàng 2.4. Những biểu hiện và các bước xử lý nợ có vấn đề		
Chương 3. Quản trị thanh khoản	6	
3.1. Các khái niệm 3.2. Cung cầu và trạng thái thanh khoản 3.3. Sự cần thiết quản lý thanh khoản 3.4. Dấu hiệu nhận biết rủi ro thanh khoản 3.5. Nguyên nhân rủi ro thanh khoản 3.6. Các phương pháp đo lường rủi ro thanh khoản 3.7. Các biện pháp quản lý thanh khoản 3.8. Chiến lược quản lý thanh khoản với tài sản nợ 3.9. Một số qui tắc quản lý thanh khoản		
Chương 4. Quản trị rủi ro lãi suất	6	Kiểm tra giữa kỳ: bài tập hoặc tiểu luận Thi cuối kỳ: Tự luận, trong thời gian 60 phút
4.1. Mô hình kỳ hạn đến hạn 4.2. Mô hình định giá lại 4.3. Mô hình thời lượng 4.4. Ứng dụng mô hình kỳ hạn vào phòng ngừa rủi ro lãi suất đối với bảng Cân đối kế toán ngân hàng thương mại 4.5. Sử dụng hợp đồng kỳ hạn trái phiếu để phòng ngừa rủi ro lãi suất		
Chương 5. Quản trị rủi ro hối đoái	9	
5.1. Trạng thái ngoại tệ và rủi ro tỷ giá		

5.2. Nguyên nhân rủi ro tỷ giá		
5.3. Đo lường và đánh giá rủi ro tỷ giá		
5.4. Phương pháp phòng ngừa rủi ro tỷ giá		
Chương 6. Quản trị vốn chủ sở hữu ngân hàng thương mại	6	
6.1. Chức năng của vốn chủ sở hữu		
6.2. Quan hệ giữa vốn và rủi ro phá sản		
6.3. Tỷ lệ an toàn vốn		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1. Nguyễn Văn Tiến, *Quản trị ngân hàng thương mại* - Nhà xuất bản thống kê, 2015;

6.2. Tài liệu khác:

2. Trương Quang Thông, *Giáo trình Quản trị ngân hàng* - Nhà xuất bản Kinh tế TP. HCM, 2012;

3. Bài giảng của Giảng viên.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): Kiểm tra 01 lần giữa kỳ.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS. TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

TS. Trương Văn Khánh

HỌC PHẦN
KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Kinh doanh xuất nhập khẩu
- Mã học phần: 842113
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần: 80
- + Đòi hỏi học phần học trước: Tiếng Anh Tài chính – Ngân hàng (842025),
Thanh toán quốc tế (832065)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy

Bộ môn Tài chính – Ngân hàng

3. Mô tả học phần

Môn học kinh doanh XNK trang bị cho sinh viên kiến thức về: Hợp đồng XNK, giao dịch - đàm phán hợp đồng XNK, tập quán thương mại quốc tế và tổ chức thực hiện hoạt động XNK. Môn học sẽ giúp sinh viên nhanh chóng thích nghi và có thể vận dụng tốt những kiến thức đã học khi làm việc trong lĩnh vực xuất nhập khẩu.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức:

Trang bị cho sinh viên kiến thức căn bản về kỹ thuật soạn thảo hợp đồng XNK, điều kiện thương mại quốc tế (INCOTERMS), tổ chức giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.

4.2. Về kỹ năng:

Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đàm phán. Đồng thời, sinh viên có thể vận dụng kiến thức về thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại hối, hoạt động của NHTM trong việc tổ chức các hoạt động về giao nhận hàng hóa XNK.

4.3. Về thái độ:

Sinh viên phải nghiêm túc trong học tập và cầu tiến, tự nghiên cứu thêm các tình huống thực tiễn liên quan đến môn học.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: Các điều kiện thương mại quốc tế	3	
1.4. Các điều kiện thương mại		- Giảng dạy lý thuyết - Minh họa bằng các tình huống thực tiễn.
1.5. Nghĩa vụ của các bên theo Incoterms		
1.6. Các biến thể của Incoterms trong thực tế		
1.6.1. Biến thể của FOB		
1.6.2. Biến thể của CFR và CIF		
1.7. Tình huống thực tế		
Chương 2: Rủi ro tỷ giá trong kinh doanh XNK	6	
2.1. Khái niệm và phân loại tỷ giá hối đoái		- Giảng dạy lý thuyết - Phân tích tình hình thực tiễn tại Việt Nam và trên thế giới
2.1.1. Khái niệm tỷ giá hối đoái		
2.1.2. Các loại tỷ giá hối đoái		
2.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái		
2.2.1. Những nhân tố khách quan		
2.2.2. Những nhân tố chủ quan		
2.3. Các loại tiền tệ sử dụng thanh toán và tín dụng		
2.4. Các biện pháp đảm bảo giá trị tiền tệ		
2.4.1. Biện pháp đảm bảo bằng vàng		
2.4.2. Biện pháp đảm bảo bằng đồng tiền mạnh		
2.4.3. Biện pháp đảm bảo theo rổ tiền tệ		
2.5. Các chế độ điều hành tỷ giá chính trên thế giới		
2.5.1. Chính sách cố định tỷ giá (neo cứng tỷ giá)		
2.5.2. Chính sách thả nổi tỷ giá		
2.5.3. Chính sách neo tỷ giá có điều chỉnh		
2.6. Thực tế điều hành tỷ giá tại Việt Nam		
Chương 3: Các hình thức giao dịch thương mại quốc tế	12	
3.1. Hình thức giao dịch trực tiếp (XNK trực tiếp)		- Giảng dạy lý thuyết - Phân tích tình hình thực tiễn tại Việt Nam và trên thế giới
3.1.1. Khái niệm		
3.1.2. Ưu nhược điểm của XNK trực tiếp		
3.1.3. Cách thức tiến hành XNK trực tiếp		
3.2. Giao dịch qua trung gian		
3.2.1. Khái niệm và phân loại		
3.2.2. Ưu nhược điểm của hình thức giao dịch qua trung gian		
3.3. Buôn bán đối lưu		
3.3.1. Khái niệm		
3.3.2. Các hình thức buôn bán đối lưu chủ yếu		
3.3.3. Các biện pháp đảm bảo thực hiện hợp đồng buôn bán đối lưu		
3.4. Giao dịch tại hội chợ và triển lãm		
3.4.1. Khái niệm về hội chợ và triển lãm		
3.4.2. Trình tự tiến hành tham gia hội chợ triển lãm ở nước ngoài		
3.4.3. Công việc chuẩn bị cho các hoạt động quảng cáo,		

mua bán tại hội chợ, triển lãm		
3.5. Hình thức gia công		
3.5.1. Khái niệm, phân loại gia công hàng hóa		
3.5.2. Hợp đồng gia công hàng hóa		
3.5.3. Ưu nhược điểm gia công hàng hóa		
3.6. Hình thức tái xuất khẩu		
3.6.1. Khái niệm		
3.6.2. Mục đích thực hiện giao dịch tái xuất khẩu		
3.6.3. Phân loại hoạt động tái xuất khẩu		
3.7. Hình thức đấu thầu quốc tế		
3.7.1. Khái niệm		
3.7.2. Cách thức tiến hành		
Chương 4: Đàm phán hợp đồng ngoại thương	15	
4.1. Những hiểu biết cơ bản về đàm phán trong ngoại thương		
4.1.1. Khái niệm, đặc điểm		
4.1.2. Nguyên tắc cơ bản trong đàm phán HĐNT		
4.1.3. Tiêu chuẩn đánh giá một cuộc đàm phán		
4.1.4. Phân loại đàm phán HĐNT		
4.2. Quá trình đàm phán HĐNT		
4.2.1. Giai đoạn chuẩn bị		
4.2.2. Giai đoạn tiếp xúc		
4.2.3. Giai đoạn đàm phán		
4.2.4. Giai đoạn kết thúc – ký kết hợp đồng		
4.2.5. Giai đoạn rút kinh nghiệm		
4.3. Hình thức thư thương mại		
4.4. Nội dung và hình thức viết các loại thư thương mại		
4.4.1. Thư hỏi hàng		
4.4.2. Thư chào hàng		
4.4.3. Thư hoàn giá		
4.4.4. Thư chấp nhận		
4.4.5. Thư đặt hàng		
4.4.6. Xác nhận (ký kết hợp đồng)		
Chương 5: Tổ chức thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu	9	
5.1. Các nhân tố tác động đến quy trình tổ chức hợp đồng XNK		
5.2. Quy trình tổ chức thực hiện hợp đồng XNK		
5.2.1. Tổ chức thực hiện hợp đồng xuất khẩu		
5.2.2. Tổ chức thực hiện hợp đồng nhập khẩu		

- Giảng dạy lý thuyết
- Phân tích tình hình thực tiễn tại Việt Nam và trên thế giới
- Sinh viên tự ôn các kiến thức về hợp đồng ngoại thương.

- Giảng dạy lý thuyết
- Phân tích tình hình thực tiễn.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Võ Thanh Thu (2011), *Kỹ thuật Kinh doanh xuất nhập khẩu*, NXB Tổng hợp TPHCM.

6.2. Tài liệu khác

2. Đoàn Thị Hồng Vân, Kim Ngọc Đạt (2011), *Quản trị xuất nhập khẩu*, NXB Tổng hợp TPHCM.

3. Nguyễn Văn Tiến (2014), *Giáo trình Thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương*, Học viện ngân hàng, NXB Thống kê.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: Một bài kiểm tra giữa kỳ

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6.

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS. TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

ThS. Trâm Bích Lộc

HỌC PHẦN
MARKETING NGÂN HÀNG**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Marketing ngân hàng
- Mã học phần: 842051
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45;0;0;0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Marketing căn bản (832301)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành:
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính – Ngân hàng

3. Mô tả học phần: Học phần sẽ được học trong vòng 45 tiết, vừa học lý thuyết, làm bài tập, thảo luận trên lớp, sử dụng ngân hàng đề thi.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Đây là môn học căn bản của sinh viên học chuyên ngành về kinh tế. Môn học này giúp cho bắt đầu tiếp cận với kiến thức về kinh tế, hiểu về thị trường, cung cầu, các nhân tố ảnh hưởng đến cung cầu, các nhân tố này ảnh hưởng đến hệ số co giãn cung cầu. Ngoài ra, khi học môn này sinh viên sẽ hiểu được quyết định mua hàng hóa hay sản xuất trong kinh doanh. Từ đó, giúp cho người học áp dụng kiến thức kinh tế trong các loại thị trường hiện nay trong thời gian ngắn hay thời gian dài.

4.2. Về kỹ năng:

Khi học môn học Kinh tế vi mô này giúp cho sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức vào trong sự lựa chọn trong cuộc sống chính bản thân và áp dụng trong hoạt động kinh doanh bản thân.

4.3. Về thái độ:

Trong môn này sinh viên cần có thái độ học tập nghiêm túc vì đây là môn học giúp cho sinh viên hiểu và vận dụng rất nhiều kiến thức trong nền kinh tế.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: Marketing trong kinh doanh ngân hàng 1.1. Giới thiệu về sự phát triển của dịch vụ trong kinh tế thị trường và bản chất của dịch vụ 1.1.1. Các loại hình dịch vụ ngân hàng 1.1.2. Khái niệm và bản chất của dịch vụ 1.2. Chiến lược sản phẩm dịch vụ ngân hàng 1.3. Giới thiệu về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng 1.4. Marketing ngân hàng	5	Giáo viên thuyết giảng, sinh viên tự học
Chương 2: Khách hàng của ngân hàng 2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu dịch vụ ngân hàng 2.1.1. Điều gì khiến khách hàng ảnh hưởng đến hành vi mua 2.1.2. Bản chất của Marketing ngân hàng 2.2. Môi trường Marketing của dịch vụ ngân hàng và hành vi khách hàng 2.2.1. Môi trường marketing của dịch vụ ngân hàng 2.2.2. Tầm quan trọng của môi trường marketing 2.2.3 Phân loại môi trường marketing 2.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi của người tiêu dùng 2.3. Nhu cầu tài chính và động cơ của khách hàng khi sử dụng dịch vụ 2.4. Sự lựa chọn của khách hàng 2.4.1. Khách hàng sẽ lựa chọn dịch vụ như thế nào 2.4.2. Tạo ra sự lựa chọn cho khách hàng 2.4.3. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự lựa chọn của khách hàng	10	
Chương 3: Chiến lược marketing của ngân hàng 3.1. Phân biệt giữa chiến lược và chiến thuật 3.1.1. Khái niệm về chiến lược 3.1.2. Khái niệm về chiến thuật 3.1.3. Phân loại giữa chiến thuật và chiến lược 3.2. Chiến lược marketing 3.3. Chiến lược cạnh tranh 3.3.1. Khái niệm về chiến lược cạnh tranh 3.3.2. Ba quy định cơ bản 3.4. Các câu hỏi cơ bản xác định chiến lược	10	

Chương 4: Chiến lược về giá	5	
4.1. Những vấn đề cơ bản về giá		
4.1.1. Khái niệm về giá		
4.1.2. Hình thức thể hiện		
4.1.3. Đặc điểm về giá		
4.2. Xây dựng chiến lược về giá		
4.2.1. Căn cứ xác định giá	10	
4.2.2. Qui định về giá		
Chương 5: Nghiên cứu thị trường		
5.1. Những vấn đề chung		
5.1.1. Khái niệm về nghiên cứu thị trường		
5.1.2. Tầm quan trọng của việc nghiên cứu thị trường		
5.1.3. Tầm quan trọng của thông tin trên thị trường		
5.2. Quá trình nghiên cứu marketing		
5.2.1. Đặc điểm của marketing ngân hàng		
5.2.2. Quy trình nghiên cứu marketing		
5.2.3. Các phương pháp nghiên cứu thị trường		
5.3. Những điều cần lưu ý khi tiến hành nghiên cứu thị trường		
Chương 6: Phân khúc thị trường	5	
6.1. Cơ sở và phương pháp phân khúc thị trường		
6.1.1. Cơ sở của việc phân khúc thị trường		
6.1.2. Phương pháp phân khúc thị trường		
6.2. Phân khúc thị trường cá nhân và tổ chức		
6.2.1. Phân khúc thị trường cá nhân		
6.2.2. Phân khúc thị trường tổ chức		
6.3. Thị trường mục tiêu		
6.3.1. Phân tích các phân đoạn của thị trường		
6.3.2. Tuyển chọn thị trường mục tiêu		
6.4. Định vị trong thị trường mục tiêu		
6.4.1. Xây dựng kế hoạch định vị sản phẩm		
6.4.2. Dự kiến chiến lược và chính sách marketing		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Trịnh Quốc Trung (2009), *Marketing ngân hàng*, NXB Thống kê.

6.1. Tài liệu khác

2. Lưu Đan Thọ (2014), *Marketing Hiện Đại*, NXB Tài Chính.

3. Bài giảng của giáo viên

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (Làm bài tập và một lần kiểm tra giữa kì): 1 lần làm bài thuyết trình và 1 lần làm bài kiểm tra giữa kỳ.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;
- Điểm bài thuyết trình: hệ số 0,1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,2;
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6.

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS. TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

ThS. Hà Lê Bích Thủy

HỌC PHẦN
TÀI CHÍNH HÀNH VI

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tài chính hành vi
- Mã học phần: 842302
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Thị trường tài chính (832033)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính - Ngân hàng

3. Mô tả học phần

Tài chính hành vi cung cấp một sự tổng hợp các nhân tố lý giải cho những quyết định kinh tế bằng cách kết hợp giữa lý thuyết tài chính và kinh tế học truyền thống với các lý thuyết tâm lý về hành vi và nhận thức. Sau khi học xong học phần này sinh viên có thể nắm bắt các khái niệm tâm lý và các lệch lạc về hành vi, các khía cạnh hành vi của nhà đầu tư, doanh nghiệp trong việc ra quyết định đầu tư, phân bổ tài sản, quản lý doanh nghiệp và những tác động của nó đến xã hội.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức tổng quát trong lĩnh vực Tài chính hành vi và cách nó tác động đến thị trường. Cụ thể, sinh viên được trang bị các kiến thức nền tảng về thị trường hiệu quả, những hạn chế của nó trong việc lý giải những nghịch lý và bất thường - nguồn gốc của Tài chính hành vi. Sinh viên cũng được cung cấp những nền tảng kiến thức của tâm lý học, các xu hướng hành vi của con người, cảm xúc và cách mà chúng tác động đến quá trình ra quyết định.

4.2. Về kỹ năng

Trên cơ sở những nền tảng kiến thức được trang bị, sinh viên có thể hiểu và áp dụng các kiến thức của Tài chính hành vi vào thực tiễn cuộc sống, có khả năng vận dụng kiến thức một cách độc lập hoặc cùng nhóm tiến hành nghiên cứu, phân tích, lý giải các hiện tượng kinh tế - xã hội dưới góc độ của Tài chính hành vi.

4.3. Về thái độ

Nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu, phải có ý thức tự đọc trước các kiến thức của môn học và các môn có liên quan trước khi tham gia buổi học; tích cực tham gia thảo luận, hình thành niềm đam mê khám phá các vấn đề trong môn học.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1 TỔNG QUAN VỀ TÀI CHÍNH HÀNH VI	5	Đọc tài liệu trước Nghe giải thích các khái niệm Thảo luận các vấn đề Kiểm tra nhanh 10 phút, 1 tiết (có thể)
1.1. Khái niệm về Tài chính hành vi		
1.1.1. Tài chính hành vi là gì		
1.1.2. Mục đích nghiên cứu Tài chính hành vi		
1.1.3. Phương pháp nghiên cứu Tài chính hành vi		
1.2. Tài chính học truyền thống và Tài chính hành vi		
1.2.1. Tranh luận về các giả định		
1.2.2. Sự trỗi dậy của Tài chính hành vi		
Chương 2 NỀN TẢNG TÀI CHÍNH	5	
2.1. Kinh tế học tân cổ điển		
2.1.1. Sự ưa thích hợp lý		
2.1.2. Tối đa hóa hữu dụng		
2.1.3. Thông tin liên quan		
2.2. Ba lý thuyết nền tảng		
2.2.1. Lý thuyết kỳ vọng hữu dụng		
2.2.2. Lý thuyết triển vọng		
2.2.3. Lý thuyết người đại diện		
2.3. Thị trường hiệu quả và những thách thức		
2.3.1. Giới thiệu		
2.3.2. Hiệu quả và thông tin		
2.3.3. Một số bất thường chính		
Chương 3. SỰ TỰ NGHIỆM VÀ LỆCH LẠC	5	
3.1. Nhận thức, trí nhớ và tự nghiệm		
3.1.1. Nhận thức		
3.1.2. Trí nhớ		
3.1.3. Tự nghiệm		
3.2. Sự quen thuộc và các tự nghiệm có liên quan		
3.2.1. Sự quen thuộc		
3.2.2. E ngại sự mơ hồ		
3.2.3. Tự nghiệm đa dạng hóa		
3.3. Tính đại diện và các lệch lạc liên quan		
Chương 4 SỰ TỰ TIN QUÁ MỨC	5	
4.1. Sự ước lượng sai		
4.1.1. Ước lượng sai là gì		
4.1.2. Ví dụ về kiểm tra sự ước lượng		
4.2. Những khuynh hướng khác của sự quá tự tin		
4.2.1. Hiệu ứng tốt hơn trung bình		
4.2.2. Ảo tưởng kiểm soát		

4.2.3. Lạc quan quá mức	
Chương 5 HÀNH VI NHÀ ĐẦU TƯ	5
5.1. Hành vi tài chính bất nguồn tự sự quen thuộc	
5.1.1. Ưu tiên sân nhà	
5.1.2. Khoảng cách, văn hóa và ngôn ngữ	
5.1.3. Đầu tư địa phương và những lợi thế về thông tin	
5.2. Hành vi tài chính bất nguồn từ tính đại diện	
5.2.1. Công ty tốt so với đầu tư tốt	
5.2.2. Theo đuổi các cổ phiếu tăng giá	
5.2.3. Tính sẵn có và thu hút sự chú ý	
5.3. Sự quá tự tin và giao dịch quá mức	
5.4. Hiệu ứng ngược vị thế	
Chương 6 TÀI CHÍNH HÀNH VI TRONG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	5
6.1. Hoạch định ngân sách vốn	
6.1.1. Hoàn vốn và việc nói lòng tiên trình	
6.1.2. Chi phí chìm ảnh hưởng đến quyết định từ bỏ	
6.1.3. Các tác động ảnh hưởng đến sự lựa chọn	
6.2. Tâm lý quá tự tin trong quản lý	
6.3. Hoạt động đầu tư và tâm lý quá mức	
6.3.1. Đầu tư quá mức	
6.3.2. Độ nhạy cảm đầu tư đối với dòng tiền	
6.3.3. Thâu tóm và sát nhập	
6.3.4. Khởi nghiệp	

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Baker, H.K., và Nofsinger, J.R., 2011. Tài chính Hành vi: Nhà đầu tư, Doanh nghiệp và Thị trường. PGS.TS Phan Thị Bích Nguyệt & cộng sự biên dịch, NXB Kinh tế TP.HCM.

6.2. Tài liệu khác

2. Ackert, L. và Deaves, R., 2009. Tài chính Hành vi: Tâm lý học, ra quyết định và thị trường. TS. Lê Đạt Chí & cộng sự biên dịch, NXB Kinh tế TP.HCM.

3. Shleifer, A., 2000. Inefficient Markets: An Introduction to Behavioral Finance. Oxford University Press.

4. Bài giảng của Giảng viên.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần:

hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;
 - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0,6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS. TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

ThS. Nguyễn Thị Ngọc Tú

HỌC PHẦN
TÀI CHÍNH VI MÔ**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Tài chính vi mô
- Mã học phần: 842303
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Lý thuyết tài chính tiền tệ (832033)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành:
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính - Ngân hàng**3. Mô tả học phần**

Học phần giới thiệu khái quát về đặc điểm, vai trò của tài chính vi mô, hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô, thiết kế các dịch vụ tài chính vi mô phổ biến, đánh giá tình hình hoạt động của các tài chính vi mô; thảo luận về phát triển tài chính vi mô đối với việc xóa đói giảm nghèo, phát triển nông nghiệp và nông thôn của Việt Nam.

Học phần gồm có 5 nội dung chính: Tổng quan về tài chính vi mô; Các tổ chức tài chính vi mô; Thiết kế sản phẩm tài chính vi mô; Đánh giá hoạt động của tổ chức tài chính vi mô; Tài chính vi mô ở Việt Nam và một số nước trên thế giới.

4. Mục tiêu học phần**4.1. Về kiến thức:**

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô, các dịch vụ tài chính vi mô.

4.2. Về kỹ năng:

Sau khi học xong học phần này, người học có thể phân tích, đánh giá các chương trình, dự án tài chính vi mô, có khả năng tham gia, tổ chức thực hiện các dự án tài chính vi mô trong tiến trình thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo.

4.3. Về thái độ:

Chuyên cần, tích cực tham gia trả lời câu hỏi, làm bài tập và thảo luận tại lớp. Phát triển tinh thần tự học, đọc tài liệu tham khảo, làm việc nhóm, trả lời các câu hỏi của giảng viên.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: TỔNG QUAN VỀ TÀI CHÍNH VI MÔ	5	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên trình bày slides. - Giảng viên trả lời thắc mắc của sinh viên. - Sinh viên trả lời các câu hỏi của giảng viên.
1.1. Lý luận chung về đối nghèo		
1.2. Những vấn đề cơ bản về tài chính vi mô		
1.2.1. Khái niệm, đặc điểm của tài chính vi mô		
1.2.2. Cơ sở ra đời và phát triển của tài chính vi mô		
1.2.3. Vai trò của tài chính vi mô		
1.2.4. Môi trường hoạt động của tài chính vi mô		
1.2.5. Rủi ro trong hoạt động tài chính vi mô		
1.3. Sản phẩm và dịch vụ tài chính vi mô		
1.3.1. Tín dụng vi mô		
1.3.2. Bảo hiểm		
1.3.3. Tiết kiệm		
1.3.4. Dịch vụ tài chính vi mô khác		
Chương 2: TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ	5	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên trình bày slides. - Giảng viên trả lời thắc mắc của sinh viên. - Sinh viên trả lời các câu hỏi của giảng viên.
2.1. Khái niệm tổ chức tài chính vi mô		
2.2. Tầm quan trọng của tổ chức tài chính vi mô		
2.3. Mục tiêu của các tổ chức tài chính vi mô		
2.4. Thị trường mục tiêu của các tổ chức tài chính vi mô		
2.5. Các loại tổ chức tài chính vi mô		
2.5.1. Những tổ chức tài chính vi mô chính thức		
2.5.2. Những tổ chức tài chính vi mô bán chính thức		
2.5.3. Các cá nhân cung cấp dịch vụ tài chính vi mô phi chính thức		
Chương 3: THIẾT KẾ SẢN PHẨM TÀI CHÍNH VI MÔ	10	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên trình bày slides. - Giảng viên trả lời thắc mắc của sinh viên. - Sinh viên trả lời các câu hỏi của giảng viên. - Kiểm tra giữa kỳ
3.1. Thiết kế sản phẩm tín dụng vi mô		
3.1.1. Mô hình dòng tiền, thời hạn cho vay và chu kỳ hoàn trả		
3.1.2. Thế chấp vốn vay		
3.1.3. Định giá vốn vay		
3.1.4. Tính toán tỷ lệ lãi suất		
3.2. Thiết kế sản phẩm tiết kiệm		
3.2.1. Nhu cầu về sản phẩm tiết kiệm		
3.2.2. Quy định pháp lý		
3.2.3. Bảo hiểm tiền gửi		
3.3.4. Khả năng huy động của tổ chức tài chính vi mô		
3.3.5. Giới thiệu sản phẩm tiết kiệm		
3.3.6. Chi phí hoạt động huy động		
3.3.7. Định giá sản phẩm tiết kiệm		

Chương 4: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ	10	
4.1. Đánh giá chất lượng danh mục cho vay		
4.1.1. Tỷ lệ hoàn trả		
4.1.2. Chỉ tiêu đánh giá chất lượng tín dụng		
4.1.3. Tỷ lệ mất vốn		
4.2. Các chỉ tiêu hiệu quả và hiệu suất		
4.2.1. Các chỉ tiêu hiệu quả		
4.2.2. Các chỉ tiêu hiệu suất		- Giảng viên trình bày slides. - Giảng viên trả lời thắc mắc của sinh viên. - Sinh viên trả lời các câu hỏi của giảng viên.
4.3. Đánh giá tính bền vững tài chính		
4.3.1. Chênh lệch lãi suất		
4.3.2. Hai mức độ tự bền vững		
4.3.3. Chỉ số phụ thuộc vào bao cấp		
4.4 Các chỉ tiêu khả năng sinh lời		
4.4.1. Tỷ lệ thu nhập trên tài sản (ROA)		
4.4.2. Tỷ lệ thu nhập trên vốn tự có (ROE)		
4.5. Đòn bẩy và an toàn vốn		
4.5.1. Đòn bẩy		
4.5.2. Tiêu chuẩn an toàn vốn		
4.6. Chỉ số qui mô và phạm vi tiếp cận		
Chương 5: TÀI CHÍNH VI MÔ Ở VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI	15	
5.1. Tài chính vi mô ở Việt Nam		
5.1.1. Thị trường tài chính vi mô Việt Nam		
5.1.2. Môi trường pháp lý cho hoạt động tài chính vi mô Việt Nam		- Giảng viên trình bày slides. - Giảng viên trả lời thắc mắc của sinh viên. - Sinh viên trả lời các câu hỏi của giảng viên.
5.1.3. Các tổ chức chính cung cấp tài chính vi mô tại Việt Nam		
5.1.4. Mức độ tiếp cận của các tổ chức tài chính vi mô tại Việt Nam		
5.2. Tài chính vi mô một số nước trên thế giới		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Joanna Ledgerwood (1999), *Microfinance handbook (Cẩm nang hoạt động tài chính vi mô)*. Người dịch: Ths. Đặng Ngọc Đức, Quách Mạnh Hào, Trần Thanh Tú, Trần Bình Minh, Bùi Thu Dung, Lê Minh Nguyệt. Người hiệu chỉnh: TS. Đào Văn Hùng, Ths. Bùi Minh Giáp. NXB Lao Động – Xã Hội (2006)

6.2. Tài liệu khác

2. PGS. TS. Nguyễn Kim Anh (2013), *Mức độ bền vững của các Tổ chức tài chính vi mô Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*, NXB Giao Thông Vận Tải.

3. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 2195/QĐ-TTg ngày 06/12/2011, về việc Phê duyệt “Đề án xây dựng và phát triển hệ thống TCVM tại Việt Nam đến năm 2020”

4. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 59/QĐ-TTg ngày 19/11/2015, về việc “Ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020”

5. Quốc Hội khoa 12, Luật Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12, ngày 17/06/2010.

6. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Quyết định số 572/QĐ-NHNN ngày 30/03/2012, phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện “Đề án xây dựng và phát triển hệ thống TCVM tại Việt Nam đến năm 2020”

7. Trung tâm Tài chính Vi mô, website: tcvm.hvnh.edu.vn.

8. Nhóm Công tác tài chính vi mô Việt Nam-VMFWG, website: www.microfinance.vn.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): một lần kiểm tra giữa kì và bài tập nhóm.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS. TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

TS. Võ Đức Toàn

HỌC PHẦN
PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH LƯỢNG TRONG TÀI CHÍNH

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Phương pháp định lượng trong tài chính
- Mã học phần: 842304
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Xác xuất thống kê (864001)
 Lý thuyết tài chính tiền tệ (832107)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: không
- + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính – Ngân hàng

3. Mô tả học phần:

Môn này cung cấp cho sinh viên một số phương pháp định lượng cơ bản dùng trong tài chính như: Quy hoạch tuyến tính, Bài toán quản lý tài chính, Bài toán ra quyết định tài chính, Lập lịch trình dự án. Ngoài ra, môn học này cũng trang bị các mô hình toán học được ứng dụng vào những tình huống kinh doanh. Các mô hình này được chọn vì có thể áp dụng được cho nhiều lĩnh vực kinh doanh chức năng: sản xuất, tài chính và tiếp thị. Việc sử dụng phần mềm Excel, Eviews để giải các bài toán được chú ý thích đáng.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản có tính ứng dụng rộng rãi về các phương pháp tìm lời giải cho một bài toán định lượng trong lĩnh vực tài chính. Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: Lựa chọn vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực tài chính; Lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp; Lựa chọn phương pháp thu thập số liệu; Thiết kế bảng câu hỏi và tổ chức thu thập số liệu; Thực hiện viết đề cương nghiên cứu cho vấn đề nghiên cứu đã chọn; Biết cách trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học

4.2. Về kỹ năng: Củng cố kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; có kỹ năng tìm kiếm và lựa chọn kiến thức dùng vào những mục đích riêng biệt. Đồng thời phát triển các kỹ năng sử dụng phần mềm để phân tích dữ liệu phục vụ cho mục tiêu phân tích nào đó.

4.3. Về thái độ: chuyên cần, kỷ luật đi học đúng giờ, tích cực tham gia thảo luận tại lớp, thảo luận và hoàn thành bài tập nhóm. Ngoài ra sinh viên được yêu cầu luôn tăng cường việc tự học thông qua đọc tài liệu tham khảo và trả lời các câu hỏi và bài tập về nhà của giảng viên.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: TỔNG QUAN VỀ PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH LƯỢNG	6	Thuyết giảng, sinh viên đặt ra các vấn đề thắc mắc và giảng viên sẽ hướng dẫn giải thích; sinh viên nghiên cứu các tình huống thực tế.
1.1 Giải quyết vấn đề và quá trình quyết định		
1.2 Ra quyết định và phương pháp định lượng		
1.3 Các bước nghiên cứu định lượng		
1.3.1 Xây dựng mô hình		
1.3.2 Chuẩn bị dữ liệu		
1.3.3 Giải mô hình		
1.3.4 Viết bản báo cáo		
Chương 2: QUY HOẠCH TUYẾN TÍNH	6	Thuyết giảng, sinh viên đặt ra các vấn đề thắc mắc và giảng viên sẽ hướng dẫn giải thích; sinh viên nghiên cứu các tình huống thực tế.
2.1 Đặt vấn đề		
2.1.1 Bài toán cực đại đơn giản		
2.1.2 Bài toán cực tiểu đơn giản		
2.1.3 Những ký hiệu chung của bài toán quy hoạch tuyến tính		
2.2 Những dạng bài toán quy hoạch (bài toán chuyên ngành tài chính)		
2.2.1 Những thành phần của bài toán		
2.2.2 Các dạng bài toán quy hoạch tuyến tính		
2.2.3 Biến đổi dạng của bài toán quy hoạch		
2.3 Những phương pháp giải bài toán quy hoạch tuyến tính		
2.3.1 Phương pháp đồ thị		
2.3.2 Phương pháp đơn hình		
2.4 Bài toán đối ngẫu		
2.4.1 Khái niệm bài toán đối ngẫu		
2.4.2 Quy tắc lập bài toán đối ngẫu		
2.4.3 Mối quan hệ giữa bài toán gốc và bài toán đối ngẫu		
2.5 Phân tích độ nhạy		
2.5.1 Giới thiệu phân tích độ nhạy		
2.5.2 Hàm mục tiêu		
2.5.3 Vế phải		
2.6 Quy hoạch nguyên		
2.6.1 Các dạng mô hình		
2.6.2 Giải bài toán quy hoạch nguyên		
2.6.3 Những ứng dụng quy hoạch		

Chương 3: MÔ HÌNH MẠNG	6	Thuyết giảng, sinh viên đặt ra các vấn đề thắc mắc và giảng viên sẽ hướng dẫn giải thích; sinh viên nghiên cứu các tình huống thực tế.
3.1 Các khái niệm cơ bản		
3.2 Bài toán đường ngắn nhất		
3.2.1 Khái niệm		
3.2.2 Mô tả dạng toán học		
3.2.3 Thuật toán đặt nhãn		
3.3 Bài toán cây bao trùm tối thiểu		
3.3.1 Khái niệm		
3.3.2 Mô tả dạng toán học		
3.3.3 Thuật toán cây bao trùm tối thiểu		
3.4 Bài toán dòng cực đại		
3.4.1 Khái niệm		
3.4.2 Mô tả dạng toán học		
3.4.3 Thuật toán dòng cực đại		
Chương 4: QUY TRÌNH CHỌN MẪU TRONG PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH LƯỢNG	6	Thuyết giảng, sinh viên đặt ra các vấn đề thắc mắc và giảng viên sẽ hướng dẫn giải thích; sinh viên nghiên cứu các tình huống thực tế.
4.1 Thiết lập đề cương nghiên cứu		
4.1.1 Tầm quan trọng của đề cương nghiên cứu		
4.1.2 Nội dung đề cương nghiên cứu		
4.2 Chọn mẫu trong nghiên cứu định lượng		
4.2.1 Khái niệm		
4.2.2 Lý do chọn mẫu		
4.2.3 Sai số trong chọn mẫu		
4.2.4 Quy trình chọn mẫu		
4.2.5 Xác định cỡ mẫu		
4.2.6 Phân biệt chọn mẫu xác suất và chọn mẫu phi xác suất		
Chương 5: ĐO LƯỜNG VÀ THU THẬP DỮ LIỆU ĐỊNH LƯỢNG	6	Thuyết giảng, sinh viên đặt ra các vấn đề thắc mắc và giảng viên sẽ hướng dẫn giải thích; sinh viên nghiên cứu các tình huống thực tế.
5.1 Các cấp độ thang đo trong nghiên cứu		
5.2 Công cụ thu thập dữ liệu		
5.2.1 Khái niệm		
5.2.3 Bảng câu hỏi		
5.3 Hiệu chỉnh dữ liệu		
5.3.1 Khái niệm		
5.3.2 Phương pháp hiệu chỉnh		
5.4 Chuẩn bị dữ liệu		
5.4.1 Khái niệm		
5.4.2 Công cụ phân tích dữ liệu		
5.5 Trình bày kết quả nghiên cứu		
5.5.1 Khái niệm		
5.5.2 Viết báo cáo		
Chương 6: NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN	12	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu các tình huống cụ thể; sinh viên sử dụng phương pháp định lượng để giải quyết các tình huống thực tế.
6.1 Xác định chủ đề nghiên cứu về lĩnh vực tài chính		
6.2 Thực hiện lược khảo tài liệu, tổng quan tài liệu, trích dẫn và liệt kê tài liệu tham khảo		

6.3 Xác định mục tiêu nghiên cứu, câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu		
6.4 Mô tả phương pháp nghiên cứu		
6.5 Trình bày đề cương nghiên cứu		
6.6 Thực hành lấy số liệu từ bảng câu hỏi		
6.7 Dùng mô hình toán học xử lý số liệu		
6.8 Trình bày kết quả nghiên cứu		
Ôn tập, hướng dẫn giải bài tập, giải đáp thắc mắc và tổng kết môn học	3	

6. Tài liệu học tập

6.1 Tài liệu chính:

1. Nguyễn Đình Thọ (2011), *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, NXB Lao động – Xã hội.
2. Huỳnh Trung Lương và Trương Tôn Hiền Đức (2003), *Phương pháp định lượng trong quản lý và vận hành*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

6.2 Tài liệu khác:

3. Render, Barry, Ralph M. Stair, Jr., & Michael E. Hanna (2002), *Quantitative Analysis for Management*, 9th ed., Prentice Hall International, Inc.
4. Bùi Phúc Trung và các cộng sự (1998), *Giáo trình quy hoạch tuyến tính*, trường ĐH Kinh tế TP. HCM.
5. Nguyễn Thị Cảnh (2004), *Phương pháp và phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học kinh tế*, NXB Đại học Quốc Gia TP Hồ Chí Minh.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 1 bài
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
 - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.4;
 - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.5.
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

HỌC PHẦN
KẾ TOÁN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Kế toán ngân hàng thương mại
- Mã học phần: 832112
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (35; 10; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (832061)
 Nguyên lý kế toán (867002)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kế toán

3. Mô tả học phần

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản của các phân hành kế toán trong ngân hàng thương mại. Sau khi học xong môn học sinh viên có thể làm được những công việc của các phân hành kế toán: kế toán huy động vốn; kế toán nghiệp vụ tín dụng; kế toán thanh toán qua ngân hàng; kế toán thanh toán quốc tế và kinh doanh ngoại tệ; kế toán TSCĐ và công cụ dụng cụ; kế toán xác định kết quả kinh doanh của ngân hàng.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

- Trình bày được đặc điểm của các hình thức: huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng, thanh toán qua ngân hàng
- So sánh, nêu được những ưu, nhược điểm của các hình thức huy động vốn, từ đó lựa chọn hình thức huy động vốn tốt nhất.
- Trình bày được các chứng từ kế toán, tài khoản sử dụng và các nguyên tắc kế toán của các phân hành kế toán: huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng, thanh toán qua ngân hàng, thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại tệ, TSCĐ và công cụ dụng cụ.

4.2. Về kỹ năng

- Tính đúng lãi phải thu và lãi phải trả
- Xác định đúng nguyên giá và giá trị hao mòn của TSCĐ; trị giá công cụ dụng cụ mua sử dụng cho hoạt động của ngân hàng và phân bổ vào chi phí đúng qui định

- Định khoản được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến hoạt động huy động vốn, tín dụng, thanh toán qua ngân hàng, thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại tệ, TSCĐ và công cụ dụng cụ

- Đánh giá được ngoại tệ tồn kho cuối tháng
- Xác định được kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

4.3. Về thái độ

Có ý thức chấp hành đúng các qui định của Nhà nước khi thực hiện công tác kế toán ngân hàng thương mại.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA KẾ TOÁN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	3	Phương pháp dạy-học: Đàm thoại
1.1. Khái niệm kế toán ngân hàng		
1.2. Đối tượng của kế toán ngân hàng		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Tự luận
1.2.1. Nguồn vốn		
1.2.2. Sử dụng vốn		
1.3. Đặc điểm, mục tiêu và vị trí của kế toán ngân hàng		
1.3.1. Đặc điểm của kế toán ngân hàng		
1.3.2. Mục tiêu của kế toán ngân hàng		
1.3.3. Vị trí của kế toán ngân hàng		
1.4. Chứng từ kế toán ngân hàng		
1.4.1. Khái niệm		
1.4.2. Phân loại chứng từ		
1.5. Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam		
Chương 2: KẾ TOÁN HUY ĐỘNG VỐN	12	Phương pháp dạy-học: Đàm thoại và diễn giảng
2.1. Ý nghĩa công tác huy động vốn		
2.2. Các hình thức huy động vốn		
2.3. Kế toán tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Tự luận
2.3.1. Kế toán tiền gửi không kỳ hạn		
2.3.2. Kế toán tiền gửi có kỳ hạn		
2.4. Kế toán tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn và tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn		
2.4.1. Kế toán tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn		
2.4.2. Kế toán tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn		
2.5. Kế toán phát hành giấy tờ có giá		
2.5.1. Kế toán phát hành giấy tờ có giá theo mệnh giá		
2.5.2. Kế toán phát hành giấy tờ có giá có chiết khấu		
2.5.3. Kế toán phát hành giấy tờ có giá có phụ trội		
2.6. Kế toán các hình thức huy động vốn khác		
Chương 3: KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG	12	Phương pháp dạy-học:

3.1. Ý nghĩa, nhiệm vụ của kế toán tín dụng		Đàm thoại và diễn giảng
3.1.1. Ý nghĩa		
3.1.2. Nhiệm vụ của kế toán tín dụng		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Tự luận
3.2. Các phương thức tín dụng		
3.3. Phân loại các nhóm nợ		
3.4. Kế toán cho vay thông thường		
3.4.1. Chứng từ sử dụng		
3.4.2. Tài khoản sử dụng		
3.4.3. Phương pháp kế toán		
3.5. Kế toán chiết khấu chứng từ có giá		
3.5.1. Chứng từ sử dụng		
3.5.2. Tài khoản sử dụng		
3.5.3. Phương pháp kế toán		
3.6. Kế toán cho vay trả góp		
3.6.1. Chứng từ sử dụng		
3.6.2. Tài khoản sử dụng		
3.6.3. Phương pháp kế toán		
3.7. Kế toán cho thuê tài chính		
3.7.1. Chứng từ sử dụng		
3.7.2. Tài khoản sử dụng		
3.7.3. Phương pháp kế toán		
3.8. Kế toán cho vay đồng tài trợ		
3.8.1. Chứng từ sử dụng		
3.8.2. Tài khoản sử dụng		
3.8.3. Phương pháp kế toán		
3.9. Kế toán các nghiệp vụ tín dụng khác		
Chương 4: KẾ TOÁN THANH TOÁN QUA NGÂN HÀNG	4	Phương pháp dạy-học: Đàm thoại và diễn giảng
4.1. Những vấn đề chung về thanh toán qua ngân hàng		
4.2. Kế toán thanh toán bằng ủy nhiệm chi		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Tự luận
4.2.1. Quy trình thanh toán bằng ủy nhiệm chi		
4.2.2. Chứng từ sử dụng		
4.2.3. Tài khoản sử dụng		
4.2.4. Phương pháp kế toán		
4.3. Kế toán thanh toán bằng ủy nhiệm thu		
4.3.1. Quy trình thanh toán bằng ủy nhiệm thu		
4.3.2. Chứng từ sử dụng		
4.3.3. Tài khoản sử dụng		
4.3.4. Phương pháp kế toán		
4.4. Kế toán thanh toán bằng séc		
4.4.1. Quy trình thanh toán bằng séc		
4.4.2. Chứng từ sử dụng		
4.4.3. Tài khoản sử dụng		
4.4.4. Phương pháp kế toán		
CHƯƠNG 5: KẾ TOÁN THANH TOÁN QUỐC TẾ VÀ KINH DOANH NGOẠI TỆ	8	Phương pháp dạy-học: Diễn giảng và đàm thoại

5.1. Kế toán thanh toán quốc tế		
5.1.1. Các hình thức thanh toán quốc tế		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Tự luận
5.1.2. Chứng từ sử dụng		
5.1.3. Tài khoản sử dụng		
5.1.4. Phương pháp kế toán		
5.2. Kế toán kinh doanh ngoại tệ		
5.2.1. Kế toán mua, bán ngoại tệ		
5.2.2. Kế toán đánh giá lại ngoại tệ tồn kho cuối kỳ		
CHƯƠNG 6: KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ	3	Phương pháp dạy-học: Đàm thoại
6.1. Kế toán tài sản cố định		
6.1.1. Chứng từ sử dụng		
6.1.2. Tài khoản sử dụng		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Tự luận
6.1.3. Phương pháp kế toán		
6.2. Kế toán công cụ dụng cụ		
6.2.1. Chứng từ sử dụng		
6.2.2. Tài khoản sử dụng		
6.2.3. Phương pháp kế toán		
6.3. Kế toán xây dựng cơ bản		
6.3.1. Chứng từ sử dụng		
6.3.2. Tài khoản sử dụng		
6.3.3. Phương pháp kế toán		
CHƯƠNG 7: KẾ TOÁN THU NHẬP, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	3	Phương pháp dạy-học: Diễn giảng và đàm thoại
7.1. Kế toán thu nhập		
7.1.1. Chứng từ sử dụng		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Tự luận
7.1.2. Tài khoản sử dụng		
7.1.3. Phương pháp kế toán		
7.2. Kế toán chi phí		
7.2.1. Chứng từ sử dụng		
7.2.2. Tài khoản sử dụng		
7.2.3. Phương pháp kế toán		
7.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh		
7.3.1. Chứng từ sử dụng		
7.3.2. Tài khoản sử dụng		
7.3.3. Phương pháp kế toán		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1. Trương Thị Hồng (2015), *Lý thuyết – Bài tập và Câu hỏi trắc nghiệm Kế toán ngân hàng*, NXB Kinh tế Tp. HCM, TP. HCM.

6.2. Tài liệu khác:

2. Nguyễn Thị Loan, Lâm Thị Hồng Hoa và các cộng sự (2010), *Kế toán ngân hàng*, NXB Thống kê, Tp. HCM.

3. Trương Thị Hồng và Nguyễn Ngọc Hân (2009), *Bài tập tình huống về Kế toán ngân hàng*, NXB Lao động, Tp. HCM.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01 bài.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh chỉ được sử dụng Bảng hệ thống tài khoản các TCTD), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,4;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS. TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Anh Hiền

ThS. Hà Hoàng Như

HỌC PHẦN
KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Kế toán quản trị
- Mã học phần: 842110
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (30; 10; 5; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Nguyên lý kế toán (867002)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành:
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán

3. Mô tả học phần

Cung cấp cho người học những kiến thức nghiệp vụ cần thiết để thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính cho việc hoạch định, kiểm soát và ra quyết định.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

- Trình bày được những vấn đề chung của Kế toán quản trị; phân loại chi phí; phương pháp phân tích mối quan hệ Chi phí-Sản lượng-Lợi nhuận; phương pháp phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và biến động biến phí sản xuất.

- Trình bày các loại dự toán, phương pháp và qui trình lập dự toán trong doanh nghiệp sản xuất và thương mại.

- Trình bày được các phương pháp định giá bán sản phẩm thông thường.

- Trình bày được phương pháp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin thích hợp cho các quyết định ngắn hạn.

- Trình bày phương pháp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các quyết định dài hạn.

4.2. Về kỹ năng

- Xác định và vẽ đồ thị hòa vốn; xác định được qui mô để đạt lợi nhuận mục tiêu; tính số dư an toàn; đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố trong mô hình phân tích (phân tích độ nhạy); tính được đòn cân định phí;...

- Lập được các dự toán ngắn hạn: Dự toán doanh thu, các dự toán hoạt động, các dự toán tài chính.

- Lập bảng phân tích và xác định mức độ ảnh hưởng của Sản lượng tiêu thụ, Giá bán sản phẩm và Chi phí đến kết quả kinh doanh trong kỳ; Phân tích, xác định nhân tố lượng và nhân tố giá đến biến động biến phí sản xuất.

- Định giá bán sản phẩm thông thường theo các phương pháp: Thặng số chi phí; định giá theo thời gian sản xuất và chi phí nguyên vật liệu,...

- Thu thập và xử lý thông tin cho các loại quyết định: chấp nhận hay không một đơn đặt hàng với giá giảm; Ngừng hay không việc sản xuất kinh doanh một ngành hàng; Xác định cơ cấu sản xuất để tối đa hóa lợi nhuận; Mua hay thuê; Bán hay tiếp tục gia công.

4.3. Về thái độ

Trung thực, khách quan và bảo mật thông tin.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: Giới thiệu chung về Kế toán quản trị	3t	Diễn giảng Thảo luận
1.1. Bản chất của kế toán quản trị		
1.1.1. Sự ra đời và phát triển của kế toán quản trị		
1.1.2. Định nghĩa kế toán quản trị		
1.1.3. Mối quan hệ giữa kế toán quản trị và kế toán tài chính		
1.1.4. Các nhân tố thúc đẩy sự phát triển kế toán quản trị đương đại		
1.2. Vai trò của kế toán quản trị trong quá trình ra quyết định		
1.2.1. Vị trí của kế toán quản trị trong tổ chức		
1.2.2. Vai trò của kế toán quản trị		
1.2.3. Nhiệm vụ của kế toán quản trị		
Chương 2: Chi phí – Khái niệm và phân loại	9t	
2.1. Bản chất của chi phí		
2.1.1. Theo quan điểm kinh tế học		
2.1.2. Theo quan điểm của kế toán		
2.2. Phân loại chi phí và ước lượng chi phí		
2.2.1. Phân loại chi phí		
2.2.2. Ước lượng chi phí		
2.3. Dòng chi phí trong chuỗi giá trị		
2.3.1. Chi phí trước quá trình sản xuất		
2.3.2. Chi phí trong quá trình sản xuất		
2.3.3. Chi phí sau quá trình sản xuất		
Chương 3: Phân tích mối quan hệ C-V-P	8t	Diễn giảng Bài tập Thảo luận Bài tập tình huống
3.1. Một số khái niệm		
3.1.1. Số dư đảm phí		
3.1.2. Báo cáo kết quả kinh doanh theo mẫu số dư đảm		

phí		Kiểm tra: tự luận
3.1.3. Hòa vốn		
3.2. Phân tích mối quan hệ C-V-P trong doanh nghiệp đơn sản phẩm		
3.2.1. Theo phương pháp đại số		
3.2.2. Theo phương pháp đồ thị		
3.2.3. Ứng dụng phân tích mối quan hệ C-V-P để ra quyết định		
3.2.4. Ảnh hưởng của thuế thu nhập doanh nghiệp		
3.3. Phân tích mối quan hệ C-V-P trong doanh nghiệp đa sản phẩm		
3.3.1. Xác định cơ cấu sản xuất và tiêu thụ		
3.3.2. Tính số trung bình trọng của đảm phí đơn vị		
3.3.3. Xác định sản lượng và doanh thu		
3.3.4. Phân bổ sản lượng và doanh thu		
3.4. Phân tích độ nhạy		
3.5. Hạn chế trong việc phân tích mối quan hệ C-V-P		
3.6. Cấu trúc chi phí và đòn cân định phí		
3.6.1. Cấu trúc chi phí		
3.6.2. Đòn cân định phí		
Chương 4: Dự toán ngân sách	9t	Diễn giảng Bài tập Thảo luận Bài tập tình huống Kiểm tra: tự luận
4.1. Hoạch định chiến lược và dự toán ngân sách		
4.1.1. Hoạch định chiến lược		
4.1.2. Dự toán ngân sách		
4.1.3. Các loại dự toán		
4.2. Mục đích của dự toán ngân sách		
4.3. Định mức chi phí		
4.3.1. Khái niệm		
4.3.2. Phương pháp định mức		
4.3.3. Định mức chi phí sản xuất		
4.4. Lập dự toán hàng năm		
4.4.1. Trách nhiệm và trình tự lập dự toán		
4.4.2. Quy trình lập dự toán		
4.4.3. Các trường hợp thường gặp khi lập dự toán		
Chương 5: Kiểm soát chi phí bằng dự toán linh hoạt và định mức chi phí	6t	Diễn giảng Bài tập Bài tập tình huống Kiểm tra: tự luận
5.1. Dự toán linh hoạt		
5.1.1. Khái niệm		
5.1.2. Tác dụng của dự toán linh hoạt		
5.2. Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch lợi nhuận		
5.3. Phân tích biến động chi phí sản xuất		
5.3.1. Biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp		
5.3.2. Biến động chi phí nhân công trực tiếp		
5.3.3. Biến động chi phí sản xuất chung		
Chương 6: Định giá bán sản phẩm	6t	Diễn giảng Bài tập Kiểm tra: tự luận
6.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định giá		
6.1.1. Nhu cầu của khách hàng		

6.1.2. Hoạt động của đối thủ cạnh tranh		
6.1.3. Chi phí sản xuất và tiêu thụ sản phẩm		
6.1.4. Các vấn đề chính trị và pháp lý		
6.2. Lý thuyết định giá		
6.2.1. Mục tiêu định giá theo mô hình lý thuyết		
6.2.2. Mô hình định giá		
6.2.3. Tác dụng của mô hình lý thuyết		
6.2.4. Hạn chế của mô hình lý thuyết		
6.3. Các phương pháp định giá dựa vào chi phí		
6.3.1. Phương pháp thặng số chi phí		
6.3.2. Định giá theo thời gian sản xuất và chi phí NVL		
6.3.3. Định giá cạnh tranh		
6.4. Định giá sản phẩm mới		
6.4.1. Chiến lược định giá xói		
6.4.2. Chiến lược định giá thâm nhập		
6.4.3. Chiến lược định giá theo chi phí mục tiêu		
Chương 7: Thông tin thích hợp cho các quyết định ngắn hạn	4t	
7.1. Đặc điểm của các quyết định ngắn hạn		
7.2. Thông tin thích hợp cho các quyết định ngắn hạn		
7.2.1. Qui trình ra quyết định		
7.2.2. Thông tin thích hợp		Diễn giảng
7.2.3. Tầm quan trọng của thông tin thích hợp		Bài tập
7.2.4. Nhận diện các thông tin thích hợp		Bài tập tình huống
7.3. Phân tích một số quyết định ngắn hạn		Kiểm tra: tự luận
7.3.1. Chấp thuận hay không một đơn đặt hàng đặc biệt		
7.3.2. Ngừng hay không một ngành hàng hay dây chuyền sản xuất		
7.3.3. Xác định cơ cấu sản xuất để tối đa hóa lợi nhuận		
7.3.4. Chế tạo hay mua nguyên vật liệu		
7.3.5. Bán hay tiếp tục gia công		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Trần Đình Phụng (chủ biên), Nguyễn Khắc Hùng, Huỳnh Vũ Bảo Trâm, Giang Quốc Tuấn (2016), *Kế toán quản trị*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.

6.2. Tài liệu khác

2. Nguyễn Minh Phương (chủ biên) (2009), *Kế toán quản trị*, NXB Lao động-Xã hội, Hà Nội.

3. Colin Drury (2000), *Management & Cost Accounting*, Business Press, Thomson Learning, Fifth Edition.

4. Kim Langfield-Smith, Helen Thone, Ronald W. Hilton (2006), *Management Accounting 4e (Information for managing and creating value)*, McGraw Hill.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 2 lần
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
 - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.1;
 - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;
 - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6.
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS. TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Anh Hiền

TS. Trần Đình Phụng

HỌC PHẦN
THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP
- Mã học phần: 842398
- Số tín chỉ: 05
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 75 (75; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 2 (832059)
 Nghiệp vụ NHTM (832061).
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
- + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính – Ngân hàng

3. Mô tả học phần

Sinh viên phải tìm hiểu các hoạt động nghiệp vụ đang có tại cơ sở thực tập (Ngân hàng, các công ty tài chính, doanh nghiệp,...), ghi chép đầy đủ các quy trình nghiệp vụ, các nội dung nghiệp vụ theo thực tế tại đơn vị. Sau thời gian thực tập, sinh viên phải làm báo cáo thực tập theo nội dung các hoạt động nghiệp vụ mà sinh viên đã tìm hiểu, có so sánh đối chiếu với bài học trên lớp và có nhận xét về tính khoa học và tính thực tiễn của các hoạt động thực tiễn đã nghiên cứu. Bản báo cáo phải được kèm bản nhận xét đánh giá thực tập tại cơ sở, được giáo viên hướng dẫn thông qua, nộp về bộ môn. Sinh viên phải bảo vệ trước hội đồng để được đánh giá.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên vận dụng kiến thức tổng hợp của các môn học vào thực tế hoạt động, sản xuất, có điều kiện so sánh, giải thích, áp dụng những kiến thức đã học vào công việc cụ thể.

4.2. Về kỹ năng: Thực tập tốt nghiệp rèn cho sinh viên khả năng biết liên kết, biết làm việc trong một cộng đồng, cùng vì một nhiệm vụ chung.

4.3. Về thái độ: Thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên rèn luyện tính tổ chức, kỷ luật, khả năng làm việc độc lập, sáng tạo.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học
-------------------------	---------	---------------------------------------------

		và kiểm tra, đánh giá
Lời mở đầu 1. Tính cấp thiết của đề tài 2. Mục đích nghiên cứu 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 4. Phương pháp nghiên cứu 5. Kết cấu đề tài		Sinh viên tự tìm hiểu và trình bày với giảng viên hướng dẫn.
Chương 1. Cơ sở lý thuyết liên quan đến đề tài 1.1. Khái niệm 1.2. Vai trò 1.3. Chỉ tiêu đánh giá (được sử dụng trong chương 2)	5	
Chương 2: Thực trạng hoạt động tại đơn vị thực tập (Ngân hàng, doanh nghiệp, ...) 2.1. Khái quát về đơn vị thực tập (lịch sử hình thành và phát triển, cơ cấu tổ chức,...) 2.2. Tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh tại đơn vị 2.3. Đánh giá thực trạng hoạt động 2.4. Kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân	60	Giảng viên hướng dẫn, sinh viên tự tìm hiểu theo hướng dẫn và viết chuyên đề tốt nghiệp theo yêu cầu của giảng viên
Chương 3: Kiến nghị và giải pháp 3.1. Định hướng phát triển đơn vị 3.2. Giải pháp, kiến nghị để hoàn thiện vấn đề nghiên cứu.	10	
Kết luận		
Tài liệu tham khảo		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

[1] Bộ môn Tài chính – Ngân hàng Đại học Sài Gòn (2016), *Bộ quy chuẩn viết chuyên đề tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng*.

[2] Văn bản pháp lý liên quan đến hoạt động tổ chức.

6.2. Tài liệu khác:

[3] Tài liệu thực tế tại đơn vị thực tập.

[4] Các tài liệu sinh viên tự tìm hiểu có liên quan đến đề tài.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: không

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Viết báo cáo thực tập

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.3;

HỌC PHẦN
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Khóa luận tốt nghiệp
- Mã học phần: 842399
- Số tín chỉ: 08
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 120 (120; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Không có
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Thực tập tốt nghiệp (842398)
- + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính – Ngân hàng

3. Mô tả học phần

Sinh viên phải tìm hiểu các hoạt động nghiệp vụ đang có tại cơ sở thực tập (Ngân hàng, các công ty tài chính, doanh nghiệp,...), ghi chép đầy đủ các quy trình nghiệp vụ, các nội dung nghiệp vụ theo thực tế tại đơn vị. Sau thời gian thực tập, sinh viên phải làm báo cáo thực tập theo nội dung các hoạt động nghiệp vụ mà sinh viên đã tìm hiểu, có so sánh đối chiếu với bài học trên lớp và có nhận xét về tính khoa học và tính thực tiễn của các hoạt động thực tiễn đã nghiên cứu. Bản báo cáo phải được kèm bản nhận xét đánh giá thực tập tại cơ sở, được giáo viên hướng dẫn thông qua, nộp về bộ môn. Sinh viên phải bảo vệ trước hội đồng để được đánh giá.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên vận dụng kiến thức tổng hợp của các môn học vào thực tế hoạt động, sản xuất, có điều kiện so sánh, giải thích, áp dụng những kiến thức đã học vào công việc cụ thể.

4.2. Về kỹ năng: Thực tập tốt nghiệp rèn cho sinh viên khả năng biết liên kết, biết làm việc trong một cộng đồng, cùng vì một nhiệm vụ chung.

4.3. Về thái độ: Thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên rèn luyện tính tổ chức, kỷ luật, khả năng làm việc độc lập, sáng tạo.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Lời mở đầu 1. Tính cấp thiết của đề tài 2. Mục đích nghiên cứu 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 4. Phương pháp nghiên cứu 5. Kết cấu đề tài		Sinh viên tự tìm hiểu và trình bày với giảng viên hướng dẫn.
Chương 1. Cơ sở lý thuyết liên quan đến đề tài 1.1. Khái niệm 1.2. Vai trò 1.3. Chỉ tiêu đánh giá (được sử dụng trong chương 2)	5	
Chương 2: Thực trạng hoạt động tại đơn vị thực tập (Ngân hàng, doanh nghiệp, ...) 2.1. Khái quát về đơn vị thực tập (lịch sử hình thành và phát triển, cơ cấu tổ chức,...) 2.2. Tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh tại đơn vị 2.3. Đánh giá thực trạng hoạt động 2.4. Kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân	60	Giảng viên hướng dẫn, sinh viên tự tìm hiểu theo hướng dẫn và viết chuyên đề tốt nghiệp theo yêu cầu của giảng viên
Chương 3: Kiến nghị và giải pháp 3.1. Định hướng phát triển đơn vị 3.2. Giải pháp, kiến nghị để hoàn thiện vấn đề nghiên cứu.	10	
Kết luận		
Tài liệu tham khảo		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

[1] Đại học Sài Gòn (2012), *Quy định về việc viết khóa luận tốt nghiệp*.

[2] Văn bản pháp lý liên quan đến hoạt động tổ chức.

6.2. Tài liệu khác:

[3] Tài liệu thực tế tại đơn vị thực tập.

[4] Các tài liệu sinh viên tự tìm hiểu có liên quan đến đề tài.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: không

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Viết khóa luận tốt nghiệp và bảo vệ trước hội đồng

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Không
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Không
- Điểm viết khóa luận và bảo vệ trước hội đồng: thang điểm 10.

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình của hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

TS. Nguyễn Văn Nông

HỌC PHẦN
NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Nghiệp vụ ngân hàng trung ương
- Mã học phần: 842305
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Quản trị ngân hàng thương mại (842061)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính – Ngân hàng

3. Mô tả học phần

Môn học khái quát về cơ cấu tổ chức, chức năng và hoạt động của NHTW trong việc quản lý hệ thống NHTM, thị trường tài chính, thực thi chính sách tiền tệ cho mục tiêu tăng trưởng trưởng kinh tế.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức căn bản về hệ thống ngân hàng quốc gia, các nghiệp vụ của ngân hàng trung ương trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ.

4.2. Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức về các nghiệp vụ của NHTM, thị trường tài chính để nắm bắt về hoạt động của NHTW trong việc thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước về tiền tệ.

4.3. Về thái độ: Sinh viên phải có tinh thần học tập nghiêm túc và cầu tiến.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: Hệ thống ngân hàng quốc gia	6	Giảng dạy lý thuyết kết hợp phân tích các tình huống thực tế liên quan đến môn học.
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển ngân hàng		
1.2. Chức năng của NHTW		
1.3. Mô hình tổ chức NHTW		
1.4. NHTW Việt Nam		

Chương 2: Nghiệp vụ phát hành tiền của NHTW	6
2.6. Những vấn đề chung	
2.7. Nguyên tắc phát hành tiền	
2.8. Các kênh phát hành tiền	
Chương 3: Nghiệp vụ tín dụng của NHTW	9
3.6. Những vấn đề chung	
3.7. Hoạt động tín dụng của NHTW	
3.7.1. Tái cấp vốn	
3.7.2. Chiết khấu và tái chiết khấu	
3.7.3. Cho vay thanh toán	
3.7.4. Bảo lãnh	
3.7.5. Tạm ứng cho ngân sách nhà nước	
Chương 4: Nghiệp vụ thị trường mở của NHTW	9
4.1. Những vấn đề chung về thị trường mở	
4.2. Phương thức giao dịch trên thị trường mở	
4.3. Phương pháp xác định giá	
Chương 5: Hệ thống thanh toán qua ngân hàng	9
5.1. Hệ thống thanh toán	
5.2. Phương thức thanh toán	
5.3. Tổ chức và điều hành hệ thống thanh toán	
Chương 6: Chính sách tiền tệ quốc gia	6
6.1. Mục tiêu của chính sách tiền tệ	
6.2. Nội dung của chính sách tiền tệ	
6.3. Công cụ của chính sách tiền tệ	

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Đăng Dờn (2011), *Nghiệp vụ NHTW*, NXB Đại học quốc gia TP.HCM.

6.2. Tài liệu khác

2. Nguyễn Minh Kiều (2011), *Nghiệp vụ NHTM*, NXB Lao động – Xã hội, TPHCM.

3. Nguyễn Văn Nông (2011), *Thị trường tài chính*, NXB Lao động – Xã hội, TP.HCM.

4. Nguyễn Thị Mùi (2009), *Nghiệp vụ NHTW*, NXB Đại học quốc gia TP.HCM.

5. Nguyễn Văn Nông (2011), *Thị trường tài chính*, NXB Tổng hợp TP.HCM;

6. Lê Vinh Danh (2003), *Tiền và hoạt động ngân hàng*, NXB Chính trị quốc gia.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 02 bài kiểm tra giữa kỳ

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6.

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS. TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

TS. Nguyễn Văn Nông

HỌC PHẦN
KHAI BÁO THUẾ

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Khai báo thuế
- Mã học phần: 842117
- Số tín chỉ: 02
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Thuế (832026)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành:
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính - Ngân hàng

3. Mô tả học phần

Cung cấp cho sinh viên những nghiệp vụ khai báo các sắc thuế cơ bản áp dụng trong doanh nghiệp như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính sách thuế, các phương pháp tính thuế cũng như cách thức thu nộp.

4.2. Về kỹ năng: Tính được số thuế phải nộp: Thuế Môn bài, Thuế TNCN, thuế GTGT, thuế XNK, thuế TNDN.

4.3. Về thái độ: Sinh viên có thái độ tuân thủ pháp luật về thuế.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Giới thiệu hoá đơn chứng từ thuế và phần mềm khai báo thuế	3	
1.1 Hoá đơn chứng từ khai thuế 1.2 Các mẫu biểu khai báo thuế 1.3 Phần mềm khai báo thuế		
Chương 2. Thuế Môn bài	3	
2.1. Thuế Môn bài đối với tổ chức kinh tế 2.2. Thuế Môn bài đối với hộ kinh doanh cá thể		

2.3. Kê khai thuế Môn bài		Sinh viên học cách thực hành trên chứng từ thực tế của một doanh nghiệp để khai báo thuế GTGT và TNDN bằng phần mềm của Tổng cục thuế hiện đang áp dụng cho các doanh nghiệp. Kiểm tra giữa kỳ: bài tập thực hành
Chương 3. Thực hành khai báo thuế GTGT	9	
3.1 Khai thuế GTGT đầu vào 3.2. Khai thuế GTGT đầu ra 3.3. Tờ khai thuế tổng hợp đầu vào, đầu ra 3.3. Điều chỉnh thuế khi xảy ra sai sót		
Chương 4. Thực hành khai báo thuế TNDN	9	
4.1. Lập báo cáo kết quả kinh doanh 4.2. Điều chỉnh sự khác biệt giữa doanh thu, chi phí và thu nhập khác giữa kế toán và luật thuế TNDN 4.2.1. Doanh thu chịu thuế 4.2.2. Chi phí được trừ khi tính thuế TNDN 4.2.3. Thu Nhập khác chịu thuế 4.3. Lập tờ khai thuế TNDN		
Chương 5. Thực hành khai thuế TNCN	6	
5.1. Lập tờ khai thuế TNCN đối với tổ chức trả lương cho người lao động. 5.1.1. Kê khai theo tháng hoặc theo Quý 5.1.2. Quyết toán thuế TNCN 5.2. Lập tờ khai thuế quyết toán thuế đối với cá nhân người lao động. 5.2.1. Trường hợp chỉ có thu nhập duy nhất tại một cơ quan chi trả thu nhập. 5.2.2. Trường hợp có thu nhập từ hai cơ quan chi trả thu nhập.		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1. Nguyễn Thị Mỹ Linh, *Thuế thực hành* – Nhà xuất bản thống kê, 2009;

6.2. Tài liệu khác:

2. Đỗ Đức Minh, *Giáo trình Lý thuyết thuế* – Nhà xuất bản Tài chính, 2015;
3. Bài giảng của Giảng viên.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): Kiểm tra 01 lần giữa kỳ.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.3;
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS. TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

TS. Trương Văn Khánh

HỌC PHẦN
ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Định giá tài sản
- Mã học phần: 842118
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Quản trị rủi ro tài chính (842059)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính – Ngân hàng

3. Mô tả học phần

Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quát về sự phát triển của ngành thẩm định giá tài sản trên thế giới và Việt Nam; cung cấp kiến thức cơ bản liên quan đến thẩm định giá như cơ sở về giá trị, nguyên tắc, phương pháp, quy trình và tiêu chuẩn thẩm định giá quốc tế và Việt Nam làm cơ sở cho việc thẩm định giá trị tài sản phục vụ các mục tiêu mua bán, thuê mướn, báo cáo tài chính, kiểm toán, thuế, bảo hiểm, cầm cố, đầu tư...

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

Cung cấp những căn cứ, nguyên tắc, phương pháp, qui trình, báo cáo thẩm định giá theo tiêu chuẩn thẩm định giá Quốc tế, Việt Nam. Nắm vững cơ sở giá trị và nguyên tắc thẩm định giá trị tài sản. Nắm vững 3 phương pháp chính trong thẩm định giá: phương pháp so sánh; phương pháp chi phí; phương pháp thu nhập.

Trang bị cho sinh viên kiến thức căn bản về định giá tài sản, các công cụ và phương pháp để định giá tài sản.

4.2. Về kỹ năng

Bên cạnh việc hiểu ý nghĩa lý luận, môn học còn chú ý đến những vấn đề định lượng về kỹ thuật phân tích, phối hợp các phương pháp phân tích liên quan đến lĩnh vực tài chính và những bài học rút ra từ việc thực hành phân tích.

4.3. Về thái độ

Sử dụng phương pháp đối thoại. Sinh viên nghiên cứu tài liệu trước theo hướng dẫn.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1 ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN	3	<p>Đọc tài liệu trước Nghe giải thích các khái niệm. Kiểm tra nhanh 10 phút, 1 tiết</p>
1.3. Thẩm định giá trên thế giới		
1.3.1. Số thẻ đã cấp		
1.3.2. Quy mô giao dịch		
1.3.3. Các hiệp hội thẩm định giá		
1.4. Thẩm định giá ở Việt Nam		
1.4.1. Trước năm 1986		
1.4.2. Giai đoạn 1986-nay		
1.5. Yêu cầu nghề nghiệp		
1.5.1. Nhận xét chung		
1.5.2. Các yêu cầu cơ bản của IVSC		
Chương 2 NGUYÊN TẮC THẨM ĐỊNH GIÁ	9	
2.4. Tính tất yếu phải vận dụng các nguyên tắc thẩm định giá		
2.5. Các nguyên tắc cơ bản		
2.2.4. Nguyên tắc sử dụng tốt nhất và có hiệu quả nhất		
2.2.5. Nguyên tắc thay thế		
2.2.6. Nguyên tắc đóng góp		
2.2.7. Nguyên tắc cung cầu		
2.6. Một số nguyên tắc khác		
2.7. 13 tiêu chuẩn thẩm định giá		
Chương 3 ĐỊNH GIÁ BẤT ĐỘNG SẢN	9	
3.4. Vai trò của người định giá bất động sản		
3.5. Nguyên tắc hoạt động định giá bất động sản		
3.6. Điều kiện kinh doanh và yêu cầu chuyên môn		
3.7. Các phương pháp định giá bất động sản		
3.4.1. Phương pháp so sánh		
3.4.2. Phương pháp đầu tư		
3.4.3. Phương pháp chi phí		
3.4.4. Phương pháp thặng dư		
Chương 4 ĐỊNH GIÁ MÁY MÓC THIẾT BỊ	9	
4.3. Tổng quan về máy móc thiết bị		
4.4. Cơ sở thẩm định giá		
4.2.1 Giá trị thị trường		
4.2.2. Giá trị phi thị trường		
4.5. Nguyên tắc thẩm định giá		
4.6. Quy trình thẩm định giá		
4.7. Phương pháp thẩm định giá		
4.5.1. Khấu hao máy móc thiết bị		
4.5.2. Phương pháp so sánh		
4.5.3. Phương pháp chi phí		
4.5.4. Phương pháp thu nhập		

4.5.5. Sử dụng công thức Berim trong định giá	
4.8. Báo cáo và chứng thư thẩm định giá	
Chương 5 ĐỊNH GIÁ DOANH NGHIỆP	9
5.5. Doanh nghiệp và nhu cầu xác định giá trị doanh nghiệp	
5.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị doanh nghiệp	
5.2.1. Môi trường kinh doanh	
5.2.2. Môi trường bên trong	
5.7. Các phương pháp định giá doanh nghiệp	
5.3.1. Phương pháp giá trị tài sản thuần	
5.3.2. Phương pháp định lượng Goodwill	
5.3.3. Phương pháp hiện tại hóa các nguồn tài chính trong tương lai	
5.3.4. Phương pháp P/E	
Chương 6 BÁO CÁO THẨM ĐỊNH GIÁ	6
6.4. Hồ sơ thẩm định giá	
6.1.4. Khái niệm	
6.1.5. Vai trò	
6.1.6. Nội dung	
6.5. Báo cáo thẩm định	
6.6. Chứng thư thẩm định giá	
6.3.5. Khái niệm	
6.3.6. Giá trị	
6.3.7. Nội dung	
6.3.8. Mẫu chứng thư thẩm định giá	

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Ngọc Vinh- Nguyễn Quỳnh Hoa (quý III/2014), *Giáo trình thẩm định giá trị bất động sản*, NXB lao động- xã hội.
- 6.1. Tài liệu chính
2. Phạm Thị Ngọc Mỹ (2009), *Giáo trình thẩm định giá căn bản*, NXB Thống kê.
3. Nguyễn Thế Phương (2011), *Giáo trình thẩm định giá bất động sản*, NXB Phương Đông. *Tiêu chuẩn thẩm định giá quốc tế 2005*, NXB Tài chính.
4. Bài giảng của giáo viên.
5. Pháp lệnh giá và các văn bản hướng dẫn thi hành, Bộ Tài chính-Trung tâm thông tin và thẩm định giá Miền Nam, NXB Tổng hợp TP.HCM, 2015.
6. Tài liệu bồi dưỡng kiến thức ngắn hạn chuyên ngành thẩm định giá, quyển 1 và 2, Bộ tài chính- Cục Quản lý giá- NXB Hà Nội, 2014.
7. Tạp chí thẩm định giá và thị trường, Trung tâm thông tin và thẩm định giá miền Nam, nhà xuất bản Tổng hợp.
8. 13 tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS. TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

ThS. Nguyễn Thị Ngọc Tú